

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC: KHTN 6,7,8,9; CÔNG NGHỆ 6,7,8,9; HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP, KHỐI LỚP 6,7,8,9
(Năm học 2024 - 2025)

I. Đặc điểm tình hình

Tổng số học sinh trường có 22 lớp, với 934 học sinh, trong đó nữ 445; HS dân tộc 01 em, HS khuyết tật 08 em, (Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh diện chính sách, học sinh nghèo 03). Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 6 đạt 100%.

Khối	Tổng số	Nữ
6	265	126
7	253	124
8	253	115
9	163	80

Tổng toàn trường	934	445
------------------	-----	-----

2. Tình hình đội ngũ:

- Về số lượng: Tổng số viên chức: 51đ/c Trong đó :

+ Cán bộ quản lý : 02 đ/c,

+ Giáo viên có 43 đ/c; trong đó có 03 hợp đồng.

+ Nhân viên: 06 đ/c

- Về chất lượng :

+ Đội ngũ CB,GV, NV có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, phần lớn có kinh nghiệm trong giảng dạy và công tác. 94,1% đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

3.1. Môn KHTN

3.1.1. KHTN 6

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bộ thước đo độ dài: thước thẳng, thước dây, thước cuộn, compa, thước cặp (nếu có)	6	Bài 5: Đo chiều dài	
2	Cân đồng hồ, cân bỏ túi, cân điện tử, cân Rô-béc-van, cân	6	Bài 6:Đo khối lượng	
3	Đồng hồ bấm giây, đồng hồ đeo tay, điện thoại....	6	Bài 7. Đo thời gian	

4	Các loại nhiệt kế (Nhiệt kế điện tử, nhiệt kế màu, nhiệt kế y tế, nhiệt kế phòng thí nghiệm, nhiệt kế rượu), giá đỡ, kẹp vạn năng khăn lau, bông y tế, cốc chịu nhiệt	6	Bài 8: Đo nhiệt độ	
5	Lò xo dài, dây chun, bộ thí nghiệm (lò xo lá tròn có dây kéo gắn trên giá, xe lăn, nam châm thẳng)	6	Bài 40. Lực là gì?	
6	Lò xo dài, lò xo lá tròn, bóng cao su, dây cao su, lưỡi cưa, hòn đá, bấm quần áo, ...	6	Bài 42. Biến dạng của lò xo	
7	Giá thí nghiệm, Lực kế lò xo, quả nặng có khối lượng 50g, 100g, 200g.	6	Bài 43. Trọng lượng, lực hấp dẫn	
8	Bộ thí nghiệm (1 hộp thủy tinh hoặc nhựa cứng, trong suốt dạng hình hộp chữ nhật; 1 xe lăn, 1 tấm cản hình chữ nhật, 1 đường ray cho xe lăn chạy, 1 ròng rọc cố định, 1 phễu rót nước, 1 đoạn dây mảnh, 1 lực kế lò xo GHĐ 5N, 1 van xả nước)	1	Bài 45. Lực cản của nước	
9	Hai con lắc gồm 2 quả cầu giống nhau, giá treo cố định, thước mét, tấm bìa 1 quả bóng tennis (hoặc bóng cao su), thước dây (hoặc thước cuộn), 1 sợi dây dài hơn 1m 1 đoạn dây cao su, mấy que tăm, lõi chỉ, băng keo, bút chì, vòng đệm	1	Bài 48. Sự chuyển hoá năng lượng.	

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
01	Tranh, ảnh: Một số hoạt động trong phòng thực hành; Các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.	1 bộ	Bài 2. An toàn trong phòng thực hành	
02	- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: + Bộ TN để đo nhiệt độ nóng chảy của nước đá: cốc nước đá, nhiệt kế. + Bộ TN tìm hiểu tính tan: 3 cốc nước, muối, đường, dầu ăn, thìa thủy tinh. + Bộ TN đun nóng đường và muối: 2 bát sứ, đường, muối ăn, giá TN, đèn cồn, bật lửa.	4 bộ 4 bộ 4 bộ	Bài 9: Sự đa dạng của chất	
03	- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: + 1 miếng gỗ nhỏ, 2 xi lanh nhựa, cốc nước màu. + Bộ TN để theo dõi nhiệt độ thí nghiệm của nước trong quá trình sôi: cốc thủy tinh chịu nhiệt, nhiệt kế, đèn cồn, giá thí nghiệm. + Bộ TN theo dõi nhiệt độ nước đá trong quá trình nóng chảy. cốc thủy tinh, ống nghiệm, nhiệt kế.	4 bộ 4 bộ 4 bộ	Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể	
04	- Dụng cụ: 2 ống nghiệm có nút, 1 chậu thủy tinh; 1 cốc thủy tinh hình trụ có vạch chia; diêm - Hóa chất: nước pha màu, đá, 1 cây nến gắn vào đế nhựa, nước vôi trong hoặc dung dịch kiềm loãng.	4 bộ	Bài 11. Oxygen. Không khí	
05	- Chuẩn bị 4 bộ dụng cụ thí nghiệm xác định khả năng dẫn điện của vật liệu: Bộ mạch điện (nguồn, công tắc, bóng đèn), các vật dụng bằng kim loại, nhựa, gỗ, cao su, thủy tinh, gốm sứ.	4 bộ	Bài 12. Một số vật liệu	

	- Chuẩn bị 4 bộ dụng cụ thí nghiệm xác định khả năng dẫn nhiệt của vật liệu: Bát sứ, các thìa bằng kim loại, gỗ, sứ, nhựa.			
06	- Dụng cụ, hóa chất: Đá vôi, dd axit HCl, đĩa thủy tinh, đinh sắt, ống hút.	4 bộ	Bài 13. Một số nguyên liệu	
07	Máy tính, ti vi, bảng nhóm, bút lông, các phiếu học tập.	1	Bài 14. Một số nhiên liệu	
08	- Máy tính, ti vi, bảng nhóm, bút lông, các phiếu học tập. - HS chuẩn bị (cho mỗi nhóm học sinh): 2 hộp nhựa nhỏ đựng gạo, 1 hộp cho thêm nước cho ướt hết gạo, để nguyên ngoài không khí khoảng 5-10 giờ.	4 bộ	Bài 15. Một số lương thực, thực phẩm	
09	- Dụng cụ: 3 cốc thủy tinh, 3 thìa thủy tinh, 3 ống nghiệm, thìa thủy tinh, đèn cồn. - Hóa chất: nước cất, bột sắn dây, muối ăn, đường, bột đá vôi.	4 bộ	Bài 16. Hỗn hợp các chất	
10	- 2 cốc thủy tinh, thìa, phễu, giấy lọc, đất sét, nước. - phễu chiết, chai nhựa khoảng 500 ml, cốc thủy tinh, giá thí nghiệm, dầu ăn, nước.	4 bộ	Bài 17. Tách chất khỏi hỗn hợp.	

PHÂN MÔN SINH HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	-Kính lúp	10 cái	Bài 3. Sử dụng kính lúp	
2	-Kính hiển vi	4 cái	Bài 4. Sử dụng kính hiển vi	
3	- Thiết bị dụng cụ: kính hiển vi, dao mổ, thìa, giấy thấm, lam kính, ống nhỏ giọt, kim mũi mác, nước cất đựng trong cốc thủy tinh.	4 bộ	Bài 21. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số loại tế bào	

	- Mẫu vật: Củ hành tây, các tế bào niêm mạc miệng			
4	- Thiết bị dụng cụ kính hiển vi, giấy thấm, ống nhỏ giọt, cốc đong - Mẫu vật: Nước ao (hồ), một số loài thực vật như rau, lúa, cây rau ngót,...	4 bộ	Bài 24: Thực hành: Quan sát và mô tả cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào	
5	- Nhiệt kế, kính hiển vi, bộ lam kính và lamên, ống nhỏ giọt, giấy thấm, cốc 1,2 lít, thìa trộn, nước cất, cốc thủy tinh, ấm đun nước, thùng xộp có nắp, lọ thủy tinh nhỏ có nắp.	4 bộ	Bài 28: Thực hành: Làm sữa chua và quan sát hình thái vi khuẩn	
6	- Kính hiển vi có vật kính 10x, Lam kính, lamên, Ống nhỏ giọt, giấy thấm, cốc thủy tinh.	4 bộ	Bài 31. Thực hành: Quan sát nguyên sinh vật	
7	- Nhiệt kế, Bộ đồ mổ, Lam kính, lamên, Găng tay, khẩu trang, Kính hiển vi có vật kính 10x, Kính hiển vi có vật kính 40x, Nước ao, hồ	4 bộ	Bài 33. Thực hành: Quan sát các loại nấm	
8	- Kính hiển vi có vật kính 10x, Kính lúp, Kính hiển vi có vật kính 40x, Dao lam, ống nhỏ giọt, lam kính, lamên	4 bộ	Bài 35. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	
9	- Vợt bướm, lọ đựng mẫu vật... - Hình ảnh các loại động vật ở các hệ sinh thái	4 bộ	Bài 37. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	
10	- Vợt bướm, lọ đựng mẫu vật...	4 bộ	Bài 39. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	

3.1.2. KHTN 7

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
-----	------------------	----------	------------------------------	---------

1	Dao động kí	05	Tìm hiểu dạng đồ thị của sóng âm	
2	Đồng hồ đo thời gian hiện số dùng cổng quang điện	05	Đo thời gian	
3	Tấm ván phẳng, thước, bút đánh dấu, đồng hồ bấm giây, quyển sách mỏng, xe đồ chơi	05	Thí nghiệm đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây	
4	Hai cổng quang điện, đồng hồ đo thời gian hiện số, các dây dẫn, chiếc xe nhỏ có gắn tấm cản quang, quả nặng, ròng rọc, sợi chỉ, thước	05	Thí nghiệm đo tốc độ bằng đồng hồ đo thời gian hiện số dùng cổng quang điện	
5	Âm thoa, trống, đàn ghi ta, búa cao su, còi, dây chun, hộp nhựa	05	Thí nghiệm tạo ra và cảm nhận âm thanh, tạo âm to, âm nhỏ	
6	Đồng hồ báo thức, bể nước nhỏ, cốc thủy tinh, màng nhựa, dây chun, dây buộc, giá đỡ	05	Thí nghiệm tìm hiểu sự truyền sóng âm trong chất lỏng	
7	Lá thép mỏng đàn hồi	05	Thí nghiệm tìm hiểu biên độ, tần số dao động	
8	Âm thoa, hộp cộng hưởng, búa cao su, dao động kí, micro	05	Thí nghiệm quan sát đồ thị dao động của âm thoa, mối liên hệ giữa độ cao và tần số âm	
9	Hai ống nhựa, tấm gỗ, tấm xốp, tấm kính mờ, tấm thảm nhựa	05	Thí nghiệm tìm hiểu sự phản xạ âm khí có vật cản	
10	Tấm pin mặt trời 5,5V, đèn LED 3W, bóng đèn 75W, dây nối	05	Thí nghiệm thu năng lượng ánh sáng	

11	Nguồn sáng, một tờ giấy khổ lớn, vật cản sáng, màn chắn	05	Thí nghiệm tạo chùm sáng hẹp song song, vùng tối và vùng nửa tối	
12	Nguồn sáng hẹp (laser), gương phẳng, bảng chia độ, màn hứng	05	Thí nghiệm nghiên cứu hiện tượng phản xạ ánh sáng	
13	Gương phẳng, gương trong suốt, màn chắn, cây nến, thước nhựa	05	Thí nghiệm tìm hiểu tính chất của ảnh tạo bởi gương phẳng	
14	Nam châm thẳng, nam châm chữ U, kim nam châm, nam châm tròn, chìa khóa đồng, kẹp giấy, bút chì, giá treo	05	Thí nghiệm tìm hiểu về nam châm, tác dụng của nam châm lên các vật liệu, sự định hướng của nam châm, sự tương tác giữa hai nam châm	
15	Kim nam châm, thanh nam châm, giá đỡ	05	Thí nghiệm nhận biết từ trường của nam châm	
16	Tấm nhựa trong có mặt sắt, thanh nam châm, kim nam châm, bút chì, tờ giấy trắng	05	Thí nghiệm quan sát từ phổ của nam châm, tìm hiểu về đường sức từ	
17	La bàn	05	Tìm hiểu cấu tạo của la bàn và cách xác định hướng địa lí của một đối tượng	
18	Dây dẫn điện, đinh vít, giá lắp in 1,5V, công tắc, kẹp giấy bằng sắt	05	Thí nghiệm về nam châm điện	

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Các dụng cụ đo lường đã học lớp 6. Tranh ảnh mô hình nguyên tử của nguyên tử carbon, nitrogen, oxygen. Bì nhựa	5 bộ	Chủ đề 1 :Nguyên tử. Nguyên tố hóa học	

	to màu đỏ và viên bi nhỏ màu xanh - Mô hình 4.4 SGK			
1	- Dụng cụ thí nghiệm: bình tam giác, cốc thủy tinh - Hóa chất: iodine, đường ăn, nước ấm. Mô hình hạt của đồng, muối ăn ở thể rắn, khí oxygen, khí hiem helium, khí carbon dioxit	5 bộ	Bài 5: Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	

PHÂN MÔN SINH HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
01	- Giá thí nghiệm, băng keo đen, nước ấm (khoảng 40 ⁰ C), cốc thủy tinh, nhiệt kế, panh, đĩa Petri, đèn cồn, ống nghiệm, túi đen: 4 bộ. - Hóa chất: Cồn 90 ⁰ ; dung dịch iodine (iodine là thuốc thử tinh bột, khi nhỏ vào tinh bột, tinh bột sẽ thành màu xanh tím).	06 01	Bài 24: Thực hành: chứng minh quang hợp ở cây xanh	
02	- Tủ ẩm (nếu có), đĩa petri, cốc thủy tinh, nhiệt kế, nhãn dán, nước, nước ấm, bông y tế, giấy thấm, chuông thủy tinh. - Nước vôi trong.	01 01	Bài 27 - Thực hành hô hấp ở thực vật	
03	- Dụng cụ và hóa chất phục vụ thí nghiệm: nước, đường, muối, dầu ăn, cốc thủy tinh, thìa...	01	Bài 29: Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật	
04	- Video thí nghiệm thân vận chuyển nước và thí nghiệm lá	01	Bài 32:	

	thoát hơi nước bằng máy Máy aMixer MGA - Máy aMixer MGA, cảm biến độ ẩm tương đối, lọ đựng mẫu, lá cây		Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	
05	- Máy chiếu để chiếu tranh ảnh, video - Dụng cụ thí nghiệm	01	Bài 35: Thực hành: cảm ứng ở sinh vật	
06	-Mẫu vật các loại mô -Kính hiển vi - Máy trình chiếu	01	Bài 38: Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	

3.1.3. KHTN 8

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bộ dụng cụ đo khối lượng riêng Gồm: - Cân hiện số (TBDC). - Bình tràn 650 ml, bằng nhựa trong; cốc nhựa 200 ml; ống đong loại 250 ml; vật không thấm nước -Thước đo độ dài, Khối gỗ hình hộp	4	Bài 14. Thực hành xác định khối lượng riêng	
2	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất chất lỏng Gồm: Bộ giá thí nghiệm và lực kế 5 N (TBDC). vật nhôm 100 cm ³ ; bình đựng nước 0,6 lít kèm giá đỡ có thể dịch chuyển bình theo phương thẳng đứng.	4	Bài 16. Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển	

	<p>Bộ dụng cụ thí nghiệm áp lực Gồm: - 2 Xi lanh 100 ml và 300 ml. - Các quả kim loại 50 gam và bộ giá thí nghiệm (TBDC). - Áp kế.</p> <p>Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất khí quyển Gồm: Cốc nước đường kính 75 mm, cao 90 mm; giấy bìa không thấm nước. Pipet (TBDC)</p>	4		
3	<p>Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng làm quay của lực Gồm: Lực kế (TBDC); Thanh nhựa cứng, có lỗ móc lực kế cách đều nhau, dài tối thiểu 300 mm liên kết với giá có điểm tựa trục quay.</p>	4	Bài 18. Tác dụng làm quay lực. Moment lực	
	<p>Bộ thí nghiệm cho học sinh: - Chiếc đĩa nhựa, đĩa thủy tinh, vải -Giá thí nghiệm và dây treo</p>	4	Bài 20. Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	
4	<p>Bộ dụng cụ thí nghiệm dẫn điện -Vôn kế (hoặc cảm biến điện thế) (TBDC). - Dây dẫn, bóng đèn, thanh nhựa, thanh kim loại -Nguồn điện, công tắc, bóng đèn, dây nối, kẹp, hộp pin 3V</p>	4	Bài 21. Dòng điện, nguồn điện	
5	<p>Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của dòng điện Gồm: - Bình điện phân, dung tích tối thiểu 200 ml có nắp đậy 2 điện cực bằng than. - Nguồn điện (hoặc pin) ,ampe kế, vôn kế - Công tắc, dây nối, bóng đèn. - Đồng hồ đo điện đa năng hoặc cảm biến điện thế và cảm biến dòng điện (TBDC)</p>	4	<p>Bài 23. Tác dụng của dòng điện</p> <p>Bài 25. Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế</p>	
6	Bộ dụng cụ đo năng lượng nhiệt	4	Bài 27. Thực hành đo năng lượng nhiệt	

	Gồm: Nhiệt lượng kế có nắp, đường kính tối thiểu 100 mm, có xốp cách nhiệt. Oát kế có công suất đo tối đa 75 W, cường độ dòng điện đo tối đa 3 A, điện áp đầu vào 0-25 V-DC, cường độ dòng điện điện đầu vào 0-3 A, độ phân giải công suất 0,01 W, độ phân giải thời gian: 0,1s, có LCD hiển thị.		bảng joulemeter	
7	<p>Bộ dụng cụ thí nghiệm nở vì nhiệt</p> <p>Gồm: Ống kim loại rỗng, sơn tĩnh điện với Φngoài khoảng 34mm, chiều dài 450mm, trên thân có bộ phận gắn ống dẫn hơi nước nóng vào/ra, có lỗ để cắm nhiệt kế, hai đầu ống có nút cao su chịu nhiệt với lỗ Φ6 mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng hồ chỉ thị độ giãn nở có độ chia nhỏ nhất 0,01 mm (đồng hồ so cơ khí). - 02 thanh kim loại đồng chất (nhôm, đồng) có Φ6 mm, chiều dài 500 mm. - Giá đỡ : đế bằng thép chữ U sơn tĩnh điện, có cơ cấu để đỡ ống kim loại rỗng, một đầu giá có bộ phận định vị thanh kim loại và điều chỉnh được, đầu còn lại có bộ phận gá lắp đồng hồ so tì vào đầu còn lại của thanh kim loại. - Ống cao su chịu nhiệt để dẫn hơi nước đi qua ống kim loại rỗng. - Bộ đun nước bằng thủy tinh chịu nhiệt, có đầu thu hơi nước vừa với ống cao su dẫn hơi nước. 	4	Bài 29. Sự nở vì nhiệt	

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Ống nghiệm, cốc thủy tinh, bình tam giác, phiễu, ống đong, ống nhỏ giọt, kẹp gỗ, Giấy đo pH (Hoặc bút đo), máy đo huyết áp, công tắc, biến trở...	4 bộ	Bài 1. Sử dụng một số hóa chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm	

2	- Giá đỡ kim loại, nền - Cốc thủy tinh 250ml - Nhiệt kế, đèn cồn, lưới cách nhiệt, kiềng sắt - Mô hình Hydrogen và Oxygen	4 bộ	Bài 2. Phản ứng hóa học	
3	-Thanh sắt gỏi, đèn cồn, Ống nghiệm, thìa, cốc thủy tinh	4 bộ	Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	
4	-Ống nghiệm, ống nhỏ giọt, giấy pH	4 bộ	Bài 9. Base – Thang pH	

PHÂN MÔN SINH HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	. Dụng cụ điều tra thành phần quần xã sinh vật Ống nhòm hai mắt 16×32 nhỏ, với tiêu cự 135mm, độ phóng đại tối đa lên đến 16 lần, đường kính 32mm. (Dùng chung với thiết bị ở lớp 6).	4	Bài 44. Hệ sinh thái	
2	- - Bộ băng bó cho người gãy xương tay, xương chân Gồm: Bộ băng bó gồm: 2 thanh nẹp bằng gỗ bào nhẵn dài (300- 400) mm, rộng (40-50) mm, dày từ (6-10) mm; 4 cuộn băng y tế, mỗi cuộn dài 200 mm; 4 cuộn gạc y tế.	4	Bài 31. Hệ vận động ở người	
3	- Dụng cụ đo huyết áp	4	Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	
...	Dụng cụ đo thân nhiệt. Nhiệt kế (lỏng) (TBDC).	1	Bài 39. Da và điều hòa thân nhiệt ở người	

3.1.4. KHTN 9

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	01	Áp dụng cho tất cả các tiết dạy	GV tự chuẩn bị
2	Máy chiếu	01	Áp dụng cho tất cả các tiết dạy	
3	- Dụng cụ: Bóng nhựa; con lắc đơn; giá TN ^o có treo sợi dây ko dẫn. - Tranh hình: 3.1 \Rightarrow 4 (SGK/18 \Rightarrow 20)	04	Bài 3. Cơ năng (1 Tiết).	GV tự chuẩn bị
4	- Dụng cụ: bảng TN ^o có gắn tròn chia độ; bản bán trụ thủy tinh; đèn 12V-21W có khe cài chắn sáng; nguồn điện. - Tranh hình: 5.1 \Rightarrow 6 (SGK/25 \Rightarrow 28)	04	Bài 5. Khúc xạ ánh sáng (2 Tiết).	GV tự chuẩn bị
5	- Dụng cụ: bảng TN ^o có gắn tròn chia độ; bản bán trụ thủy tinh; đèn 12V-21W có khe cài chắn sáng; nguồn điện. - Tranh hình: 6.1 \Rightarrow 4 (SGK/30 \Rightarrow 33)	04	Bài 6. Phản xạ toàn phần (3 Tiết).	GV tự chuẩn bị
6	- Dụng cụ: lăng kính gắn trên giá; đèn ánh sáng trắng có khe hẹp; màn hứng chùm sáng; nguồn điện và dây nối; tấm kính lọc sắc đỏ, sắc tím. - Tranh hình: 7.1 \Rightarrow 13 (SGK/34 \Rightarrow 39)	04	Bài 7. Lăng kính (2 Tiết).	GV tự chuẩn bị

7	<p>- Dụng cụ: nguồn sáng; thấu kính hội tụ, phân kỳ; đèn chiếu sáng; vật sáng bằng kính mờ hình chữ F; màn chắn; giá quang học; nguồn điện và dây nối.</p> <p>- Tranh hình: 8.1 \Rightarrow 12 (SGK/40 \Rightarrow 45)</p>	04	Bài 8. Thấu kính (2 Tiết).	GV tự chuẩn bị
8	<p>- Dụng cụ: nguồn sáng; vật sáng bằng kính mờ hình chữ F; thấu kính hội tụ; màn chắn; giá quang học đồng trục; nguồn điện, dây nối.</p>	04	Bài 9. Thực hành đo tiêu cự của thấu....	GV tự chuẩn bị
9	<p>- Dụng cụ: nguồn điện 1 chiều 12V; 1 bóng đèn 2,5V; 3 vật dẫn là 3 điện trở $R_1 - R_2 - R_3$; công tắc, các dây nối; biến trở; điện trở R_0; 1 ampe kế; 1 vôn kế;</p> <p>- Tranh hình: 11.1 \Rightarrow 5 (SGK/53 \Rightarrow 59)</p>	04	Bài 11. Điện trở. Định luật Ohm (4 Tiết).	GV tự chuẩn bị
10	<p>- Dụng cụ: nguồn điện 1 chiều 12V; 3 điện trở $R_1 = 6\Omega - R_2 = 10\Omega - R_3 = 16\Omega$; ampe kế có giới hạn đo 3A và có độ chia nhỏ nhất là 0,01A; công tắc, các dây nối.</p> <p>- Tranh hình: 12.1 \Rightarrow 4 (SGK/60 \Rightarrow 62)</p>	04	Bài 12. Đoạn mạch nối tiếp, song ... (3 Tiết)	GV tự chuẩn bị
12	<p>- Dụng cụ: thanh nam châm vĩnh cửu; cuộn dây dẫn; điện kế và các dây nối; cuộn dây kín có 2 bóng led đỏ và vàng mắc song song và ngược cực; thanh nam châm có chực quay; cuộn dây mềm; điện kế; kẹp giữ; dây nối; Bộ thí nghiệm mô hình máy phát điện xoay chiều có 2 đèn led.</p>	04	Bài 14. Cảm ứng điện từ. Nguyên... (4 Tiết)	GV tự chuẩn bị

	- Tranh hình: 14.1 \Rightarrow 9 (SGK/67 \Rightarrow 71)			
--	--	--	--	--

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	01	Áp dụng cho tất cả các tiết dạy	GV tự chuẩn bị
2	Máy chiếu	01	Áp dụng cho tất cả các tiết dạy	
3	- Dụng cụ nguồn sáng; bộ dụng cụ tìm hiểu tính chất của ảnh qua thấu kính; điện kế; đồng hồ đo điện; cuộn dây dẫn kín có 2 đèn led; bát sứ; phễu; bình cầu thủy tinh; lưới tản nhiệt. - Tranh hình: 1.1 \Rightarrow 13 (SGK/6 \Rightarrow 14)	04	Bài 1. Nhận biết 1 số dụng cụ... (3 Tiết).	GV tự chuẩn bị
4	- Dụng cụ: 2 ống nghiệm (đánh số 1, 2); chậu thủy tinh; panh; ống nghiệm. - Hoá chất: Na; đinh Fe; dây Cu; dung dịch AgNO ₃ 2%; nước.	04	Bài 19. Dây hoạt động hóa học.... (4 Tiết).	GV tự chuẩn bị
5	- Dụng cụ: bật lửa ga; bình tam giác thủy tinh chịu nhiệt có nút; ống nghiệm. - Hoá chất: Nước vôi trong. - Tranh hình: 23.1, 2 (SGK/107, 109).	04	Bài 23. Alkane (2 Tiết).	GV tự chuẩn bị
6	- Dụng cụ: bình cầu có nhánh 250ml; ống nghiệm; bình thủy tinh; ống dẫn khí thủy tinh có đầu vuốt nhọn; ống dẫn khí thủy tinh chữ	04	Bài 24. Alkene (2 Tiết).	GV tự chuẩn bị

	<p>L; Giá đỡ TN⁰.</p> <p>- Hoá chất: dung dịch ethylic alcohol (cồn) 96⁰; dung dịch H₂SO₄ đặc; 2ml nước bromine; dung dịch NaOH.</p>			
7	<p>- Dụng cụ: bát sứ, que đóm; ống nghiệm; panh.</p> <p>- Hoá chất: ethylic alcohol (cồn) 96⁰; Na.</p> <p>- Tranh hình: 26.1 ⇒ 5 (SGK/118 ⇒ 121).</p>	04	Bài 26. Ethylic Alcohol (3 Tiết).	GV tự chuẩn bị
8	<p>- Dụng cụ: ống nghiệm; đèn cồn; ống hút nhỏ giọt.</p> <p>- Hoá chất: acetic acid 10%; dung dịch NaOH 10%; Mg; CuO; đá vôi đập nhỏ; quỳ tím (hoặc giấy pH); phenolphthlein.</p> <p>- Tranh hình: 27.1 ⇒ 4 (SGK/123 ⇒ 126).</p>	04	Bài 27. Acetic acid (3 Tiết).	GV tự chuẩn bị
9	<p>- Dụng cụ: cốc thuỷ tinh; ống nghiệm.</p> <p>- Hoá chất: dung dịch glucose 10%; dung dịch AgNO₃ 1%; dung dịch NH₃ 5%; nước nóng.</p> <p>- Tranh hình: 29.1 ⇒ 3 (SGK/131 ⇒ 134).</p>	04	Bài 29. Carbohydrate. Glucose và... (2 Tiết).	GV tự chuẩn bị
10	<p>- Dụng cụ: ống nghiệm; thìa lấy h/c; kẹp; cốc thuỷ tinh chịu nhiệt 100ml; đèn cồn.</p> <p>- Hoá chất: dung dịch hồ tinh bột; dung dịch iodine; dung dịch HCl 2M.</p> <p>- Tranh hình: 30.1 ⇒ 2 (SGK/136 ⇒ 137).</p>	04	Bài 30. Tinh bột và cellulose (3 Tiết).	GV tự chuẩn bị

11	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ: 3 ống nghiệm; đèn cồn, kẹp. - Hoá chất: lòng trắng trứng; dung dịch HCl 1M. - Tranh hình: 31.1 \Rightarrow 2 (SGK/138 \Rightarrow 139). 	04	Bài 31. Protein (2 Tiết).	GV tự chuẩn bị
----	--	----	----------------------------------	----------------

PHÂN MÔN SINH HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Hình ảnh về DNA, mô hình DNA	1	Bài 38. Nucleic acid và gene	
2	- Hình ảnh, video về quá trình nhân đôi DNA	1	Bài 39. Tái bản dna và phiên mã tạo mã	
3	- Hình ảnh hoạt động mở đầu; hình ảnh, video,... về cấu trúc hiển vi, siêu hiển vi của NST.		Bài 42. Nhiễm sắc thể và bộ nhiễm sắc thể	
	- Video về diễn biến quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh		Bài 43. Nguyên phân và giảm phân	
4	-Hình ảnh về hai tính trạng màu sắc thân và chiều dài cánh ở ruồi giấm		Bài 45. Di truyền liên kết	
5	- Tranh hình 46.1, 46.2 và một số hình ảnh của thể đột biến đa bội.		Bài 46. Đột biến nhiễm sắc thể	
6	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh về các tính trạng ở người. - Giấy khổ A0. 		Bài 47. Di truyền học với con người	

		04		
2	Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu, video về: Loài cá cảnh được nuôi, bể nuôi cá cảnh, thức ăn nuôi cá cảnh, thiết bị phụ trợ cho nuôi cá cảnh, nguồn nước dùng cho nuôi cá cảnh, phòng và trị bệnh cho cá cảnh	01	Bài 16: Thực hành – Lập kế hoạch nuôi cá cảnh	

3.2.3. Công nghệ 8

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Tranh hình 2.25 SGK	01	Bài 2: Hình chiếu vuông góc	.
2	Tranh hình 2.6 SGK	01	Bài 2. Bản vẽ chi tiết	
2	Tranh hình 4.8 SGK		Bài 4. Bản vẽ lắp	
4	Tranh hình 5.4 SGK	01	Bài 5. Bản vẽ nhà	
5	Bộ tiêu bản vật liệu cơ khí	04	Bài 6 Vật liệu cơ khí	
6	- Bộ mô hình bộ truyền và biến đổi chuyển động Dụng cụ: Thước lá, kìm, tua vít	04	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	
7	- Bộ dụng cụ gia công bằng tay: dũa, búa, đục, vạch dầu, dầu chấm - Dụng cụ đo kiểm tra: thước lá, thước cặp, đo độ - Phôi nhôm: 50x50x2 - Ê tô, gấn bàn ê tô - Giấy giáp	04	Bài 10. Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay	
8	Dụng cụ bảo vệ an toàn điện: bút thử điện, kìm điện	04	Bài 12. Biện pháp an toàn điện	
9	Bộ dụng cụ, thiết bị sơ cứu người bị tai nạn điện.	04	Bài 12. Sơ cứu người bị tai nạn điện	
10	Tua vít		Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng	

	Công tắc Đèn LED 12V; máy bơm 12V, quạt điện 12V Kìm tuốt dây điện Băng dính cách điện Dây điện đôi: Tiết diện 1,5mm ² , dài 5m Nguồn điện một chiều 12V Mô đun cảm biến ánh sáng MXH M121, mô đun cảm biến độ ẩm MH, mô đun cảm biến nhiệt độ XH W1209	04	mô đun cảm biến	
11	Dụng cụ cơ khí cầm tay: khoan, dao cắt, kìm, sung bắn keo... Một số mô đun cảm biến đã học Nguồn 12V, dây dẫn, công tắc Ổ điện nối nguồn 220V Vật liệu: van nước, ống nhựa, chai nhựa, bìa giấy, băng dính ống nước.	04	Bài 20. Dự án: Thiết kế hệ thống tưới cây tự động	

3.2.4. Công nghệ 9

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
I. Tranh ảnh				
ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP				
1	Sơ đồ liệt kê một số nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.	02	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	
2	Sơ đồ cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.	02	Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	
3	Tranh ảnh về thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam.	02	Bài 3. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam	
4	Sơ đồ quy trình lựa chọn nghề nghiệp.	02	Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp	
5	Sơ đồ tổng quát về các nội dung cần đánh giá mức độ của học sinh đối với một số	02	Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số	

	ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.		ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	
Modul: LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ.				
1	Tranh ảnh về các thiết bị đóng cắt, lấy điện	02	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình	
2	Tranh ảnh về dụng cụ đo điện	02	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản	
3	Mô hình về mạng điện trong nhà; Sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà.	02	Bài 3. Thiết kế mạng điện trong nhà	
4	Hình ảnh thiết bị, vật liệu, dụng cụ của mạng điện.	02	Bài 4. Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà	
5	Hình ảnh ví dụ về tính toán chi phí	02	Bài 5. Tính toán chi phí mạng điện trong nhà	
6	Hình ảnh về quy trình lắp đặt mạng điện; các sơ đồ nguyên lý; sơ đồ lắp đặt mạng điện	02	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà	
7	Mô phỏng một số hình ảnh ngành nghề liên quan	02	Bài 7. Một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà	
II. Video				
ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP				
1	Giới thiệu về các nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	01	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	
2	Giới thiệu về thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam	01	Bài 3. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam	
Modul: LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ.				
1	Giới thiệu cách sử dụng các dụng cụ đo điện cơ bản.	01	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản	
2	Mô phỏng quy trình thiết kế mạng điện trong nhà.	01	Bài 3. Thiết kế mạng điện trong nhà	
3	Mô phỏng các bước lắp đặt mạng điện và	01	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện	

	mô phỏng quá trình hoạt động của các thiết bị điện, đồ dùng điện, đường đi của dòng điện trong mạng điện đã thiết kế hoàn chỉnh.		trong nhà	
III. Thiết bị thực hành				
1	Thiết bị đóng cắt và lấy điện	02	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình	
2	Bộ dụng cụ đo điện cơ bản	02	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản	
3	Thiết bị, vật liệu, dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà	02	Bài 4. Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà	

4. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

4.1 Môn KHTN

4.1.1. KHTN 6

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Học kì 1			
1	Bài 1: Giới thiệu về KHTN	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên (KHTN). - Trình bày được các lĩnh vực chủ yếu của KHTN. - Hiểu được vai trò, ứng dụng của KHTN trong đời sống và sản xuất. - Phân biệt được các lĩnh vực của KHTN dựa vào đối tượng nghiên cứu.
2	Đo chiều dài	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài.
3	Đo khối lượng	2	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được chiều dài trong

			<p>một số trường hợp đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo khối lượng; ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. - Sử dụng được một số loại dụng cụ đo khối lượng..
4	Đo thời gian (Tích hợp dạy học STEM)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu đơn vị đo thời gian trong hệ SI và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. - Trình bày được các bước sử dụng đồng hồ để đo thời gian một hoạt động và chỉ ra được cách khắc phục một số thao tác sai bằng đồng hồ khi đo thời gian. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo và ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.
5	Đo nhiệt độ	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về nhiệt độ các vật. - Phát biểu được nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$, $^{\circ}\text{F}$) và dụng cụ thường dùng để đo nhiệt độ. - Kể tên được các loại nhiệt kế và công dụng của mỗi loại. - Trình bày được các bước sử dụng nhiệt kế y tế, nhiệt kế điện tử để đo nhiệt độ cơ thể.
6	Lực là gì?	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được sự đẩy, kéo của vật này lên vật khác là lực. - Nhận biết được lực có tác dụng làm thay đổi chuyển động, biến dạng vật. - Nhận biết được có hai loại lực là lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. - Nâng cao năng lực hợp tác trong học tập
7	Biểu diễn lực	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các đặc trưng của lực: điểm đặt, độ lớn, phương và chiều. - Kể tên được đơn vị lực: Niuton (N).
8	KT giữa kì 1	1	
9	Biến dạng của lò xo	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được ứng dụng của lò xo và ứng dụng của nó trong một số thiết bị thường gặp
10	Trọng lượng, lực hấp dẫn	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các khái niệm: khối lượng, lực hấp dẫn, trọng lượng của vật. - Phân biệt được trọng lượng và khối lượng.
11	Lực ma sát	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện giữa bề mặt giữa hai vật. nguyên nhân gây ra là tương tác giữa hai bề mặt của hai vật; ảnh hưởng của của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ

12	Lực cản của nước	2	Nhận biết được lực cản của nước và sự phụ thuộc của nó vào diện tích bề mặt cản
13	Năng lượng và sự truyền năng lượng	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được mọi sự biến đổi trong tự nhiên đều cần năng lượng. - Lấy được ví dụ chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực - Nhận biết được đơn vị của năng lượng là Jun (J) - Nhận biết được năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác
14	Một số dạng năng lượng	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số dạng năng lượng - Phân biệt được các dạng năng lượng theo tiêu chí (theo nguồn phát ra chúng)
15	Ôn tập cuối kỳ I	1	Hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã được học và vận dụng
16	Kiểm tra cuối kỳ I	1	Đánh giá khả năng vận dụng, kiến thức kĩ năng đã được học
17	Sự chuyển hóa năng lượng	2	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. - Chỉ ra được sự chuyển hóa năng lượng trong một số hiện tượng đơn giản (Sinh, lí, hóa) - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa
Học kì 2			
18	Năng lượng hao phí	1	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được năng lượng nào là hữu ích, năng lượng nào là hao phí. - Nhận biết được năng lượng hao phí thường xuất hiện dưới dạng nhiệt năng. - Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.
19	Năng lượng tái tạo	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các nguồn năng lượng trong tự nhiên. - Hiểu được ưu điểm, nhược điểm và sự cần thiết của việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.
20	Tiết kiệm năng lượng	1	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tại sao phải tiết kiệm năng lượng - Biết được một số biện pháp tiết kiệm năng lượng và ứng dụng các biện pháp đó vào cuộc sống
21	Chuyển động nhìn thấy của hệ mặt trời. Thiên thể	2	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hàng ngày. - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng, còn Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời
22	Mặt Trăng (tiết 1)	1	- Hiểu được: Mặt Trăng là một vệ tinh tự nhiên duy nhất của Trái Đất
23	Kiểm tra giữa kỳ 2	1	- Đánh giá khả năng vận dụng, kiến thức kĩ năng đã được học
24	Mặt Trăng (tiết 2,3)	2	- Hiểu được: Mặt Trăng là một vệ tinh tự nhiên duy nhất của Trái Đất
25	Hệ Mặt Trời	3	- Mô tả được sơ lược cấu trúc hệ Mặt Trời.

			- Nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.
26	Ôn tập cuối kì 2	1	- Hệ thống lại kiến thức đã học.
27	Kiểm tra cuối kì 2	1	- Đánh giá khả năng vận dụng ,kiến thức kĩ năng đã được học
28	Ngân Hà	2	Bằng việc tổ chức cho HS đọc theo các câu hỏi định hướng và hoạt động trải nghiệm làm một đồ chơi để hình dung được cấu trúc của Ngân Hà và vị trí của Trái Đất trong không gian vũ trụ

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 2. An toàn trong phòng thực hành	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các quy định, quy tắc an toàn khi học trong phòng thực hành. - Phân biệt được các kí hiệu biển báo, cảnh báo trong phòng thực hành. - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.
2	Bài 9: Đa dạng của chất	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự đa dạng của chất. - Nêu được một số tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. - Thực hiện được các thí nghiệm tìm hiểu về một số tính chất của chất.
3	Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và đưa ra được ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. - Nêu được khái niệm, tiến hành được thí nghiệm và trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể của chất.
4	Bài 11: Oxygen-Không khí	3	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được dẫn chứng cho thấy oxi có trong không khí, trong đất, trong nước. - Nêu được một số tính chất của oxygen và tầm quan trọng của oxygen với sự sống, sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu. - Tiến hành được thí nghiệm xác định thành phần phần trăm về thể tích của oxygen trong không khí. - Liệt kê được thành phần, vai trò của không khí đối với tự nhiên và sự ô nhiễm không khí. - Trình bày được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.
5	Bài 12: Một số vật liệu	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu.

			<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được phương án tìm hiểu tính chất của một số vật liệu. - Nêu được cách sử dụng vật liệu tiết kiệm, an toàn, hiệu quả.
6	Bài 13: Một số nguyên liệu	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất. - Đề xuất được phương án tìm hiểu, thu thập được dữ liệu, thảo luận, so sánh để rút ra tính chất của một số nguyên liệu. - Đề xuất được cách sử dụng nguyên liệu hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.
7	Bài 14: Một số nhiên liệu	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăngdầu, ...; sơ lược về an ninh năng lượng; - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất nhiên liệu thông dụng. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu. - Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.
8	Ôn tập cuối kì 1	1	Ôn tập tất cả nội dung đã học
9	Bài 15: Một số lương thực thực phẩm	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính chất và ứng dụng của lương thực, thực phẩm. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của lương thực – thực phẩm. - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của lương thực – thực phẩm thông dụng.
10	Bài 16: Hỗn hợp các chất	3	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết. - HS thực hiện một số thí nghiệm để nhận ra dung môi, dung dịch, chất tan và chất không tan. - HS phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và không đồng nhất, dung dịch và huyền phù,

			<p>nhũ tương qua quan sát.</p> <p>- HS nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước. Lấy được ví dụ về sự hòa tan của các chất trong nước.</p>
11	Bài 17: Tách chất khỏi hỗn hợp (Tiết 1)	3	<p>- Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.</p> <p>- Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.</p> <p>- Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.</p>
12	Ôn tập cuối kì 2	1	Ôn tập tất cả nội dung đã học
11	Kiểm tra cuối kỳ 2	1	Kiểm tra tất cả nội dung đã học
11	Bài 17: Tách chất khỏi hỗn hợp (TT-Tiết 2,3)	3	<p>- Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.</p> <p>- Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.</p> <p>- Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.</p>

PHÂN MÔN SINH HỌC

TT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HỌC KÌ I				

1	Bài 3. Sử dụng kính lúp	1	- Biết cách sử dụng kính lúp.	
2	Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học	2	- Biết cách sử dụng kính hiển vi quang học.	
3	Bài 18. Tế bào - Đơn vị cơ bản của sự sống	2	- Nêu được khái niệm, chức năng của tế bào. - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.	
4	Bài 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào	2	- Trình bày được cấu tạo và chức năng các thành phần chính của tế bào. - Phân biệt được tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực; tế bào động vật, tế bào thực vật.	
5	Bài 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	2	- Nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.	
6	Kiểm tra giữa HKI	1	- Kiểm tra kiến thức và năng lực, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	
7	Bài 21. Thực hành: Quan sát, phân biệt một số loại tế bào	2	- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào bằng kính hiển vi.	
8	Bài 22. Cơ thể sinh vật	2	- Nhận biết được cơ thể sống - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào. Lấy được các ví dụ minh họa.	
9	Bài 23. Tổ chức cơ thể đa bào	3	- Nêu được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể.	

10	Ôn tập cuối kì I	1	Ôn tập tất cả nội dung đã học	
11	Kiểm tra cuối HKI	1	- Kiểm tra kiến thức và năng lực, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	
HỌC KÌ II				
12	Bài 24. Thực hành: Quan sát và mô tả cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào	2	- Quan sát và vẽ được hình một cơ thể đơn bào. - Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người. - Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo thực vật.	
13	Bài 25. Hệ thống phân loại sinh vật	2	- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. - Phân biệt được các đơn vị phân loại sinh vật. - Nhận biết được năm giới sinh vật và lấy được ví dụ minh họa.	
14	Bài 26. Khóa lưỡng phân	3	- Nhận biết được cách xây dựng khóa lưỡng phân. - Thực hành xây dựng được khóa lưỡng phân với đối tượng sinh vật.	
15	Bài 27. Vi khuẩn	3	- Mô tả được hình dạng và cấu tạo của vi khuẩn. Nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn. - Nêu được một số vai trò và ứng dụng của vi khuẩn trong đời sống. - Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra và trình bày được cách phòng, tránh bệnh. - Vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng trong thực tiễn.	

16	Bài 28. Thực hành: Làm sữa chua và quan sát hình thái vi khuẩn	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành quan sát vi khuẩn bằng kính hiển vi và vẽ lại hình quan sát được. - Biết cách làm sữa chua. 	
17	Bài 29. Virus	2	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được hình dạng và cấu tạo của virus. - Phân biệt được virus và vi khuẩn. - Nêu được một số vai trò và ứng dụng của virus trong đời sống. - Nêu được một số bệnh do virus gây ra và trình bày được cách phòng, tránh bệnh. 	
18	Bài 30. Nguyên sinh vật	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh. - Dựa vào hình dạng, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. - Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và đối với con người. - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra và trình bày được cách phòng tránh bệnh. 	
19	Bài 31. Thực hành: Quan sát nguyên sinh vật	1	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành quan sát nguyên sinh vật bằng kính lúp hoặc kính hiển vi và vẽ lại hình quan sát được. 	
20	Bài 32. Nấm	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số đại diện của nấm, nêu được sự đa dạng của nấm. - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống. - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra và cách phòng, tránh bệnh. - Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng trong đời 	

			sống.	
	Kiểm tra giữa kì II	1	- Kiểm tra kiến thức và năng lực, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	
21	Bài 33. Thực hành: Quan sát các loại nấm	2	- Thực hành quan sát bằng mắt thường, kính lúp, kính hiển vi và vẽ lại hình quan sát được.	
22	Bài 34. Thực vật	3	- Phân biệt được hai nhóm thực vật có mạch và không có mạch. - Nhận biết được các nhóm thực vật: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín thông qua hình ảnh, mẫu vật. - Trình bày được vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống.	
23	Bài 35. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	2	- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được và các nhóm thực vật theo tiêu chí đã học.	
24	Bài 36. Động vật	4	- Phân biệt được hai nhóm động vật có xương sống và không có xương sống. - Nhận biết được các nhóm động vật dựa vào hình ảnh, mẫu vật. - Nêu được vai trò và một số tác hại của động vật trong đời sống.	
25	Bài 37. Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	3	- Thực hành quan sát và kê tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.	

26	Bài 38. Đa dạng sinh học	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong đời sống. - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. - Nêu được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học. 	
27	Bài 39. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên. - Sử dụng khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. - Làm bộ sưu tập hình ảnh sinh vật quan sát được và báo cáo kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. 	
28	Ôn tập cuối kì II	1	Ôn tập tất cả nội dung đã học	
29	Kiểm tra cuối kì II		- Kiểm tra kiến thức và năng lực, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	

4.1.2. KHTN 7

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Chương 3: Tốc độ.	11	

1	Bài 8. Tốc độ chuyển động.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm tốc độ chuyển động, nhớ được công thức tính và các đơn vị đo tốc độ. - Đổi được đơn vị tốc độ từ m/s sang km/h và ngược lại. - Sử dụng được công thức tính tốc độ để giải các bài tập về chuyển động trong đó đã cho giá trị của hai trong ba đại lượng v, s, t. - Xác định được tốc độ qua việc xác định quãng đường đi được trong khoảng thời gian tương ứng.
2	Bài 9. Đo tốc độ	3	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và cổng quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường. - Nêu được cách hoạt động cơ bản của các thiết bị “bắn tốc độ” đơn giản trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông đường bộ. - Xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được và khoảng thời gian tương ứng. - Hiểu được ý nghĩa của việc “thực hiện phép đo 3 lần để lấy giá trị trung bình” làm giảm sai số phép đo.
3	Bài 10. Đồ thị quãng đường – thời gian.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được đồ thị quãng đường- thời gian cho chuyển động. - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật)
4	Bài 11. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	1	Dựa vào ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông

5	Kiểm tra giữa kì 1	1	Hệ thống hóa các kiến thức đã học
6	Bài 11. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	3	Dựa vào ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông
7	Bài 12. Mô tả sóng âm.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm tạo sóng âm, chứng tỏ được sóng âm có thể truyền được trong chất rắn, lỏng, khí. - Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí
8	Bài 13. Độ to và độ cao của âm.	1	<ul style="list-style-type: none"> - Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. - Nêu được đơn vị của tần số là Hz - Nêu được sự liên quan độ to của âm và biên độ âm - Sử dụng nhạc cụ (học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ độ cao của âm liên hệ với tần số âm.
9	KIỂM TRA CUỐI KÌ 1	1	- Kiểm tra các kiến thức chuẩn đã học.
10	Bài 13. Độ to và độ cao của âm.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. - Nêu được đơn vị của tần số là Hz - Nêu được sự liên quan độ to của âm và biên độ âm <p>Sử dụng nhạc cụ (học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ độ cao của âm liên hệ với tần số âm.</p>
11	Bài 14. Phản xạ âm, chống ô nhiễm	4	- Nêu được khái niệm tiếng vang, âm phản xạ, vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém.

	tiếng ồn.		<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém - Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm; đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe
	Chương 5: Ánh sáng.	8	
12	15. Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng, từ đó nêu được ánh sáng cũng là một dạng của năng lượng. - Thực hiện được thí nghiệm tạo ra mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song. - Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.
13	Bài 16. Sự phản xạ ánh sáng.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng, từ đó nêu được ánh sáng cũng là một dạng của năng lượng. - Thực hiện được thí nghiệm tạo ra mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song. - Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.
14	Bài 17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tính chất của ảnh tạo bởi gương phẳng. - Vẽ được ảnh của một vật đặt trước gương phẳng. - Dựng được ảnh của một vật qua gương phẳng - Vận dụng được định luật phản xạ trong một số trường hợp đơn giản.
	Chương 6: Từ	10	
15	Bài 18. Nam châm.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành TN để nêu được tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác

			nhau; sự định hướng của nam châm - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.
16	KIỂM TRA GIỮA KÌ 2	1	- Kiểm tra các kiến thức chuẩn đã học.
17	Bài 18. Nam châm. (Tiếp theo)	1	- Tiến hành TN để nêu được tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau; sự định hướng của nam châm - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.

18	Bài 19. Từ trường.	4	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn có dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm. - Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một nam châm. - Dựa vào ảnh hoặc hình vẽ khẳng định Trái Đất có từ trường. - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. - Sử dụng la bàn để tìm hướng địa lí.
19	20. Chế tạo nam châm điện đơn giản. (Tích hợp dạy học STEM)	1	Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.
20	Ôn tập cuối kì 2	1	Ôn tập kiến thức đã học.
21	Kiểm tra cuối kì 2	1	Đánh giá về kiến thức cơ bản, năng lực khoa học tự nhiên và một số phẩm chất chủ yếu của 3 nội dung kiến thức: Vật lý, hóa học, sinh học của HKII.

22	20. Chế tạo nam châm điện đơn giản (tt).	2	- Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.
----	--	---	--

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt (3)
1	1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn KHTN	6	Tuần 1,2,3	Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên: + Phương pháp tìm hiểu tự nhiên; + Thực hiện được các kĩ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo; + Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7); + Làm được báo cáo, thuyết trình.
Chương I. Nguyên tử - sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (15 t)				
2	2. Nguyên tử.	5	Tuần 4,5,6	– Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). – Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).
3	3. Nguyên tố hoá học	3	Tuần 6,7	– Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. – Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.
4	4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	7	Tuần 8,9,10,11	– Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học. – Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì. – Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi

				kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.
5	ÔT KTGKI	1	Tuần 9	Đảm bảo kiến thức từ tuần 1 đến tuần 8
	Chương II. Phân tử - Liên kết hóa học (13 t)			
6	5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	4	Tuần 12,13	Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. – Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.
7	6. Giới thiệu về liên kết hoá học	4	Tuần 14,15,16	– Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H_2 , Cl_2 , NH_3 , H_2O , CO_2 , N_2 ,...). – Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như $NaCl$, MgO ,...). – Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.
10	7. Hoá trị và công thức hoá học	4	Tuần 16,17,18	– Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học. – Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng. – Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học. – Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất. – Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử.
11	ÔT KIỂM TRA CUỐI KÌ 1	1	Tuần 17	Ôn tập theo nội dung phân tử, đơn chất, hợp chất. Hóa trị và công thức hóa học.

PHÂN MÔN SINH HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Chương VII. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật		
1	21. Khái quát về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng. - Nêu được vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong cơ thể. - Nhận biết, phân biệt được sự sinh trưởng, phát triển của sinh vật qua quan sát và phân tích sơ đồ. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Xác định được cơ chế của các hiện tượng thực tế như toát mồ hôi, thở nhanh, nhịp tim tăng...khi vận động hay lao động nặng. Xác định được cơ chế của việc bổ sung các chất cần thiết cho cơ thể...
2	22. Quang hợp ở thực vật	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. - Viết được phương trình quang hợp. - Nêu được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp. - Nêu được vai trò của lá cây với chức năng quang hợp. - Vận dụng linh hoạt các kiến thức về quang hợp ở cây vào giải thích 1 số hiện tượng trong thực tiễn. Vận dụng được những hiểu biết về vai trò của lá cây đối với quang hợp để có biện pháp chăm sóc và bảo vệ lá cây nói riêng và cây trồng nói chung.
3	23. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	2	<p>Sau khi học bài này, học sinh có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp. - Vận dụng được những hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực

			<p>tiền của việc trồng và bảo vệ cây xanh.</p> <p>- kể tên được những loài cây ưa sáng và ưa bóng</p>
4	Ôn tập	1	Nội dung ôn tập
5	KTGKI	1	Hoàn thành nội dung yêu cầu của đề kiểm tra
6	23. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp (TT)	2	<p>Sau khi học bài này, học sinh có khả năng:</p> <p>- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.</p> <p>- Vận dụng được những hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.</p> <p>- kể tên được những loài cây ưa sáng và ưa bóng</p>
7	24. Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh	2	<p>- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị, mẫu vật của bài thực hành.</p> <p>- Tiến hành thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.</p> <p>- Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, mẫu vật, video thí nghiệm để:</p> <p>+ Nêu được tên các thiết bị, dụng cụ cần thiết để làm thí nghiệm.</p> <p>+ Trình bày được các bước tiến hành thí nghiệm.</p> <p>+ Nêu được hiện tượng, kết quả của thí nghiệm.</p> <p>+ Giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ thực vật</p>
8	25. Hô hấp tế bào	2	<p>- Nêu được khái niệm.</p> <p>- Viết được phương trình hô hấp dạng chữ.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu - Xác định nhiệm vụ học tập, tìm kiếm thông tin trả lời các câu hỏi, thực hiện được các nhiệm vụ học tập. - Kể tên các chất tham gia và sản phẩm của quá trình hô hấp tế bào, mô tả và nêu được vai trò của quá trình hô hấp tế bào, giải thích được mối quan hệ giữa tổng hợp và phân giải các chất hữu cơ của tế bào - Nhận biết sự khác nhau giữa hô hấp tế bào và các quá trình đốt cháy nhiên liệu trong thực tế đời sống - Giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến hô hấp tế bào
9	26. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào. - Nhận biết, nêu tên các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào; kể tên các cách bảo quản lương thực, thực phẩm. - Nêu được mối liên hệ giữa hàm lượng nước, nồng độ khí oxygen, nồng độ khí carbon dioxide và nhiệt độ với cường độ hô hấp tế bào. - Vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào để giải thích một số hiện tượng trong đời sống, sử dụng kiến thức đã học để biết cách bảo quản lương thực, thực phẩm đúng cách.
10	Ôn tập Cuối kỳ I	1	<p>Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức của chương để kiểm tra cuối kỳ I</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động, tích cực thực hiện việc ôn tập và hệ thống hoá kiến thức của chủ đề; - Lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập; - Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

			<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hoá được kiến thức, thông qua đó vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn. - Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ ôn tập.
11	Kiểm tra cuối kỳ I	1	Đề kiểm tra
12	27. Thực hành: Hô hấp ở thực vật	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm về hô hấp tế bào thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. - Nhận biết và nêu được sự hô hấp tế bào thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. - Trình bày được cách tiến hành thí nghiệm về hô hấp tế bào bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức hóa học, sơ đồ, biểu đồ... - So sánh, phân loại, lựa chọn được các thiết bị, dụng cụ, mẫu vật, hóa chất. - Phân tích được các đặc điểm của hiện tượng hô hấp tế bào thực vật theo logic nhất định. - Giải thích được mối quan hệ giữa hô hấp tế bào và sự nảy mầm của hạt. - <i>Tìm hiểu tự nhiên:</i> - Tiến hành thí nghiệm, quan sát và mô tả hiện tượng. - Giải thích các hiện tượng tự nhiên. - Ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân và người thân trong gia đình.
13	28. Trao đổi khí ở sinh vật	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được khái niệm trao đổi khí ở sinh vật. - Sử dụng được hình ảnh để mô tả cấu tạo và chức năng của khí khổng, mô tả được quá trình trao đổi khí ở khí khổng. - Sử dụng được sơ đồ khái quát hóa mô tả được đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở người, động vật và quá trình trao đổi khí ở người.

			<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được những kiến thức về trao đổi khí ở thực vật, động vật và người trong trồng trọt, bảo vệ cơ thể và môi trường sống để có hệ hô hấp khỏe mạnh. + Giải quyết được vấn đề quan sát các vật nhỏ trong cuộc sống và nghiên cứu khoa học. + Nêu được nhiều biện pháp bảo quản kính lúp đúng cách.
14	29. Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật.	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước - Nêu được vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật. - Vận dụng kiến thức bài học giải thích được một số tình huống thực tiễn liên quan đến bài như: tình trạng cây bị héo, người bị mất nước, thiếu dinh dưỡng, thừa cân béo phì... - Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về cấu trúc của nước - Thảo luận nhóm để tìm ra cấu trúc của nước, vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với đời sống sinh học
15	29. Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước - Nêu được vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật. - Vận dụng kiến thức bài học giải thích được một số tình huống thực tiễn liên quan đến bài như: tình trạng cây bị héo, người bị mất nước, thiếu dinh dưỡng, thừa cân béo phì... - Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về cấu trúc của nước - Thảo luận nhóm để tìm ra cấu trúc của nước, vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với đời sống sinh học
16	30. Trao đổi nước và chất dinh		<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và chất khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây

	<p>duỡng ở thực vật</p>	4	<p>và lá cây</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sơ đồ hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ qua trong mạch rây (dòng đi xuống). - Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; - Nhận biết, kể tên các loại mạch, các bộ phận của cây và vai trò của chúng. - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước; - Biết cách áp dụng kiến thức vào thực tiễn trồng trọt: tưới nước và bón phân hợp lí, chăm sóc cây cối...
17	<p>31. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> - Con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở động vật - Nhu cầu sử dụng nước và con đường trao đổi nước ở động vật - Dựa vào sơ đồ khái quát, mô tả được con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở động vật (đại diện ở người). - Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật. - Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật, lấy ví dụ cụ thể hai vòng tuần hoàn ở người. - Vận dụng những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống...). <p>-</p>

18	KT GK II	1	Đề kiểm tra
19	32. Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	2	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị của bài thực hành. - Tiến hành thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước. - <i>Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước.</i> - Làm được thí nghiệm thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước. - Giải thích được hiện tượng tại sao khi đánh cây đi trồng phải tía bớt cành lá.
	Chương VIII. Cảm ứng ở sinh vật	6	
20	33. Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật	2	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật) - Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được vai trò của cảm ứng đối với sinh vật và tập tính đối với động vật. - Nhận biết, kể tên một số hiện tượng cảm ứng ở sinh vật. - Nêu tác nhân kích thích và phản ứng của sinh vật. - Nêu được vai trò của tập tính với đời sống sinh vật.
21	34. Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn.	2	<p>Sau bài học này, HS sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức về cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (học tập, chăn nuôi, trồng trọt).
22	35. Thực hành: Cảm ứng ở sinh		- Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng (hướng sáng,

	vật	2	<p>hướng nước, hướng tiếp xúc) ở thực vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. - Nhận biết một số tập tính thường gặp ở sinh vật. - Vận dụng các kiến thức về cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt, ...). <p>Hình thành các tập tính tốt cho vật nuôi (như ăn đúng giờ, đi vệ sinh đúng chỗ, ...)</p>
	Chương IX. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	6	
23	36. Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	2	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. - Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. - Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật, trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. - Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật, trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.
24	37. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật và thực tiễn	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng). - Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển (ví dụ: điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường).

			<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển của sinh vật để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (ví dụ: tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). - Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng). - Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển (ví dụ: điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển của sinh vật để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (ví dụ: tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).
25	38. Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	1	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách thực hành quan sát, mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số sinh vật.. - Biết cách thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. - Nhận biết các thao tác thực hành thí nghiệm chứng minh sự sinh trưởng có ở sinh vật. - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển, phân biệt được các kiểu phát triển qua biến thái ở một số sinh vật. - Trình bày được các bước tiến hành gieo trồng 1 hạt cây trồng, vận dụng kiến thức phòng chống sâu bệnh hại cây trồng...
	Chương X. Sinh sản ở sinh vật	10	
26	39. Sinh sản vô tính ở sinh vật	3	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. - Trình bày được thế nào là sinh sản vô tính ở thực vật, lấy được ví dụ minh họa.

			<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh họa. - Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa - Trình bày được vai trò của sinh sản vô tính ở thực vật và ứng dụng của sinh sản vô tính trong đời sống con người - Giải thích một số hiện tượng thực tế có liên quan đến kiến thức bài học - Vận dụng kiến thức sinh học vào thực tiễn: Giải thích những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và đời sống hàng ngày.
27	40. Sinh sản hữu tính ở sinh vật	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. - Phân biệt được sinh sản hữu tính và sinh sản vô tính. - Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt hoa đơn tính và hoa lưỡng tính. - Mô tả được thụ phấn, thụ tinh và lớn lên của quả. - Mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ trứng và đẻ con). - Nêu được vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính ở sinh vật. - Phát biểu được khái niệm sinh sản, khái niệm sinh sản hữu tính. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính ở thực vật và động vật. Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính trong thực tiễn. Mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật: mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính và phân biệt được với hoa đơn tính; mô tả được thụ phấn, thụ tinh và lớn lên của quả. Mô tả được quá trình sinh

			<p>sản hữu tính ở động vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ minh họa đối với các hình thức sinh sản hữu tính ở sinh vật (hoa đơn tính, hoa lưỡng tính, động vật đẻ con, động vật đẻ trứng). - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trình bày được một số ứng dụng của các hình thức sinh sản hữu tính trong thực tiễn.
28	Ôn tập	1	<ul style="list-style-type: none"> - HS hệ thống lại kiến thức đã học về sinh sản của sinh vật - Phân biệt được các hình thức sinh sản ở sinh vật. - Chứng minh được cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. - Chủ động, tích cực thực hiện việc ôn tập và hệ thống hóa kiến thức của chủ đề; - Giao tiếp và hợp tác: lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập; - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập. - Nhận thức khoa học tự nhiên: hệ thống hóa được kiến thức về sinh sản của sinh vật thông qua đó chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất; - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập.
29	Kiểm tra cuối kỳ II	1	- Đề kiểm tra
30	41. Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật	3	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật. – Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính,...). Giải thích được

			<p>vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động, tích cực thực hiện công việc được giao: Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính,...). Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật. - Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính,...). Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây.
31	42. Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất	1	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào - cơ thể - môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng - sinh trưởng, phát triển - cảm ứng - sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. - Kể tên được các hoạt động sống của tế bào và cơ thể. - Nêu được mối quan hệ giữa tế bào, cơ thể, môi trường và mối quan hệ giữa các hoạt động sống của cơ thể. - Chứng minh được cơ thể sinh vật là một thể thống nhất thông qua phân tích các ví dụ về mối quan hệ của các hoạt động sống ở thực vật và động vật. - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích được bệnh suy dinh dưỡng ở trẻ em do hoạt động sống nào chi phối và mối quan hệ giữa các hoạt động sống ở cơ thể người.

4.1.3. KHTN 8

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (4)
1	Bài 13. Khối lượng riêng	2	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, khối lượng riêng = khối lượng/thể tích.- Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùng.
2	Bài 14. Thực hành xác định khối lượng riêng	2	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật, của một vật có hình dạng bất kì, của một lượng chất lỏng
3	Bài 15. Áp suất trên một bề mặt	2	<ul style="list-style-type: none">- Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, áp suất = áp lực/diện tích bề mặt.- Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng.- Thảo luận được công dụng của việc tăng, giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế.
4	Bài 16. Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển	3	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh họa.- Thực hiện được thí nghiệm để chứng tỏ tồn tại áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng theo mọi phương.- Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột.- Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xít, tàu đệm khí)

5	Bài 17. Lực đẩy Archimedes	2	- Thực hiện thí nghiệm khảo sát tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong chất lỏng, rút ra được: Điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm; định luật Archimedes (Acsimet)
6	Bài 18. Tác dụng làm quay lực. Moment lực	3	- Thực hiện thí nghiệm để mô tả được tác dụng làm quay của lực. - Nêu được: tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực
7	Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng	4	Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực. - Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn - Sử dụng kiến thức, kỹ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn
8	Kiểm tra giữa học kỳ I	1	Hệ thống các kiến thức đã học, rèn kỹ năng làm bài tập trắc nghiệm tự luận.....
9	Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng(tt)	4	Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực. - Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn - Sử dụng kiến thức, kỹ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn
10	Bài 20. Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	2	- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát
11	Bài 21. Dòng điện, nguồn điện	2	- Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. - Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt

			kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống.
12	Bài 22. Mạch điện đơn giản	2	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. - Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện.
13	Kiểm tra cuối kì I		Hệ thống các kiến thức đã học, rèn kĩ năng làm bài tập trắc nghiệm tự luận.....
14	Bài 22. Mạch điện đơn giản (tt)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. - Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện.
15	Bài 23. Tác dụng của dòng điện	2	- Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí
16	Bài 24. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế	1	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế.
17	Bài 25. Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở,

			chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang.
18	Bài 26. Năng lượng nhiệt và nội năng	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. - Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng.
19	Kiểm tra giữa học kỳ II	1	Hệ thống các kiến thức đã học, rèn kỹ năng làm bài tập trắc nghiệm tự luận.....
20	Bài 27. Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter)
21	Bài 28. Sự truyền nhiệt	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó - Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt. - Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính
22	Bài 29. Sự nở vì nhiệt	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau. - Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt - Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế
23	Kiểm tra cuối kỳ II	1	Đánh giá mức độ vận dụng kiến thức ,kỹ năng và một số phẩm chất mà học sinh đạt được.....
24	Bài 29. Sự nở vì nhiệt (tt)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau. - Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt - Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích

			được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế
--	--	--	--

PHÂN MÔN HÓA HỌC

TT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(5)	(6)
1	Bài 1. Sử dụng một số hóa chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong môn KHTN 8. - Nêu được quy tắc sử dụng hoá chất an toàn (chủ yếu những hoá chất trong môn KHTN 8) - Nhận biết được các thiết bị điện môn KHTN 8 và trình bày được cách sử dụng điện an toàn 	
2	Bài 2. Phản ứng hóa học	3	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. - Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học. - Tiến hành được một số thí nghiệm về sự biến đổi vật lí và biến đổi hoá học. - Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. - Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm - Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra. - Nêu được khái niệm và đưa ra được ví dụ minh họa về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt. - Trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng toả nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu). 	
3	Bài 3. Mol và tỉ khối chất khí	3	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử) - Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m) - Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của 	

			<p>chất khí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối. - Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 °C. - Sử dụng được công thức $n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(\text{L/mol})}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C. 	
4	Bài 4. Dung dịch và nồng độ dung dịch	4	<ul style="list-style-type: none"> -Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau. - Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol. - Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức. - Tiến hành được thí nghiệm pha một dung dịch theo một nồng độ cho trước. 	
5	Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học	4	<ul style="list-style-type: none"> -Tiến hành được thí nghiệm để chứng minh: Trong phản ứng hoá học, khối lượng được bảo toàn. - Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng. - Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học. - Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học. - Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. 	
6	KT giữa kì I	2	<i>Đảm bảo các yêu cầu cần đạt theo chương trình thực hiện từ bài 1 đến hết bài 5</i>	
7	Bài 6. Tính theo phương trình hóa học	4	<ul style="list-style-type: none"> -Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C. 	

			- Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lý thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.	
8	Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học). - Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế. - Tiến hành được thí nghiệm và quan sát thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + So sánh được tốc độ một số phản ứng hoá học; + Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng. 	
9	Bài 8. Acid	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+). - Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. - Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H_2SO_4, CH_3COOH). 	
10	Ôn tập HKI	1	<i>Đảm bảo các yêu cầu cần đạt theo chương trình thực hiện từ bài 1 đến hết bài 8</i>	
11	Bài 9. Base – Thang pH	4	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-). - Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. - Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan. - Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. - Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) 	

			<p>một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).</p> <p>- Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.</p>	
12	Bài 10. Oxide	4	<p>-Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác.</p> <p>- Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.</p> <p>- Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).</p> <p>- Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.</p>	
13	Bài 11: Muối	6	<p>Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H^+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH_4^+).</p> <p>- Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan.</p> <p>- Trình bày được một số phương pháp điều chế muối.</p> <p>- Đọc được tên một số loại muối thông dụng.</p> <p>- Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối.</p> <p>- Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide.</p>	
14	Ôn Tập HKII	1	<i>Đảm bảo các yêu cầu cần đạt theo chương trình thực hiện từ bài 9 đến hết bài 11</i>	
15	Bài 12. Phân bón hóa học	3	- Trình bày được ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón hoá học (không đúng cách, không đúng liều lượng) đến môi trường của	

			đất, nước và sức khoẻ của con người. - Đề xuất được biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của phân bón.	
--	--	--	---	--

PHÂN MÔN SINH HỌC 8

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (4)
	HỌC KÌ I CHƯƠNG 8. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG (15t)		
1	Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái	2	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật, phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa các môi trường sống của sinh vật. – Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái. Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người). Lấy được ví dụ minh họa các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. -Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh họa.
2	Bài 42. Quần thể sinh vật	2	<ul style="list-style-type: none"> – Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật. Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). Lấy được ví dụ minh họa. – Nêu được một số biện pháp bảo vệ quần thể.
3	Bài 43. Quần xã sinh vật	2	<ul style="list-style-type: none"> – Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật. Nêu được một số đặc điểm cơ bản của quần xã (Đặc điểm về độ đa dạng: số lượng loài và số cá thể của mỗi loài; đặc điểm về thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng). Lấy được ví dụ minh họa. – Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.
4	Bài 44. Hệ sinh thái	2	<ul style="list-style-type: none"> – Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái. Lấy được ví dụ về các kiểu hệ sinh thái (hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt).

			<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm chuỗi, lưới thức ăn; sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải, tháp sinh thái. Lấy được ví dụ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã. – Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trình bày được khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái. – Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái nông nghiệp. – Thực hành: điều tra được thành phần quần xã sinh vật trong một hệ sinh thái.
5	Ôn tập giữa kỳ I Kiểm tra giữa kỳ I	1	Ôn tập và làm tất cả nội dung đã học
6	Bài 44. Hệ sinh thái(tt)	1	<ul style="list-style-type: none"> – Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái. Lấy được ví dụ về các kiểu hệ sinh thái (hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt). – Nêu được khái niệm chuỗi, lưới thức ăn; sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải, tháp sinh thái. Lấy được ví dụ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã. – Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trình bày được khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái. – Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái nông nghiệp. – Thực hành: điều tra được thành phần quần xã sinh vật trong một hệ sinh thái.
7	Mạch nội dung: Trái đất và bầu trời	2	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm sinh quyển.

	Bài 45. Sinh quyển		
8	Bài 46. Cân bằng tự nhiên	2	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên. Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên. – Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên
9	Bài 47. Bảo vệ môi trường	2	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội; tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên; vai trò của con người trong bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên. – Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được sơ lược về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường (ô nhiễm do chất thải sinh hoạt và công nghiệp, ô nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật, ô nhiễm phóng xạ, ô nhiễm do sinh vật gây bệnh) và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường. – Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã, nhất là những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng cần được bảo vệ theo Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã (CITES) (ví dụ như các loài voi, tê giác, hổ, sếu đầu đỏ và các loài linh trưởng,...). – Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và một số biện pháp chủ yếu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. – Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.
Chương VIII: SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI (28T)			
10	Bài 30. Khái quát về cơ thể người	1	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.
11	Bài 31. Hệ vận động ở người	3	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. – Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động. – Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các

			<p>bệnh, tật.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình). – Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác. – Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. – Nêu được tác hại của bệnh loãng xương. – Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư.
12	Bài 32. Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người	4	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng. Nêu được mối quan hệ giữa tiêu hoá và dinh dưỡng. – Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá. – Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hoá ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hoá. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá. – Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi. – Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người. Thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho bản thân và những người trong gia đình. – Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...). – Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình. – Trình bày được một số vấn đề về an toàn thực phẩm, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm. Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm; + Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ minh họa. Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến; + Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an

			<p>toàn vệ sinh thực phẩm;</p> <p>+ Trình bày được cách bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn;</p> <p>+ Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống các bệnh này.</p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình; đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp.</p> <p>– Thực hiện được dự án điều tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương; dự án điều tra một số bệnh đường tiêu hoá trong trường học hoặc tại địa phương (bệnh sâu răng, bệnh dạ dày,...)</p>
13	Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	1	<p>– Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn.</p> <p>– Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương).</p> <p>– Nêu được khái niệm nhóm máu. Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu; ý nghĩa của truyền máu, cho máu và tuyên truyền cho người khác).</p>
14	Ôn tập cuối kỳ I Kiểm tra cuối kỳ I	1	Ôn tập tất cả nội dung và làm bài .
15	Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người(tt)	1	<p>– Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ tuần hoàn ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn.</p> <p>– Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể.</p> <p>– Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh.</p> <p>– Dựa vào sơ đồ, trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người. Giải thích được vì sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn</p>

			<p>có thể sống khoẻ mạnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó. – Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình.
HỌC KỲ II			
16	Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người(tt)	1	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hành: + Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu người bị chảy máu, tai biến, đột quỵ; băng bó vết thương khi bị chảy nhiều máu; + Thực hiện được các bước đo huyết áp. – Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh cao huyết áp, tiểu đường tại địa phương. – Tìm hiểu được phong trào hiến máu nhân đạo ở địa phương
17	Bài 34. Hệ hô hấp ở người	3	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chức năng của hệ hô hấp. – Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp. – Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng chống. – Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình. – Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp. – Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương, nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh. – Tranh luận trong nhóm và đưa ra được quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá. – Thực hành: + Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước; + Thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá.
18	Bài 35. Hệ bài tiết ở người	3	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chức năng của hệ bài tiết. – Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước

			<p>tiểu.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu của thận. – Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết và cách phòng chống các bệnh đó. – Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khỏe. – Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh về thận như sỏi thận, viêm thận,... trong trường học hoặc tại địa phương. – Tìm hiểu được một số thành tựu ghép thận, chạy thận nhân tạo.
19	Ôn tập giữa kỳ II Kiểm tra Giữa kỳ II	1	Ôn tập tất cả nội dung
20	Bài 36. Điều hòa môi trường trong cơ thể người	1	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm môi trường trong của cơ thể. – Nêu được khái niệm cân bằng môi trường trong và vai trò của sự duy trì ổn định môi trường trong của cơ thể (ví dụ nồng độ glucose, nồng độ muối trong máu, urea, uric acid, pH). – Đọc và hiểu được thông tin một ví dụ cụ thể về kết quả xét nghiệm nồng độ đường và uric acid trong máu.
21	Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người	3	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. – Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). – Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. – Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. – Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền

			âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai. – Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng và chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). – Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình; – Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.
22	Bài 38. Hệ nội tiết ở người	2	– Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. – Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine, ...) và cách phòng chống các bệnh đó.
23	Bài 39. Da và điều hòa thân nhiệt ở người	2	– Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da. Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. – Nêu được khái niệm thân nhiệt. Thực hành được cách đo thân nhiệt và nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. – Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. – Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. – Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. – Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. – Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh. – Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. – Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.
24	Bài 40. Sinh sản ở người	3	– Nêu được chức năng của hệ sinh dục. – Kể tên được các cơ quan và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ. – Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.

			<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai. – Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách phòng chống các bệnh đó (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). – Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên. Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân. – Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).
25	Kiểm tra cuối kỳ II	1	Đề,ma trận,đáp án

4.1.4. KHTN9

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
CHƯƠNG I – NĂNG LƯỢNG CƠ HỌC (6 tiết)			
1	Bài 1. Nhận biết một số dụng cụ hóa chất. Thuyết	1	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 9. – Trình bày được các bước viết và trình bày báo cáo; làm được bài thuyết trình một vấn đề
2	Bài 2. Động năng. Thế năng.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Viết được biểu thức tính động năng của vật. <div style="text-align: center; border: 1px solid black; padding: 10px; margin: 10px auto; width: fit-content;"> $W_d = \frac{1}{2}mv^2$ </div> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được biểu thức tính thế năng của vật ở gần mặt đất.

			$W_t = P.h$
3	Bài 3. Cơ năng.	01	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ năng là tổng động năng và thế năng của vật. - Công thức tính cơ năng: $W_C = W_{đ} + W_t = \frac{1}{2}mv^2 + P.h$ - Động năng và thế năng của vật có thể chuyển hoá qua lại lẫn nhau. - Vận dụng khái cơ năng phân tích được sự chuyển hoá năng lượng trong một số trường hợp đơn giản.
4	Bài 4. Công và công suất	02	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được một số đơn vị thường dùng đo công và công suất. - Phân tích ví dụ cụ thể để rút ra được: công có giá trị bằng lực nhân với quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực, công suất là tốc độ thực hiện công. - Tính được công và công suất trong một số trường hợp đơn giản: + Vận dụng được công thức $A = Fs$ để giải được các bài tập tìm một đại lượng khi biết giá trị của 2 đại lượng còn lại. + Vận dụng được công thức $P = \frac{A}{t}$ để giải được các bài tập tìm một đại lượng khi biết giá trị của 2 đại lượng còn lại.
CHƯƠNG II – ÁNH SÁNG (15 tiết)			
5	Bài 5. Khúc xạ ánh sáng.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm chứng tỏ được khi truyền từ môi trường này sang môi trường khác, tia sáng có thể bị khúc xạ (bị lệch khỏi phương truyền ban đầu). - Nêu được chiết suất có giá trị bằng tỉ số tốc độ ánh sáng trong không khí (hoặc chân không) với tốc độ ánh sáng trong môi trường.

			<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được thí nghiệm để rút ra và phát biểu được định luật khúc xạ ánh sáng. - Vận dụng được biểu thức $n = \frac{\sin i}{\sin r}$ trong một số trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức để giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
	Kiểm tra giữa kì 1	1	Các kiến thức đã học.
6	Bài 6. Phản xạ toàn phần.	03	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được điều kiện xảy ra phản xạ toàn phần và xác định được góc tới hạn. - Vận dụng kiến thức để giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
7	Bài 7. Lăng kính	02	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được sơ đồ đường truyền của tia sáng qua lăng kính. - Thực hiện thí nghiệm với lăng kính để tạo ra được quang phổ của ánh sáng trắng qua lăng kính. - Giải thích được một cách định tính sự tán sắc ánh sáng mặt trời qua lăng kính. - Từ kết quả thí nghiệm truyền ánh sáng qua lăng kính, nêu được khái niệm về ánh sáng màu. - Nêu được màu sắc của một vật được nhìn thấy phụ thuộc vào màu sắc của ánh sáng bị vật đó hấp thụ và phản xạ. - Vận dụng kiến thức về sự truyền ánh sáng, màu sắc ánh sáng, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
8	Bài 8. Thấu kính.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các khái niệm: quang tâm, trục chính, tiêu điểm chính và tiêu cự của thấu kính. - Giải thích được nguyên lí hoạt động của thấu kính bằng việc sử dụng sự khúc xạ của một số các lăng kính nhỏ.

			<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thí nghiệm rút ra được đường đi một số tia sáng qua thấu kính (tia qua quang tâm, tia song song quang trục chính). - Vẽ được ảnh qua thấu kính. - Thực hiện thí nghiệm khẳng định được: Ảnh thật là ảnh hứng được trên màn; ảnh ảo là ảnh không hứng được trên màn. - Giải được các bài tập đơn giản về thấu kính hội tụ dựa vào phép vẽ hình học.
9	Bài 9. Thực hành đo tiêu cự của thấu kính hội tụ.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đo được tiêu cự của thấu kính hội tụ bằng dụng cụ thực hành.
10	Bài 10. Kính lúp. Bài tập thấu kính.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được cấu tạo và sử dụng được kính lúp. - Vẽ được sơ đồ tỉ lệ để giải các b.tập đơn giản về t.kính hội tụ.
CHƯƠNG III – ĐIỆN (9 tiết)			
11	Bài 11. Điện trở. Định luật Ohm.	4	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm đơn giản để nêu được điện trở có tác dụng cản trở dòng điện trong mạch. - Nêu được (khong yêu cầu thành lập): công thức tính điện trở của 1 đoạn dây dẫn (theo độ dài, tiết diện, điện trở suất); công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch 1 chiều nối tiếp, s.song. - Sử dụng công thức đã cho để tính được điện trở của một đoạn dây dẫn, điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều nối tiếp, song song trong một số trường hợp đơn giản.

			- Thực hiện thí nghiệm để xây dựng được định luật Ohm: cường độ dòng điện đi qua một đoạn dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn dây và tỉ lệ nghịch với điện trở của nó.
12	Bài 12. Đoạn mạch nối tiếp, song song.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm rút ra được: Trong đoạn mạch điện mắc nối tiếp, cường độ dòng điện là như nhau cho mọi điểm; trong đoạn mạch điện mắc song song, tổng cường độ dòng điện trong các nhánh bằng cường độ dòng điện chạy trong mạch chính. - Tính được cường độ dòng điện trong đoạn mạch 1 chiều mắc nối tiếp, mắc song song, trong một số trường hợp đơn giản. - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc nối tiếp. - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc song song.
13	Ôn tập cuối học kỳ I	1	- củng cố, hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học.
14	Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I	01	Kiến thức đã học ở học kỳ I
15	Bài 13. Năng lượng của dòng điện và công suất điện.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được công suất điện định mức của dụng cụ điện (công suất mà dụng cụ tiêu thụ khi hoạt động bình thường). - Lấy ví dụ để chứng tỏ được dòng điện có năng lượng. - Tính được năng lượng của dòng điện và công suất điện trong trường hợp đơn giản.
CHƯƠNG IV – ĐIỆN TỪ (9 tiết)			

16	Bài 14. Cảm ứng điện từ. Nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều.	04	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây dẫn kín biến thiên thì trong cuộn dây đó xuất hiện dòng điện cảm ứng. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều (dòng điện luân phiên đổi chiều).
17	Bài 15. Tác dụng của dòng điện xoay chiều.	03	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ chứng tỏ dòng điện xoay chiều có tác dụng nhiệt, phát sáng, tác dụng từ, tác dụng sinh lí.
CHƯƠNG V – NĂNG LƯỢNG VỚI CUỘC SỐNG (4 tiết)			
18	Bài 16. Vòng năng lượng trên trái đất. Năng lượng hóa thạch.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ) mô tả vòng N.lượng trên Trái Đất để rút ra được: N.lượng của Trái Đất đến từ Mặt Trời. - Nêu được sơ lược ưu, nhược điểm của năng lượng hoá thạch. - Lấy được ví dụ chứng tỏ việc đốt cháy các nhiên liệu hoá thạch có thể gây ô nhiễm môi trường. - Thảo luận để chỉ ra được giá nhiên liệu phụ thuộc vào chi phí khai thác nó.
19	Bài 17. Một số dạng năng lượng tái tạo.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sơ lược ưu điểm và nhược điểm của một số dạng năng lượng tái tạo (N.lượng Mặt Trời, năng lượng từ gió, năng lượng từ sóng biển, năng lượng từ dòng sông). - Thảo luận để nêu được một số biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường.
20	Ôn tập cuối học kỳ II	01	Củng cố, hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học.
21	Kiểm tra, đánh giá cuối	01	Kiến thức đã học ở học kỳ II

	học kỳ II		
--	-----------	--	--

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1. Nhận biết 1 số dụng cụ, hóa chất. Thuyết trình một vấn đề khoa học.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 9. - Trình bày được các bước viết và trình bày báo cáo; làm được bài thuyết trình một vấn đề khoa học.
2	Bài 22. Giới thiệu về hợp chất hữu cơ	02	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm hợp chất hữu cơ, hoá học hữu cơ. - Nêu được khái niệm công thức phân tử, công thức cấu tạo và ý nghĩa của nó; đặc điểm cấu tạo hợp chất hữu cơ. - Phân biệt được chất vô cơ hay hữu cơ theo công thức phân tử. - Trình bày được sự phân loại sơ bộ hợp chất hữu cơ gồm hydrocarbon (hidrocacbon) và dẫn xuất của hydrocarbon.
3	Bài 23. Alkane	03	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm hydrocarbon, alkane. - Viết được công thức cấu tạo và gọi tên được một số alkane (ankan) đơn giản và thông dụng (C1-C4) - Viết được PTHH phản ứng đốt cháy của butane. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua học liệu đ. tử) TN⁰ đốt cháy butane từ đó rút ra được tính chất hoá học cơ bản của alkane. - Tr.bày được ứng dụng làm n.liệu của alkane trong thực tiễn

4	Bài 24. Alkene	03	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về alkene. - Viết được CTCT và nêu được tính chất vật lí của ethylene. - Tr.bày được tính chất hoá học của ethylene (phản ứng cháy; phản ứng làm mất màu nước bromine (nước brom); phản ứng trùng hợp). Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được TN^0 (hoặc q.sát TN^0) của ethylene: phản ứng đốt cháy; phản ứng làm mất màu nước bromine, quan sát và giải thích được tính chất hoá học cơ bản của alkene. - Trình bày được một số ứng dụng của ethylene: tổng hợp ethylic alcohol, tổng hợp nhựa polyethylene (PE).
5	Bài 25. Nguồn nhiên liệu	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu. - Trình bày được phương pháp khai thác dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu; một số sản phẩm chế biến từ dầu mỏ; ứng dụng của dầu mỏ và khí thiên nhiên (là nguồn nhiên liệu và nguyên liệu quý trong công nghiệp).
6	Bài 26. Ethylic Alcohol.(3 tiết)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo và nêu được đặc điểm cấu tạo của ethylic alcohol. - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của ethylic alcohol: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. - Nêu được khái niệm và ý nghĩa của độ cồn. - Tr.bày được tính chất hoá học của ethylic alcohol: phản ứng cháy, phản ứng với natri. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng cháy,

			<p>phản ứng với natri của ethylic alcohol, nêu và giải thích hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học cơ bản của ethylic alcohol.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được phương pháp điều chế ethylic alcohol từ tinh bột và từ ethylene. - Nêu được ứng dụng của ethylic alcohol (d.môi, nhiên liệu,...). - Trình bày được tác hại của việc lạm dụng rượu bia.
7	Bài 27. Acetic acid. (Tiết 1)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát mô hình hoặc hình vẽ, viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo; nêu được đặc điểm cấu tạo của acid acetic. - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của acetic acid: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. - Trình bày được phương pháp điều chế acetic acid bằng cách lên men ethylic alcohol. - Trình bày được tính chất hoá học của acetic acid: phản ứng với quỳ tím, đá vôi. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của acid acetic (phản ứng với quỳ tím, đá vôi) => rút ra được tính chất hoá học cơ bản của acetic acid. - Trình bày được tính chất hoá học của acetic acid: phản ứng với kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của acid acetic (phản ứng với kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá), nhận xét, rút ra được tính chất hoá học cơ bản của acetic acid.

			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm ester và phản ứng ester hoá. - Tr.bày được ứng dụng của acetic acid (làm ng.liệu, làm giấm)
8	Kiểm tra giữa học kì 1	1	Kiểm tra các nội dung đã dạy và học.
9	Bài 27. Acetic acid. (TT-Tiết 2,3))	3	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát mô hình hoặc hình vẽ, viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo; nêu được đặc điểm cấu tạo của acid acetic. - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của acetic acid: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. - Trình bày được phương pháp điều chế acetic acid bằng cách lên men ethylic alcohol. - Trình bày được tính chất hoá học của acetic acid: phản ứng với quỳ tím, đá vôi. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của acid acetic (phản ứng với quỳ tím, đá vôi) => rút ra được tính chất hoá học cơ bản của acetic acid. - Trình bày được tính chất hoá học của acetic acid: phản ứng với kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của acid acetic (phản ứng với kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá), nhận xét, rút ra được tính chất hoá học cơ bản của acetic acid. - Nêu được khái niệm ester và phản ứng ester hoá. - Tr.bày được ứng dụng của acetic acid (làm ng.liệu, làm giấm)

10	Bài 28. Lipid.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm lipid, chất béo, tr.thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là $(R-COO)_3C_3H_5$, đặc điểm cấu tạo. - Trình bày được tính chất vật lý của chất béo (trạng thái, tính tan) và tính chất hoá học (phản ứng xà phòng hoá). Viết được PTHH xảy ra. - Nêu được vai trò của lipid tham gia vào cấu tạo tế bào và tích lũy năng lượng trong cơ thể. - Trình bày được ứng dụng của chất béo và đề xuất biện pháp sử dụng chất béo cho phù hợp trong việc ăn uống hàng ngày để có cơ thể khoẻ mạnh, tránh được bệnh béo phì.
11	Bài 29. Carbohydrate. Glucose và saccharose.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thành phần nguyên tố, công thức chung của carbohydrate. - Nêu được công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lý (trạng thái, màu sắc, mùi, vị, tính tan, khối lượng riêng) của glucose và saccharose. - Trình bày được tính chất hoá học của glucose (phản ứng tráng bạc, phản ứng lên men rượu), của saccharose (phản ứng thủy phân có xúc tác axit hoặc enzyme). Viết được các PTHH xảy ra dưới dạng công thức phân tử. - Tiến hành được thí nghiệm (hoặc quan sát thí nghiệm) phản ứng tráng bạc của glucose. - Trình bày được vai trò và ứng dụng của glucose (chất dinh dưỡng quan trọng của người và động vật) và của saccharose (nguyên liệu quan trọng trong công nghiệp thực phẩm). - Ý thức được tầm q.trọng của việc sử dụng hợp lý saccharose. - Nhận biết được các loại thực phẩm giàu saccharose và hoa quả giàu glucose.
12	Bài 30. Tinh bột và cellulose. (Tiết 1)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lý của tinh bột và cellulose. - Trình bày được tính chất hoá học của tinh bột và cellulose (xenlulozo): phản ứng thủy phân; hồ tinh bột có phản ứng màu với iodine (iot). Viết

			<p>các PTHH của phản ứng thủy phân dưới dạng công thức phân tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành được (hoặc q.sát qua video) TN⁰ phản ứng thủy phân; phản ứng màu với iodine; nêu được hiện tượng TN⁰, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hóa học của tinh bột và cellulose (xenlulozơ). - Trình bày được ứng dụng của tinh bột và cellulose trong đời sống và sản xuất, sự tạo thành tinh bột, cellulose và vai trò của chúng trong cây xanh. - Nêu được tầm quan trọng của sự tạo thành tinh bột, cellulose trong cây xanh. - Nhận biết được các loại lương thực, thực phẩm giàu tinh bột và biết cách sử dụng hợp lý tinh bột.
13	Ôn tập cuối học kì 1	1	Ôn tập các nội dung đã học
14	Kiểm tra cuối học kì 1	1	Kiểm tra các nội dung đã học
15	Bài 30. Tinh bột và cellulose. (Tiết 2)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lý của tinh bột và cellulose. - Trình bày được tính chất hóa học của tinh bột và cellulose (xenlulozơ): phản ứng thủy phân; hồ tinh bột có phản ứng màu với iodine (iot). Viết các PTHH của phản ứng thủy phân dưới dạng công thức phân tử. - Tiến hành được (hoặc q.sát qua video) TN⁰ phản ứng thủy phân; phản ứng màu với iodine; nêu được hiện tượng TN⁰, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hóa học của tinh bột và cellulose (xenlulozơ). - Trình bày được ứng dụng của tinh bột và cellulose trong đời sống và sản xuất, sự tạo thành tinh bột, cellulose và vai trò của chúng trong cây xanh. - Nêu được tầm quan trọng của sự tạo thành tinh bột, cellulose trong cây xanh. - Nhận biết được các loại lương thực, thực phẩm giàu tinh bột và biết cách sử dụng hợp lý tinh bột.
16	Bài 31. Protein.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử (do nhiều amino acid tạo nên, liên kết peptit) và khối lượng phân tử của protein. - Tr.bày được tính chất hóa học của protein: Phản ứng thủy phân có xúc tác

			<p>acid, base hoặc enzyme, bị đông tụ khi có tác dụng của acid, base hoặc nhiệt độ; dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của protein: bị đông tụ khi có tác dụng của HCl, nhiệt độ, dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh. - Phân biệt được protein (len lông cừu, tơ tằm) với chất khác (tơ nylon). Tr.bày được v.trò của protein đối với cơ thể con người.
17	Bài 32. Polymer.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm polymer, monomer, mắt xích..., cấu tạo, phân loại polymer (polymer thiên nhiên và polymer tổng hợp). - Trình bày được tính chất vật lí chung của polymer (trạng thái, khả năng tan). - Viết được các phương trình hoá học của phản ứng điều chế PE, PP từ các monomer. - Nêu được khái niệm chất dẻo, tơ, cao su, vật liệu composite và cách sử dụng, bảo quản một số vật dụng làm bằng chất dẻo, tơ, cao su trong gia đình an toàn, hiệu quả. - Trình bày được ứng dụng của polyethylene; vấn đề ô nhiễm môi trường khi sử dụng polymer không phân huỷ sinh học (polyethylene) và các cách hạn chế gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng vật liệu polymer trong đời sống.
18	Bài 18. Tính chất chung của kim loại.	03	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tính chất vật lí của kim loại. - T.bày được tính chất hoá học cơ bản của kim loại: Tác dụng với phi kim (oxygen, lưu huỳnh, chlorine), nước hoặc hơi nước, dung dịch hydrochloric acid (axit clohidric), dung dịch muối. - Mô tả được một số khác biệt về tính chất giữa các kim loại thông dụng (nhôm, sắt, vàng...).

19	Bài 19. Dãy hoạt động hóa học.	03	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành được một số thí nghiệm hoặc mô tả được thí nghiệm (qua hình vẽ hoặc học liệu điện tử thí nghiệm) khi cho kim loại tiếp xúc với nước, hydrochloric acid... - Nêu được dãy hoạt động hoá học (K, Na, Ca, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, H, Cu, Ag, Au). - Trình bày được ý nghĩa của dãy hoạt động hoá học.
21	Bài 20. Tách kim loại và việc sử dụng hợp kim. (Tiết 1,2,3)	05	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được phương pháp tách kim loại theo mức độ hoạt động hoá học của chúng. - Trình bày được quá trình tách một số kim loại có nhiều ứng dụng, như: Tách sắt ra khỏi iron(III) oxide (sắt(III) oxit) bởi carbon oxide (oxit cacbon); Tách nhôm ra khỏi aluminium oxide (nhôm oxit) bởi phản ứng điện phân; Tách kẽm khỏi zinc sulfide (kẽm sunfua) bởi oxygen và carbon (than). - Nêu được khái niệm hợp kim; Giải thích vì sao trong một số trường hợp thực tiễn, kim loại được sử dụng dưới dạng hợp kim; - Nêu được thành phần, tính chất đặc trưng của một số hợp kim phổ biến, quan trọng, hiện đại. - Trình bày được các giai đoạn cơ bản sản xuất gang và thép trong lò cao từ nguồn quặng chứa iron (III) oxide.
21	Kiểm tra giữa kì 2	2	Kiểm tra các nội dung đã học
22	Bài 20. Tách kim loại và việc sử dụng hợp kim. (Tiết 4,5)	05	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được phương pháp tách kim loại theo mức độ hoạt động hoá học của chúng. - Trình bày được quá trình tách một số kim loại có nhiều ứng dụng, như: Tách sắt ra khỏi iron(III) oxide (sắt(III) oxit) bởi carbon oxide (oxit cacbon); Tách nhôm ra khỏi aluminium oxide (nhôm oxit) bởi phản ứng điện phân; Tách kẽm khỏi zinc sulfide (kẽm sunfua) bởi oxygen và carbon (than).

			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm hợp kim; Giải thích vì sao trong một số trường hợp thực tiễn, kim loại được sử dụng dưới dạng hợp kim; - Nêu được thành phần, tính chất đặc trưng của một số hợp kim phổ biến, quan trọng, hiện đại. - Trình bày được các giai đoạn cơ bản sản xuất gang và thép trong lò cao từ nguồn quặng chứa iron (III) oxide.
23	Bài 21. Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại	05	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ứng dụng của một số đơn chất phi kim thiết thực trong cuộc sống (than, lưu huỳnh, khí chlorine...). - Chỉ ra được sự khác nhau cơ bản về một số tính chất giữa phi kim và kim loại: Khả năng dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng; khả năng tạo ion dương, ion âm; phản ứng với oxygen tạo oxide acid, oxide base.
24	Bài 33. Sơ lược về hóa học vỏ trái đất và khai thác tài nguyên từ vỏ trái đất	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được hàm lượng các nguyên tố hoá học chủ yếu trong vỏ Trái Đất; Phân loại được các dạng chất chủ yếu trong vỏ Trái Đất (oxide, muối, ...).
25	Bài 34. Khai thác đá vôi. Công nghiệp Silicate.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn đá vôi, thành phần chính của đá vôi trong tự nhiên; các ứng dụng từ đá vôi: sản phẩm đá vôi nghiền, calcium oxide, calcium hydroxide, nguyên liệu sản xuất xi măng. - Nêu được một số ứng dụng quan trọng của silicon (silic) và hợp chất của silicon. - Trình bày được sơ lược ngành công nghiệp silicate. - Mô tả được các công đoạn chính sản xuất đồ gốm, thuỷ tinh, xi măng.
26	Bài 35. Khai thác nhiên liệu hoá thạch. Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm nhiên liệu hoá thạch. - Trình bày được lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và thực trạng của việc khai thác nhiên liệu hoá thạch hiện nay. - Nêu được một số giải pháp hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch - Nêu được một số dạng tồn tại phổ biến của nguyên tố carbon trong tự

			<p>nhiên (than, kim cương, carbon dioxide, các muối carbonate, các hợp chất hữu cơ).</p> <p>- Trình bày được sản phẩm và sự phát năng lượng từ quá trình đốt cháy than, các hợp chất hữu cơ; chu trình carbon trong tự nhiên và vai trò của carbon dioxide trong chu trình đó.</p> <p>- Trình bày được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhân tạo của methane (metan).</p>
27	Ôn tập cuối kì II	1	- Củng cố, hệ thống lại toàn bộ k.thức đã học.
28	Kiểm tra cuối học kì 2	1	- Kiểm tra các nội dung đã học
29	Bài 35. Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu.	2	<p>- Nêu được khái niệm nhiên liệu hoá thạch.</p> <p>- Trình bày được lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và thực trạng của việc khai thác nhiên liệu hoá thạch hiện nay.</p> <p>- Nêu được một số giải pháp hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch</p> <p>- Nêu được một số dạng tồn tại phổ biến của nguyên tố carbon trong tự nhiên (than, kim cương, carbon dioxide, các muối carbonate, các hợp chất hữu cơ).</p> <p>- Trình bày được sản phẩm và sự phát năng lượng từ quá trình đốt cháy than, các hợp chất hữu cơ; chu trình carbon trong tự nhiên và vai trò của carbon dioxide trong chu trình đó.</p> <p>- Trình bày được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhân tạo của methane (metan).</p>

PHÂN MÔN SINH HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
-----	----------------	----------------	------------------------

CHƯƠNG XI – DI TRUYỀN HỌC MELDEL. CƠ SỞ PHÂN TỬ CỦA HIỆN TƯỢNG DI TRUYỀN			
1	Bài 36. Khái quát về di truyền học	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm di truyền, khái niệm biến dị. - Nêu được gene quy định di truyền và biến dị ở sinh vật, qua đó gene được xem là trung tâm của di truyền học - Nêu được ý tưởng của Mendel là cơ sở cho những nghiên cứu về nhân tố di truyền (gene). - Dựa vào thí nghiệm lai một cặp tính trạng, nêu được các thuật ngữ trong nghiên cứu các quy luật di truyền: tính trạng, nhân tố di truyền, cơ thể thuần chủng, cặp tính trạng tương phản, tính trạng trội, tính trạng lặn, kiểu hình, kiểu gene, allele (alen), dòng thuần. - Phân biệt, sử dụng được một số kí hiệu trong nghiên cứu di truyền học (P, F1, F2, ...).
2	Bài 37. Các quy luật di truyền của Mendel	2	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào công thức lai 1 cặp tính trạng và kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel, phát biểu được quy luật phân li; giải thích được kết quả thí nghiệm theo Mendel. - Trình bày được thí nghiệm lai phân tích. Nêu được vai trò của phép lai phân tích. - Dựa vào công thức lai 2 cặp tính trạng và kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel, phát biểu được quy luật phân li độc lập và tổ hợp tự do. Giải thích được kết quả thí nghiệm theo Mendel.
3	Bài 38. Nucleic acid và gene	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được niệm Nucleic acid. Kể tên được các loại nucleic acid: DNA (Deoxyribonucleic acid) và RNA (Ribonucleic acid). - Thông qua hình ảnh, mô tả được DNA có cấu trúc xoắn kép, gồm các đơn phân là 4 loại nucleotide, các nucleotide liên kết giữa 2 mạch theo nguyên tắc bổ sung. - Nêu được chức năng của DNA trong việc lưu giữ, bảo quản, truyền đạt thông

			<p>tin di truyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm gene. - Giải thích được vì sao chỉ từ 4 loại nucleotide nhưng tạo ra được sự đa dạng của phân tử DNA. - Nêu được sơ lược về tính đặc trưng cá thể của hệ gene và một số ứng dụng của phân tích DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,... - Trình bày được RNA có cấu trúc 1 mạch, chứa 4 loại ribonucleotide. - Phân biệt được các loại RNA dựa vào chức năng.
4	Bài 39. Tái bản DNA và phiên mã tạo ARN	2	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát hình ảnh (hoặc sơ đồ), mô tả sơ lược quá trình tái bản của DNA gồm các giai đoạn: tháo xoắn tách hai mạch đơn, các nucleotide tự do trong môi trường tế bào kết hợp 2 mạch đơn theo nguyên tắc bổ sung. Kết quả tạo 2 DNA con giống DNA mẹ, từ đó nêu được ý nghĩa di truyền của tái bản DNA. - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh quá trình phiên mã, nêu được khái niệm phiên mã.
5	Bài 40. Dịch mã và mối quan hệ từ gene đến tính mạng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm mã di truyền, giải thích được từ 4 loại nucleotide tạo ra được sự đa dạng của mã di truyền; nêu được ý nghĩa của đa dạng mã di truyền, mã di truyền quy định thành phần hoá học và cấu trúc của protein. - Dựa vào sơ đồ hoặc hình ảnh quá trình dịch mã, nêu được khái niệm dịch mã. - Dựa vào sơ đồ, nêu được mối quan hệ giữa DNA – RNA – protein – tính trạng thông qua phiên mã, dịch mã và ý nghĩa di truyền của mối quan hệ này. - Vận dụng kiến thức “từ gene đến tính trạng”, nêu được cơ sở của sự đa dạng về tính trạng của các loài.
6	Bài 41. Đột biến gene	2	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm đột biến gene. Lấy được ví dụ minh họa. - Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến gene
7	Bài 42. Nhiễm sắc thể và bộ	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ chứng minh mỗi loài có bộ

	nhiễm sắc thể		<p>nhiễm sắc thể đặc trưng.</p> <p>- Mô tả được hình dạng nhiễm sắc thể thông qua hình vẽ nhiễm sắc thể ở kì giữa với tâm động, các cánh.</p> <p>- Dựa vào hình ảnh (hoặc mô hình, học liệu điện tử) mô tả được cấu trúc nhiễm sắc thể có lõi là DNA và cách sắp xếp của gene trên nhiễm sắc thể.</p>
8	Ôn tập	1	- Hệ thống hóa kiến thức chương XI và bài 42
9	Bài 43. Nguyên phân và giảm phân	2	<p>- Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình nguyên phân nêu được khái niệm nguyên phân.</p> <p>- Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình giảm phân nêu được khái niệm giảm phân.</p> <p>- Phân biệt được nguyên phân và giảm phân; nêu được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân trong di truyền và mối quan hệ giữa hai quá trình này trong sinh sản hữu tính.</p> <p>- Nêu được nhiễm sắc thể vừa là vật chất mang thông tin di truyền vừa là đơn vị truyền đạt vật chất di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể.</p> <p>- Trình bày được cơ chế biến dị tổ hợp thông qua sơ đồ đơn giản về quá trình giảm phân và thụ tinh (minh họa bằng sơ đồ lai 2 cặp gene).</p> <p>- Trình bày được các ứng dụng và lấy được ví dụ của nguyên phân và giảm phân trong thực tiễn.</p>
10	Bài 44. Nhiễm sắc thể giới tính và cơ chế xác định giới tính	2	<p>- Nêu khái niệm nhiễm sắc thể giới tính và nhiễm sắc thể thường.</p> <p>- Trình bày được cơ chế xác định giới tính.</p> <p>- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hoá giới tính.</p>
11	Bài 45. Di truyền liên kết	2	- Dựa vào sơ đồ phép lai trình bày được khái niệm di truyền liên kết và phân biệt với quy luật phân li độc lập.

			- Nêu được một số ứng dụng về di truyền liên kết trong thực tiễn
12	Bài 46. Đột biến nhiễm sắc thể	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm đột biến nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ minh họa. - Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến nhiễm sắc thể.
13	Kiểm tra	1	- Đề tích hợp
14	Bài 47. Di truyền học với con người	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số ví dụ về tính trạng ở người. - Nêu được khái niệm về bệnh và tật di truyền ở người. - Trình bày được một số tác nhân gây bệnh di truyền như: các chất phóng xạ từ các vụ nổ, thử vũ khí hạt nhân, hoá chất do công nghiệp, thuốc trừ sâu, diệt cỏ. - Kể tên được một số hội chứng và bệnh di truyền ở người (Down (Đao), Turner (Tóc nơ), bệnh câm điếc bẩm sinh, bạch tạng). - Dựa vào ảnh (hoặc học liệu điện tử) kể tên được một số tật di truyền ở người (hở khe môi, hàm; dính ngón tay). - Tìm hiểu được một số bệnh di truyền ở địa phương. - Nêu được vai trò của di truyền học với hôn nhân và trình bày được quan điểm về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người. Nêu được ý nghĩa của việc cấm kết hôn gần huyết thống. - Tìm hiểu được tuổi kết hôn ở địa phương.
15	Bài 48. Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số ứng dụng công nghệ di truyền trong y học, pháp y, làm sạch môi trường, nông nghiệp, an toàn sinh học. - Nêu được một số vấn đề về đạo đức sinh học trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ di truyền. - Tìm hiểu được một số sản phẩm ứng dụng công nghệ di truyền tại địa phương

16	Bài 49. Khái niệm tiến hóa và các hình thức chọn lọc	2	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm tiến hóa -Phát biểu được khái niệm nhân tạo. Trình bày được một số bằng chứng của quá trình chọn lọc do con người tiến hành đưa đến sự đa dạng và thích nghi của các loài vật nuôi và cây trồng từ vài dạng hoang dại ban đầu. - Phát biểu được khái niệm chọn lọc tự nhiên. Dựa vào hình ảnh hoặc sơ đồ, mô tả được quá trình chọn lọc tự nhiên - Thông qua phân tích được các ví dụ về tiến hóa thích nghi, chứng minh được vai trò của chọn lọc tự nhiên đối với sự hình thành đặc điểm thích nghi và đa dạng của sinh vật.
17	Bài 50. Cơ chế tiến hóa	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa. - Trình bày được quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hóa. - Trình bày được một số luận điểm về tiến hóa theo quan niệm cuat thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại (cụ thể: nguồn biến dị di truyền của quần thể, các nhân tố tiến hóa, cơ chế tiến hóa lớn)
18	Ôn tập	1	- Hệ thống hóa kiến thức chương XII, XIII và XIV
19	Kiểm tra		- Kiểm tra chung
21	Bài 51. Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất	3	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sơ đồ trình bày được khái quát sự phát triển của thế giới sinh vật trên Trái Đất; nguồn gốc xuất hiện của sinh vật nhân thực từ sinh vật nhân sơ; sự xuất hiện và sự đa dạng hóa của sinh vật đa bào. - Dựa vào sơ đồ, trình bày được khái quát sự hình thành loài người.

4.2. Môn Công nghệ

4.2.1. Công nghệ 6

Học kỳ 1

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Chương I. Nhà ở		
1	Khái quát về nhà ở	1	- Nêu được vai trò của nhà ở. - Nêu đặc điểm chung của nhà ở.
2	Xây dựng nhà ở	1	- Kể được tên một số vật liệu - Mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà
3	Ngôi nhà thông minh	2	- Mô tả được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh. - Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.
	Chương IV. Đồ dùng điện trong gia đình		
4	Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình	2	- Kể được tên và công dụng một số đồ dùng điện trong gia đình - Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm.
5	Đèn điện (tiết 1)	1	- Nhận biết được các bộ phận chính của một số loại bóng đèn. - Mô tả được nguyên lí làm việc của một số loại bóng đèn. - Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
6	Ôn tập giữa kì I	1	- Hệ thống hóa một số kiến thức cơ bản về vẽ nhà ở và khái quát về đồ dùng điện trong gia đình
7	KIỂM TRA GIỮA KỲ I	1	- HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất từ tiết 1 đến tiết 6 - HS lập luận, giải thích, liên hệ thực tế, vận dụng các kiến thức để

			trình bày đầy đủ, khoa học. - Nghiêm túc làm bài.
8	Đèn điện (tiết 2)	1	- Nhận biết được các bộ phận chính của một số loại bóng đèn. - Mô tả được nguyên lí làm việc của một số loại bóng đèn. - Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
9	Nồi cơm điện	2	- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện. - Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lí làm việc của nồi cơm điện. - Lựa chọn và sử dụng được các loại nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm, an toàn.
10	Bếp hồng ngoại	2	- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại. - Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại. - Lựa chọn và sử dụng được các loại bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm, an toàn.
11	Dự án: An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình	2	- Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. - Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm.
12	Ôn tập chương IV	1	-Hệ thống lại nội dung chính của chương IV: Đồ dùng điện trong gia đình
13	KIỂM TRA CUỐI KỲ I	1	HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất ở chương trình HK I - HS lập luận, giải thích, liên hệ thực tế, vận dụng các kiến thức để trình bày đầy đủ, khoa học. - Nghiêm túc làm bài.

--	--	--	--

Học kỳ 2

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Chương II: Bảo quản và chế biến thực phẩm		
12	Thực phẩm và dinh dưỡng	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính - Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. - Biết cách ăn uống khoa học, hợp lý.
13	Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. - Trình bày được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. - Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến. - Lựa chọn và chế biến được món ăn không sử dụng nhiệt - Hình thành thói quen ăn uống khoa học, chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh
14	Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương (tiết 1)	1	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. - Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình
15	Ôn tập giữa kỳ 2	1	Hệ thống lại nội dung chính của chương II. Bảo quản và chế biến thực phẩm
16	KIỂM TRA GIỮA KỲ 2	1	Hệ thống lại nội dung chính của chương II. Bảo quản và chế biến thực phẩm
17	Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương (tiết 2)	1	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. - Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia

			đình
18	Trang phục và đời sống	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống. - Phân loại, kể tên được một số trang phục cơ bản dùng trong đời sống. - Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục
19	Sử dụng và bảo quản trang phục	2	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tình chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. - Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.
20	Ôn tập	1	Hệ thống lại các kiến thức và năng lực đã học
21	KIỂM TRA CUỐI KỲ 2	1	
22	Sử dụng và bảo quản trang phục	1	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tình chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. - Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.
23	Thời trang (Tích hợp dạy học STEM)	1	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang. - Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân.

4.2.2. Công nghệ 7

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Chương I. Trồng trọt	13	
1	Giới thiệu về trồng trọt	2	– Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt, kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.

			<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam. – Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. – Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt. – Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt.
2	Làm đất trồng cây	1	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt. – Nêu được thành phần và vai trò của đất trồng. – Trình bày được mục đích, yêu cầu kỹ thuật của các bước trong làm đất trồng cây.
3	Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	2	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được mục đích, yêu cầu kỹ thuật của gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng. – Vận dụng kiến thức vào thực tiễn trồng trọt ở gia đình. - Có ý thức đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong trồng trọt.
4	Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	1	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt. Nêu được một số phương pháp phổ biến trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt. – Vận dụng được kiến thức thu hoạch sản phẩm trồng trọt vào thực tiễn.
5	Nhân giống vô tính cây trồng	2	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được kỹ thuật nhân giống cây trồng bằng giâm cành. – Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành. – Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.
6	Ôn tập giữa HK 1	1	Hệ thống hóa toàn bộ nội dung kiến thức đã học
7	Kiểm tra giữa HK 1	1	Kiểm tra kiến thức, năng lực và vận dụng kiến thức đã học từ tuần 1-6 vào thực tiễn
8	Dự án trồng rau an toàn	3	<ul style="list-style-type: none"> – Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến trong gia đình. – Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến. – Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao

			động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.
	Chương II: Lâm nghiệp		
9	Giới thiệu về rừng	1	– Trình bày được vai trò của rừng, phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta.
10	Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	1	– Tóm tắt được quy trình trồng, chăm sóc cây rừng và các biện pháp bảo vệ rừng. – Có ý thức trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.
11	Ôn tập HKI	1	Hệ thống hóa toàn bộ nội dung kiến thức đã học
12	Kiểm tra cuối HKI	1	Kiểm tra kiến thức, năng lực và vận dụng kiến thức đã học từ tuần 1-16 vào thực tiễn
13	Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng (tt)	1	– Tóm tắt được quy trình trồng, chăm sóc cây rừng và các biện pháp bảo vệ rừng. – Có ý thức trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.
	Chương III. Chăn nuôi		
14	Giới thiệu về chăn nuôi	2	– Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. – Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. – Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. – Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.
15	Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	2	– Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. – Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.
16	Phòng và trị bệnh cho vật nuôi	1	– Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. – Trình bày được nguyên nhân gây bệnh và biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi phổ biến.
17	Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ	1	– Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt.
18	Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ (tt)	1	– Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt.

19	Thực hành: Lập kế hoạch nuôi vật nuôi trong gia đình	1	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.
20	Ôn tập giữa HKII	1	Hệ thống hóa toàn bộ nội dung kiến thức đã học
21	Kiểm tra giữa HKII	1	Kiểm tra kiến thức, năng lực và vận dụng kiến thức đã học từ tuần 19-25 vào thực tiễn
Chương IV – Thủy sản			
22	Giới thiệu về thủy sản	1	– Trình bày được vai trò của thủy sản; nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. – Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản.
23	Nuôi cá ao	2	– Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch cá. – Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi cá bằng phương pháp đơn giản.
24	Ôn tập cuối HKII	1	Hệ thống hóa toàn bộ nội dung kiến thức đã học
25	Kiểm tra cuối HKII	1	Kiểm tra kiến thức, năng lực và vận dụng kiến thức đã học từ tuần 19-32 vào thực tiễn
26	Thực hành: Lập kế hoạch nuôi cá cảnh (Tích hợp dạy học STEM)	2	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại cá cảnh.

4.2.3. Công nghệ 8

TT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	Bài 1. Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	1	- Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy, tỉ lệ, đường nét và ghi kích thước	
			- Mô tả được một cách đơn giản các yếu tố của phép chiếu vuông góc: mặt phẳng hình chiếu, hướng chiếu tia chiếu, hình	

2	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	3	<p>chiếu và mối quan hệ giữa các yếu tố đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được tên gọi và vị trí các hình chiếu vuông góc. - Nhận biết được các khối vật thể đơn giản: khối đa diện, khối tròn xoay - Phân tích một vật thể phức tạp thành các khối cơ bản, luyện tập đọc bản vẽ các khối vật thể đơn giản - Mô tả được các bước vẽ hình chiếu vuông góc của vật thể và vẽ được các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản. 	
3	Bài 2. Bản vẽ chi tiết	2	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được nội dung của bản vẽ chi tiết và trình tự đọc bản vẽ chi tiết - Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản 	
4	Bài 4. Bản vẽ lắp	2	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp - Đọc được bản vẽ lắp đơn giản 	
5	Kiểm tra giữa học kỳ I	1	Kiểm tra kiến thức và năng lực, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn	
6	Bài 5. Bản vẽ nhà	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được bản vẽ nhà - Đọc được bản vẽ nhà đơn giản 	
7	Bài 6. Vật liệu cơ khí	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số loại vật liệu cơ khí phổ biến - Trình bày được đặc điểm của các vật liệu cơ khí phổ biến 	
8	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung cơ bản của truyền và biến đổi chuyển động - Nắm cấu tạo, nguyên lí làm việc của một số cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động - Tháo lắp và tính toán được tỉ số truyền của một số bộ truyền và biến đổi chuyển động 	

9	Ôn tập cuối học kỳ I	1	Ôn tập, hệ thống được các kiến thức đã học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt.	
10	Kiểm tra cuối kì 1	1	-Kiểm tra kiến thức và năng lực, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	
11	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay	3	- Nhận biết được một số dụng cụ gia công cơ khí cầm tay, dụng cụ đo và kiểm tra - Trình bày được một số phương pháp và quy trình gia công cơ khí bằng tay	
12	Bài 9. Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí	2	Trình bày được đặc điểm cơ bản và nhận biết được sự phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực cơ khí	
13	Bài 10. Dự án: Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay (Bài học STEM)	3	Thực hiện được một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay đơn giản	
14	Bài 11. Tai nạn điện	1	Nhận biết được một số nguyên nhân gây tai nạn điện	
15	Bài 12. Biện pháp an toàn điện	1	- Trình bày được một số biện pháp an toàn điện - Sử dụng được một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện	
16	Bài 12. Sơ cứu người bị tai nạn điện	2	- Biết cách tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện - Thực hiện được một số động tác cơ bản sơ cứu người bị tai nạn điện	
17	Bài 14. Khái quát về mạch điện	2	- Trình bày được cấu trúc chung của mạch điện, thành phần, chức năng của các bộ phận chính trên mạch điện - Vẽ và mô tả được sơ đồ khối của mạch điện điều khiển đơn giản	

18	Bài 15. Cảm biến và mô đun cảm biến	2	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại và nêu được vai trò của một số mô đun cảm biến trong mạch điện điều khiển đơn giản - Lựa chọn được loại cảm biến phù hợp và vẽ được sơ đồ kết nối các phần tử của hệ thống điều khiển có sử dụng cảm biến 	
19	Kiểm tra giữa học kỳ II	1	-Kiểm tra kiến thức và năng lực, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	
20	Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến	5	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các bước tiến hành lắp ráp mạch điện điều khiển có sử dụng mô đun cảm biến - Lắp ráp được mạch điện đơn giản có sử dụng mô đun cảm biến: mô đun cảm biến ánh sáng, mô đun cảm biến nhiệt độ, mô đun cảm biến độ ẩm 	
21	Bài 17. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật điện	3	Trình bày được đặc điểm cơ bản, nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện	
24	Bài 18. Giới thiệu về thiết kế kỹ thuật	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được mục đích và vai trò của thiết kế kỹ thuật - Kể tên được một số ngành nghề chính liên quan đến thiết kế kỹ thuật 	
25	Bài 19. Các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật	3	Mô tả được các bước trong thiết kế kỹ thuật	
26	Ôn tập cuối học kỳ II	1	Ôn tập, hệ thống được các kiến thức đã học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt.	
27	Kiểm tra cuối học kỳ II	1	-Kiểm tra kiến thức và năng lực, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	
28	Bài 20. Dự án: Thiết kế hệ thống tưới cây tự động. (Bài học STEM)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế được hệ thống tưới cây tự động đơn giản - Thiết kế được hệ thống tưới cây tự động có sử dụng cảm biến 	

4.2.4. Công nghệ 9

HỌC KỲ I (18 Tuần - 27 Tiết) . ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP VÀ MODUL LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ

Tuần	Tiết	Tên bài dạy/ Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
1	1	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ (tiết 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về nghề nghiệp; Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội; Trình bày được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng nghề nghiệp của mỗi người; - Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
2	2	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ (tiết 2)	
3	3	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ (tiết 3)	
4	4	Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân (tiết 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam; - Nhận ra, giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục; - Hiểu được sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
5	5	Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân (tiết 2)	
6	6	Bài 3. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam (tiết 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về thị trường lao động; các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động; Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.
7	7	Bài 3. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam (tiết 2)	

8	8	Bài 3. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam (tiết 3)	- Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.
9	9	Kiểm tra giữa kỳ 1	
10	10	Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp (tiết 1)	- Tóm tắt được một số lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp; - Tìm hiểu được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp; - Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
11	11	Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp (tiết 2)	
12	12	Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp (tiết 3)	
13	13	Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ (tiết 1)	- Đánh giá được mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
14	14	Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ (tiết 2)	
15	15	Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ (tiết 3)	
16	16	Ôn tập	- Hệ thống các nội dung kiến thức từ bài 1 đến bài 5
17	17	Kiểm tra cuối kỳ 1	- Đề kiểm tra
Modul: LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ			
18	18	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình (tiết 1)	- Mô tả được chức năng, cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị đóng cắt, lấy điện trong gia đình.
19	19	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình (tiết 2)	
	20	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình (tiết 3)	
20	21	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện	- Mô tả được chức năng, cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị đóng cắt, lấy

		trong gia đình (tiết 4)	điện trong gia đình.
	22	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản (tiết 1)	Sử dụng được một số dụng cụ đo điện cơ bản.
21	23	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản (tiết 2)	
	24	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản (tiết 3)	
22	25	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản (tiết 4)	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt, thông số kĩ thuật của dây dẫn điện và các thiết bị tiêu thụ điện. - Mô tả được các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt và cách kết nối các thiết bị, đồ dùng điện trong các sơ đồ mạch điện. - Thiết kế được sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà.
	26	Bài 3. Thiết kế mạng điện trong nhà (tiết 1)	
23	27	Bài 3. Thiết kế mạng điện trong nhà (tiết 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt, thông số kĩ thuật của dây dẫn điện và các thiết bị tiêu thụ điện. - Mô tả được các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt và cách kết nối các thiết bị, đồ dùng điện trong các sơ đồ mạch điện. - Thiết kế được sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà.
	28	Bài 3. Thiết kế mạng điện trong nhà (tiết 3)	
24	29	Bài 3. Thiết kế mạng điện trong nhà (tiết 4)	
	30	Bài 4. Vật liệu, thiết bị và dụng cụ cho mạng điện trong nhà (tiết 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được một số thuật ngữ về tên gọi các vật liệu và thiết bị điện dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà. - Mô tả được các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt và cách kết nối các thiết bị, đồ dùng điện trong các sơ đồ mạch điện. - Lựa chọn được thiết bị, dụng cụ, vật liệu phù hợp cho mạng điện trong nhà. - Bước đầu nhận xét, đánh giá các vật liệu được sử dụng trong lắp đặt mạng điện trong nhà.
25	31	Bài 4. Vật liệu, thiết bị và dụng cụ cho mạng điện trong nhà (tiết 2)	
	32	Bài 4. Vật liệu, thiết bị và dụng cụ cho mạng điện trong nhà (tiết 3)	
26	33	Bài 4. Vật liệu, thiết bị và dụng cụ cho mạng điện trong nhà (tiết 4)	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện.
	34	Kiểm tra giữa kỳ 2	
27	35	Bài 5. Tính toán chi phí mạng điện trong nhà (tiết 1)	

	36	Bài 5. Tính toán chi phí mạng điện trong nhà (tiết 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ đồ lắp đặt mạng điện. - Tính toán được chi phí cho một mạng điện trong nhà đơn giản.
28	37	Bài 5. Tính toán chi phí mạng điện trong nhà (tiết 3)	
	38	Bài 5. Tính toán chi phí mạng điện trong nhà (tiết 4)	
29	39	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà (tiết 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện - Lựa chọn và sử dụng được các dụng cụ cho lắp đặt mạng điện. Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Kiểm tra được mạng điện an toàn, hoạt động đúng yêu cầu, kỹ thuật. - Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc.
	40	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà (tiết 2)	
30	41	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà (tiết 3)	
	42	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà (tiết 4)	
31	43	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà (tiết 5)	
	44	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà (tiết 7)	
32	45	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà (tiết 8)	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ đồ lắp đặt mạng điện. - Tính toán được chi phí cho một mạng điện trong nhà đơn giản. - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện - Lựa chọn và sử dụng được các dụng cụ cho lắp đặt mạng điện. Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Kiểm tra được mạng điện an toàn, hoạt động đúng yêu cầu, kỹ thuật. - Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc
	46		
33	47	Bài 7. Một số nghề liên quan đến lắp	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà.

		đặt mạng điện trong nhà (t1)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm chung của một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nêu được yêu cầu đối với người lao động của ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan tới lắp đặt mạng điện trong nhà.
	48	Bài 7. Một số nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà (t2)	
34	49	Ôn tập	Hệ thống kiến thức đã học
	50	Kiểm tra cuối HK II	Hệ thống kiến thức đã học
35	51+52	Bài 7. Một số nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà (t3, t4)	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Tính toán được chi phí cho một mạng điện trong nhà đơn giản. - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện - Lựa chọn và sử dụng được các dụng cụ cho lắp đặt mạng điện. Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Kiểm tra được mạng điện an toàn, hoạt động đúng yêu cầu, kỹ thuật. - Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc - Giới thiệu được một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Trình bày được đặc điểm chung của một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nêu được yêu cầu đối với người lao động của ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan tới lắp đặt mạng điện trong nh

4.3. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

4.3.1. Hoạt động trải nghiệm 6

Stt (1)	Chủ đề (2)	Nội dung hoạt động (3)	Tiết (4)	Thời điểm tuần (5)	Yêu cầu cần đạt (6)	Ghi chú (7)
HỌC KỲ I						
1	Chủ đề 1: Em với nhà trường (12 tiết)	SHDC: Khai giảng năm học mới	1	Tuần 1	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được ý nghĩa của ngày khai giảng. - Thể hiện được cảm xúc vui vẻ, hào hứng, tự hào; có ấn tượng tốt đẹp về ngày khai giảng.	
		HĐGDCĐ: Lớp học mới của em	2		- Nêu và thực hiện những việc làm cần thiết để thiết lập mối quan hệ với bạn bè, thầy cô.	
		SHL: Xây dựng nội quy lớp học.	3		- Hs nêu được cảm xúc bản thân về ngày khai trường. - Xây dựng được tiêu chí “Lớp học hạnh phúc”	
		SHDC: Tìm hiểu truyền thống nhà trường	4	Tuần 2	- Giới thiệu những nét nổi bật của nhà trường và tự giác tham gia truyền thống nhà trường.	
		HĐGD theo chủ đề: truyền thống trường em	5		- Hợp tác với thầy cô, các bạn để thực hiện các truyền thống nhà trường.	
		SHL: Gợi thiệu về truyền thống nhà trường	6		Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội	

					TNTP Hồ Chí Minh, của nhà trường.	
		SHDC: Đăng ký tuần học tốt, tháng học tốt	7	Tuần 3	<p>-Tự ý thức được trách nhiệm của bản thân, tự giác cố gắng phấn đấu, rèn luyện, điều chỉnh bản thân phù hợp với yêu cầu thi đua của trường lớp.</p> <p>- Rèn luyện kỹ năng tự học, phối hợp trong công việc, tổ chức hoạt động.</p>	
		HĐGD theo chủ đề: Điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới.	8		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <p>- Chia sẻ những khó khăn và những việc đã làm được trong môi trường học tập mới.</p> <p>- Xát định những việc nên làm để phù hợp với môi trường học tập mới.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện trong môi trường học tập mới.</p>	
		SHL: Xây dựng cam kết thi đua của tổ, lớp	9		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS</p> <p>- Ý thức được trách nhiệm của bản thân, tự giác cố gắng phấn đấu, rèn luyện để phù hợp với yêu cầu thi đua của trường lớp.</p> <p>- Rèn luyện kỹ năng tự học, phối hợp trong công việc, tổ chức hoạt động.</p> <p>- Phát triển bản chất chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	
		SHDC: Diễn đàn “phòng chống bạo lực học đường”.	10	Tuần 4	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS</p> <p>- Nêu được các hình thức bạo lực học đường có thể xảy ra và ảnh hưởng của bạo lực học đường đối với cá nhân, lớp học, nhà trường.</p> <p>- Biết thể hiện quan điểm không đồng tình với hành vi bạo lực học đường.</p>	

					<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất các biện pháp phòng chống bạo lực học đường và xây dựng trường học thân thiện. 	
		HDGD theo chủ đề: Em và các bạn.	11		Sau khi tham gia hoạt động này, HS <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức tình bạn là một khía cạnh tình cảm quan trọng của lứa tuổi THCS nên cần giữ gìn. - Nhận diện và xác định một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè. - Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè một cách nhanh chóng. 	
		SHL: Xây dựng quy tắc ứng xử để tạo môi trường lớp học an toàn, thân thiện Đánh giá chủ đề 1.	12		Sau khi tham gia hoạt động này, HS <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân. - Rèn luyện kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế để tự hoàn thiện bản thân.. 	
		SHDC: Diễn đàn “chăm ngoan, học giỏi”	13	Tuần 5	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: <ul style="list-style-type: none"> - Biết được sự cần thiết phải chăm ngoan học giỏi, và rèn luyện để trở thành hs chăm ngoan học giỏi là cách để phát triển bản thân. - chia sẻ các biện pháp để trở thành hs chăm ngoan, học giỏi. - Có động lực để thực hiện các biện pháp để trở thành hs chăm ngoan, học giỏi. 	
		HDGD theo chủ đề:	14		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:	

2	Chủ đề 2: Khám phá bản thân (12 tiết)	Em đã lớn hơn.			<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận diện những thay đổi về thể chất và tinh thần của bản thân. - Nhận biết những thay đổi tích cực của bản thân và những điều bản thân cần thay đổi, khắc phục theo hướng tích cực. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức của bản thân, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ...góp phần hình thành năng lực suy nghĩ hợp tác và các phẩm chất trung thực, trách nhiệm. 	
		SHL: Lập kế hoạch tổ chức và điều hành diễn đàn “em đã lớn hơn”.	15		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được bài giới thiệu về các biểu hiện phát triển của bản thân để tham gia diễn đàn “em đã lớn hơn” 	
		SHDC: Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.	16	Tuần 6	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: Học tập tấm gương đạo đức của Bác Hồ, điều chỉnh bản thân để trở thành con ngoan, trò giỏi, đội viên tốt; Kính yêu Bác Hồ. - Rèn luyện kỹ năng tổ chức, đánh giá các hoạt động, phẩm chất tự tin, nhân ái, trách nhiệm. 	
		HĐGD theo chủ đề: Đức tính đặc trưng của em.	17		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện và giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân. - Xây dựng kế hoạch rèn luyện đức tính cần thiết. - Rèn luyện kỹ năng tích cực, kỹ năng lắng nghe, trình bày suy nghĩ. 	
		SHL: Tổ chức trò	18	Tuần 6	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:</p>	

		chơi “Đoán xem người đó là ai”. Đức tính đặc trưng của bạn, của tôi.			- Tiết mục văn nghệ về kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. - Đức tính đặc trưng của một số bạn trong lớp.	
		SHDC: Chúng ta cùng tài giỏi.	19	Tuần 7	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân; - Mạnh dạn, tự tin thể hiện khả năng của mình và biết học hỏi bạn bè; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, phẩm chất trách nhiệm, nhân ái, tự tin.	
		HĐGD theo chủ đề: Sở thích và khả năng của em.	20		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Phát hiện và nêu được sở thích của bản thân, tự tin thể hiện sở thích của mình; - Phát hiện và nêu được khả năng của bản thân, tự tin thể hiện khả năng của mình; - Tiếp tục rèn luyện, phát triển khả năng và sở thích của bản thân;	
		SHL: Tổ chức những hoạt động thể hiện sở thích lành mạnh, phát huy khả năng của bản thân.	21		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Sơ kết tuần - Chia sẻ được sản phẩm làm theo nhóm cùng sở thích, khả năng; - Chia sẻ được việc rèn luyện để phát triển khả năng và sở thích của bản thân.	
		SHDC: Diễn đàn: Tình bạn	22	Tuần 8	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: -Biết đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, cảm thông và tôn	

					<p>trọng bạn bè;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Biết giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn; - Rèn kĩ năng hợp tác, thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. 	
		<p>HD theo chủ đề: Những giá trị của bản thân</p>	23		<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu được thể nào là giá trị của một người; -Phát hiện được những giá trị của bản thân; -Biết giữ gìn và phát huy những giá trị của bản thân; - Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. -Rèn luyện kĩ năng tự nhận thức bản thân, lắng nghe tích cực, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, hợp tác; phẩm chất trung thực, trách nhiệm. 	
		<p>SHL: Giao lưu chia sẻ “Giá trị của tôi, giá trị của bạn”.</p> <p>Đánh giá chủ đề 2</p>	24		<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chia sẻ được ý kiến chân thực về những giá trị đã thực sự chi phối hành động, hành vi của bản thân; -Bày tỏ thái độ tôn trọng những giá trị chung và giá trị riêng của từng người. - Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 	
Chủ đề 3:		<p>SHDC: Giao lưu “Khỏe và đẹp”.</p>	25	Tuần 9	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhận thức được sự cần thiết phải rèn luyện thân thể để trở nên khỏe và đẹp, thể hiện sự quý trọng bản thân; -Tự tin thể hiện vẻ đẹp của mình qua biểu diễn trang phục; Tích cực tham gia các trò chơi rèn luyện thể 	

3	Trách nhiệm với bản thân (12 tiết)				lực;	
		Đánh giá giữa học kì 1	26		Nội dung đánh giá.	
		Đánh giá giữa học kì 1	27		Máy tính, tivi, giấy A ₀ , bút lông, nam châm.	
		SHDC: Rèn luyện sức khỏe học đường	28	Tuần 10	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Nêu được tầm quan trọng của sức khỏe học đường. - Xác định mục tiêu rèn luyện sức khỏe dưới những hình thức khác nhau.	
		HĐGD theo chủ đề: Tự chăm sóc bản thân	29		Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: -Nêu những việc làm để tự chăm sóc bản thân về thể chất, tinh thần, dáng vẻ bên ngoài. - Biết cách chăm sóc bản thân và thực hiện các công việc chăm sóc bản thân. - Góp phần phát triển các phẩm chất chung như: trung thực, trách nhiệm.	
		SHL: - Tự chăm sóc bản thân. - Chia sẻ và thực hiện kế hoạch chăm sóc bản thân.	30		Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: -Sơ kết tuần -Chia sẻ được những điều học được về cách chăm sóc bản thân, đồng thời, kể được những điều đã thay đổi theo hướng tích cực trong việc chăm sóc bản thân. -Tích cực tham gia tập dân vũ để biểu diễn.	
		SHDC: Tham gia giao thông an toàn	31	Tuần 11	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Có những hiểu biết cơ bản về an toàn khi tham gia giao thông;	

					<ul style="list-style-type: none"> -Tuân thủ pháp luật giao thông để tự bảo vệ bản thân khi tham gia giao thông; - Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức hoạt động, hợp tác, làm việc nhóm; 	
		HDGD theo chủ đề: Ứng phó với thiên tai	32		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: <ul style="list-style-type: none"> -Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai; -Nêu được và biết cách tự bảo vệ bản thân trong một số tình huống thiên tai cụ thể; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giải quyết vấn đề, thích ứng với cuộc sống, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ. 	
		SHL: Tự bảo vệ bản thân với một số tình huống thiên tai cụ thể	33		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: <ul style="list-style-type: none"> -Sơ kết tuần -Nêu được những việc đã tham gia, những điều đã học hỏi được và cảm nhận của bản thân sau khi tham gia chủ đề “Tham gia giao thông an toàn” ở trường và chủ đề “ứng phó với thiên tai” ở lớp; -Trình bày được kết quả tìm hiểu một số loại thiên tai ở địa phương và cách ứng phó với thiên tai; 	
		SHDC: Tọa đàm về “Ứng phó với các tình huống nguy hiểm”.	34	Tuần 12	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: <ul style="list-style-type: none"> -Nhận diện được các tình huống nguy hiểm trong cuộc sống, trong thiên tai để tìm cách ứng phó; -Biết giải quyết các tình huống nguy hiểm trong cuộc sống; - Rèn kĩ năng quan sát, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, biết tìm kiếm sự giúp đỡ; 	

					- Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức hoạt động;	
		HĐGD theo chủ đề: Ứng phó với thiên tai (TT)	35		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Vận dụng, củng cố kiến thức, kinh nghiệm mới về ứng phó với một số tình huống thiên tai cụ thể, phổ biến; - Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề	
		SHL: Đảm bảo an toàn trong một số tình huống nguy hiểm và thiên tai Đánh giá chủ đề 3.	36		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Nêu được những điều đã học hỏi được về cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm và mô tả được những việc đã tham gia ở trường, gia đình, cộng đồng để ứng phó với một số tình huống thiên tai. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 3.	
4	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân (12 tiết)	SHDC: Diễn đàn “Nhiệm vụ đội viên”.	37	Tuần 13	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được ba nhiệm vụ đội viên cần thực hiện; - Biết điều chỉnh bản thân phù hợp với nhiệm vụ đội viên, thực hiện tốt Năm điều Bác Hồ dạy, rèn luyện để trở thành con ngoan, trò giỏi, đội viên tốt; - Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. - Rèn luyện năng lực hợp tác và giao tiếp, thiết kế và tổ chức hoạt động;	
		HĐGD theo chủ đề: Góc học tập của em	38		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết cách sắp xếp và sắp xếp được góc học tập gọn	

					gàng, ngăn nắp; -Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hợp tác, tính ngăn nắp, gọn gàng; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
		SHL: Sắp xếp góc học tập gọn gàng, ngăn nắp.	39		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Sơ kết tuần -Nêu được những điều đã học hỏi được sau khi tham gia diễn đàn “Nhiệm vụ đội viên” Ở trường;	
		SHDC: Vệ đẹp đội viên	40		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Nhận thức được trách nhiệm và các yêu cầu của đội viên; -Có ý thức tự rèn luyện bản thân để xây dựng tổ chức Đội, góp phần xây dựng trường học thân thiện;	
		HĐGD theo chủ đề: Sắp xếp nơi ở của em.	41	Tuần 14	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết cách sắp xếp và sắp xếp được nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hợp tác, tính ngăn nắp, gọn gàng.	
		SHL: Sắp xếp nơi ở gọn gàng, ngăn nắp.	42		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Sơ kết tuần -Nêu được những việc đã làm ở gia đình để nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; -Tự tin, hứng thú tham gia sinh hoạt văn nghệ với các bạn trong lớp.	
		SHDC: Giao tiếp trên mạng xã hội.	43	Tuần 15	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:	

					-Biết giao tiếp, ứng xử đúng, văn minh trên mạng xã hội; -Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thích ứng với những thay đổi của cuộc sống, sử dụng mạng xã hội hợp lý, không lạm dụng, không lãng phí thời gian cho mạng xã hội.	
		HDGD theo chủ đề: Giao tiếp phù hợp	44		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Nhận diện được những tình huống giao tiếp phù hợp hoặc chưa phù hợp; -Điều chỉnh được bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; -Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tự nhận thức bản thân, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ, ý tưởng, hợp tác; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
		SHL: Giao tiếp trên mạng xã hội và giao tiếp phù hợp	45		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Sơ kết tuần -Nhận diện và kể được những cách giao tiếp phù hợp, chưa phù hợp còn tồn tại trong lớp và cách khắc phục.	
		SHDC: Diễn đàn “Người tiêu dùng thông minh”.	46	Tuần 16	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Hiểu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính trong cuộc sống; -Xác định được những khoản chi tiêu cần thiết khi số tiền của mình hạn chế;	

		HĐTN CD: Chi tiêu hợp lí.	47		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Xác định được những khoản chi tiêu ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế; - Rèn luyện kĩ năng ra quyết định, thói quen tiết kiệm; góp phần phát triển năng lực tự chủ.	
		SHL: Thay đổi những thói quen chi tiêu chưa hợp lí. Đánh giá chủ đề 4	48		- Sơ kết tuần. - HS chia sẻ được kết quả từ việc thực hiện kế hoạch chi tiêu và tiết kiệm của bản thân.	
5	Chủ đề 5: Em với gia đình. (12 tiết)	SHDC: Triển lãm tranh, ảnh về chủ đề “Yêu thương và chia sẻ”	49	Tuần 17	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Biết được ý nghĩa sự yêu thương và chia sẻ của những người thân trong gia đình;	
		Đánh giá cuối học kì 1	50		Nội dung đánh giá.	
		Đánh giá cuối học kì 1	51		Máy tính, tivi, giấy A ₀ , bút lông, nam châm.	
		SHDC: Giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình.	52	Tuần 18	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Phân tích được nguyên nhân xảy ra các vấn đề trong gia đình. -Biết cách ứng phó, giải quyết các vấn đề nảy sinh.	
		HĐGD theo chủ đề: Động viên, chăm sóc người thân trong gia đình.	53		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Nhận diện được hành động, lời nói thể hiện sự quan tâm, động viên, chăm sóc người thân trong gia đình; -Xác định và thực hiện được những lời nói, hành động để động viên, chăm sóc người thân trong gia	

					đình; -Đưa ra được lời khuyên cho các bạn về hành động và lời nói thể hiện sự động viên chăm sóc người thân;		
		SHL: -Tình cảm gia đình - Kỹ năng giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình.	54			Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Sơ kết tuần -Nêu được những hành động, lời nói đã thực hiện để động viên, chăm sóc người thân trong gia đình; -Chủ động, tự giác động viên, chăm sóc người thân trong gia đình. -Thể hiện trách nhiệm, tích cực tham gia thảo luận và hợp tác thực hiện nhiệm vụ. -Nêu được những điều đã tiếp thu, học hỏi được về kĩ năng giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình; -Chủ động, tự tin khi tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong gia đình; -Thể hiện trách nhiệm, tích cực tham gia thảo luận và hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ.	
		HỌC KỲ II					
		SHDC: Hội chợ quê	55	Tuần 19	-Tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước qua các món ăn truyền thống, các trò chơi dân gian, các bài hát về quê hương....		
		HĐGD theo chủ đề: Em làm việc nhà	56		-Nhận diện được những việc nhà em đã chủ động, tích cực tự giác làm để giúp đỡ gia đình. - Tự giác, chủ động, tích cực làm việc nhà phù hợp với lứa tuổi.		

					- Thể hiện được sự chủ động, tự giác trong công việc; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	
		SHL: Chủ động tự giác làm việc nhà	57		-HS nêu được những việc nhà phù hợp với khả năng bản thân đã chủ động, tự giác tham gia ở gia đình.	
		SHDC: Ngày hội khéo tay hay làm	58	Tuần 20	-Thể hiện sự khéo tay qua các công việc trong gia đình như: nấu ăn, trang trí nhà cửa,... -Có ý thức làm các công việc trong gia đình; biết quan tâm đến mọi người, mọi việc trong gia đình; biết quý trọng những sản phẩm do mình làm ra.	
		HĐGD theo chủ đề: Em làm việc nhà (TT)	59		-Trình bày được bí quyết làm việc nhà, hiểu rõ hơn cách làm tốt một số việc nhà. -Xử lí các tình huống để giải quyết việc nhà	
		SHL: Thể hiện khéo tay hay làm. Những việc nhà đã chủ động tự giác thực hiện Đánh giá chủ đề 5	60		- Chia sẻ được những việc đã tham gia và cảm xúc của bản thân sau khi tham gia ngày hội Khéo tay - hay làm. -Nêu được những việc nhà em đã chủ động, tự giác thực hiện và cách khắc phục tính ngại làm một số việc nhà.	
6	Chủ đề 6: Em với cộng đồng (12 tiết)	SHDC: Mừng Đảng, mừng xuân	61	Tuần 21	-Củng cố niềm tin yêu Đảng, niềm tự hào về quê hương, đất nước, về mùa xuân của dân tộc. -Lạc quan, yêu đời; tích cực học tập và rèn luyện để lập thành tích mừng Đảng, mừng xuân. -Phát huy tiềm năng văn nghệ; biết thêm nhiều bài hát ca ngợi Đảng, ca ngợi quê hương, đất nước và mùa xuân.	
		HĐGD theo chủ đề: Thiết lập quan hệ với	62		-Nêu được những việc cần làm để thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng.	

		cộng đồng (TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH TAI NẠN BOM Mìn, VẬT NỔ)			-Thực hiện được những việc cần làm để thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng.	
		SHL: Tổ chức hát, múa theo chủ đề “Mừng Đảng, mừng Xuân”; Những hoạt động chung với các bạn hàng xóm.	63		- Sơ kết tuần -Tích cực, hào hứng tham gia văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân. -Nêu được hoạt động chung đã thực hiện với những người bạn hàng xóm.	
		SHDC: Hưởng ứng chương trình nhân đạo “Lá lành đùm lá rách”	64		-Hiểu được quyền góp, ủng hộ những người gặp khó khăn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Biết cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn, hình thành phẩm chất nhân ái.	
		HDGD theo chủ đề: Em tham gia hoạt động thiện nguyện. (TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH TAI NẠN BOM Mìn, VẬT NỔ)	65	Tuần 22	-Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng thông qua việc sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. -Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú.	
		SHL: Cả lớp thực hiện hoạt động thiện nguyện theo kế hoạch. Tổng kết và đánh giá hoạt động.	66		- Sơ kết tuần. -Tích cực tham gia đóng góp cho hoạt động thiện nguyện theo kế hoạch đã lập.	

		SHDC: Vẽ Tranh tuyên truyền “Vì một cộng đồng văn minh”	67		<ul style="list-style-type: none"> -Nhận thức rõ hơn về tác động, ảnh hưởng của môi trường đối với sức khoẻ cộng đồng nói chung và sức khoẻ học đường nói riêng, giúp các em tiếp tục có ý thức bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ của bản thân và cộng đồng. -Góp phần giáo dục thẩm mỹ, phát huy năng khiếu hội họa. 	
		HĐGD theo chủ đề: Hành vi có văn hoá nơi công cộng”	68	Tuần 23	<ul style="list-style-type: none"> -Nêu được những hành vi văn hoá cần có ở nơi công cộng. -Đánh giá được những hành vi của bản thân và mọi người ở nơi công cộng. -Thực hiện được hành vi có văn hoá ở nơi công cộng. -Nhắc nhở mọi người cùng thực hiện hành vi văn hoá nơi công cộng. -Góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ, năng lực tham gia hoạt động và thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng. 	
		SHL: Chia sẻ những hành vi có văn hóa mà em đã thực hiện nơi công cộng; những hành vi mà em đã thay đổi theo hướng tích cực.	69		<ul style="list-style-type: none"> -Nêu được những hành vi văn hoá bản thân đã thực hiện ở nơi công cộng. -Nêu được những hành vi ở nơi công cộng bản thân đã thay đổi theo hướng tích cực. 	
		SHDC: Ngày hội Văn hoá dân gian.	70	Tuần 24	<ul style="list-style-type: none"> -Biết một số trò chơi dân gian, thêm yêu quê hương, đất nước. -Tăng cường sự đoàn kết, giao lưu với các lớp trong toàn trường. 	

					<ul style="list-style-type: none"> -Rèn kĩ năng tổ chức trò chơi, kĩ năng quản lí; -Tuân thủ luật chơi và hợp tác làm việc nhóm, giáo dục tinh thần trách nhiệm. 	
		HĐGD theo chủ đề: Truyền thống quê em	71		<ul style="list-style-type: none"> -Nêu được những truyền thống tốt đẹp của quê hương. -Có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống của địa phương. -Góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ, năng lực tham gia hoạt động và thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng 	
		SHL: Giới thiệu lễ hội hoặc phong tục tốt đẹp của quê em Đánh giá chủ đề 6	72		<ul style="list-style-type: none"> -Tự tin, hứng thú giới thiệu về truyền thống quê hương. -Tự hào về truyền thống quê hương. 	
7	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường (12 tiết)	SHDC: Giới thiệu di sản thế giới tại Việt Nam	73	Tuần 25	<ul style="list-style-type: none"> -Biết được các di sản thế giới tại Việt Nam. -Có thái độ tích cực để bảo tồn các di sản thế giới tại Việt Nam. 	
		HĐGD theo chủ đề: Khám phá cảnh quan thiên nhiên	74		<ul style="list-style-type: none"> -Nhận biết được một số cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng ở nước ta và địa phương. -Mô tả được vẻ đẹp của một cảnh quan thiên nhiên ở quê hương qua tranh vẽ hoặc bài viết. 	
		SHL: Giới thiệu cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước	75		<ul style="list-style-type: none"> -Đoán được tên một số cảnh quan thiên nhiên qua bài hát, bài thơ. -Tự tin giới thiệu các tranh, ảnh, bài viết về cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước. 	

		SHDC: Ngày hội stem: “Làm sản phẩm sáng tạo từ vật liệu tái chế”	76	Tuần 26	- Vận dụng các kiến thức khoa học, kỹ thuật, toán học, công nghệ trong việc làm sản phẩm. - Phát triển trí tưởng tượng, sáng tạo và phát triển kỹ năng kỹ thuật.	
		HĐGD theo chủ đề: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	77		- Xác định và nêu được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. - Thực hiện được những việc làm cụ thể đã xác định để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên - Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ động vật quý hiếm.	
		SHL: Triển lãm và giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ vật liệu tái chế.	78		- Vận dụng các kiến thức khoa học, kỹ thuật, toán học, công nghệ trong việc làm sản phẩm. - Phát triển trí tưởng tượng, sáng tạo và phát triển kỹ năng kỹ thuật.	
		SHDC: Diễn đàn tuyên truyền “Chung tay giảm thiểu biến đổi khí hậu”	79	Tuần 27	- Biết các nguyên nhân, tác hại của biến đổi khí hậu. - Đề ra được biện pháp và có thái độ tích cực để giảm thiểu biến đổi khí hậu.	
		HĐGD theo chủ đề: Ứng phó với biến đổi khí hậu.	80		- Nêu được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người. - Xác định được những việc nên làm để góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu. - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu. - Lập được kế hoạch tuyên truyền, vận động mọi người chung tay giảm thiểu biến đổi khí hậu, qua đó	

					củng cố, kiểm nghiệm kiến thức về biến đổi khí hậu.	
		SHL: Tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe con người. Tuyên truyền bảo vệ động vật quý hiếm và giảm thiểu biến đổi khí hậu Đánh giá chủ đề 7	81		-Thể hiện và củng cố những hiểu biết về tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe con người.	
		SHDC: Chung tay bảo vệ động vật quý hiếm.	82	Tuần 28	-Hiểu rõ việc bảo vệ động vật quý hiếm cũng là bảo vệ thiên nhiên và môi trường. -Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ động vật quý hiếm.	
		Đánh giá giữa học kì 2	83			
		Đánh giá giữa học kì 2	84			
8	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề	SHDC: Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp.	85	Tuần 29	-Nêu được những điều đã học hỏi và cảm nhận của bản thân sau khi tham gia thi tìm hiểu nghề ở trường, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp quanh ta và thực hiện hoạt động sau giờ học. -Hứng thú, tự tin tham gia giao lưu văn nghệ chủ đề hát về nghề nghiệp.	
		HĐGD theo chủ đề: Thế giới nghề nghiệp quanh ta	86		-Nêu được tên của các nghề phổ biến trong xã hội và các nghề đang có ở địa phương. -Trình bày được lợi ích, giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với các hoạt động lao động nghề nghiệp.	

	nghiep (12 tiết)	SHL: Tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp	87		-Nêu được những điều đã học hỏi và cảm nhận của bản thân sau khi tham gia thi tìm hiểu nghề ở trường, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp quanh ta ở lớp và thực hiện hoạt động sau giờ học;	
		SHDC: Tìm hiểu làng nghề truyền thống	88	Tuần 30	-Có thái độ tích cực giữ gìn và phát huy giá trị các làng nghề truyền thống.	
		HĐGD theo chủ đề: Khám phá nghề truyền thống ở nước ta	89		-Nêu được hoạt động đặc trưng và lợi ích của nghề truyền thống. -Lập được kế hoạch tìm hiểu các nghề truyền thống.	
		SHL: Lập kế hoạch tìm hiểu về nghề truyền thống	90		-Trình bày được những hiểu biết của bản thân về nghề truyền thống; -Nêu được nội dung phiếu phỏng vấn và kết quả tìm hiểu một nghề truyền thống qua hoạt động sau giờ học.	
		SHDC: Ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp	91	Tuần 31	-Thể hiện được hiểu biết và khả năng của bản thân về hoạt động nghề nghiệp. -Tích cực học tập bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện các kỹ năng chuẩn bị hành trang cho nghề nghiệp mai sau.	
		HĐGD theo chủ đề: Trải nghiệm nghề truyền thống	92		-Mô tả được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của nghề truyền thống ở địa phương; -Nêu được yêu cầu về an toàn khi sử dụng công cụ lao động của nghề truyền thống được tham gia trải nghiệm.	
		SHL: Thu hoạch về	93		-Trình bày được những thu hoạch sau khi tham gia	

		hoạt động trải nghiệm nghề truyền thống.			ngày hội Trải nghiệm hướng nghiệp ở trường. -Hoàn thành được báo cáo thu hoạch trải nghiệm nghề truyền thống.	
		SHDC: Ngày hội tư vấn hướng nghiệp	94	Tuần 32	-Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề mình yêu thích. -Tích cực học tập bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện các kỹ năng chuẩn bị hành trang cho nghề nghiệp mai sau.	
		HĐGD theo chủ đề: Trải nghiệm nghề truyền thống (tiếp)	95		-Mô tả được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của nghề truyền thống ở địa phương. -Nêu được yêu cầu về an toàn khi sử dụng công cụ lao động của nghề truyền thống được tham gia trải nghiệm.	
		SHL: Phát triển nghề truyền thống ở địa phương Đánh giá chủ đề 8	96		-Nêu được những điều đã học hỏi, những việc đã tham gia trong ngày hội Tư vấn hướng nghiệp của trường.	
9	Chủ đề 9: Hiểu bản thân-chọn đúng nghề. (9 tiết)	SHDC: Hiểu bản thân - chọn đúng nghề	97	Tuần 33	-Nêu được ý nghĩa, tầm quan trọng, vị trí của nghề mình yêu thích trong xã hội hiện nay. -Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống. -Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề nghiệp mình yêu thích.	
		Đánh giá cuối học kì 2	98			

		Đánh giá cuối học kì 2	99			
		SHDC: Diễn đàn “Hành trang vì ngày mai lập nghiệp”	100	Tuần 34	-Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của vấn đề chuẩn bị hành trang cần thiết cho bản thân để ngày mai lập nghiệp. -Biết tìm hiểu thông tin, thực tế nghề nghiệp mình yêu thích để định hướng cho tương lai. -Bước đầu định hướng được nghề nghiệp mình yêu thích.	
		HDGD theo chủ đề: - Em với nghề truyền thống - Em tập làm nghề truyền thống.	101	Tuần 34	-Bước đầu xác định được sở thích, khả năng nghề nghiệp của bản thân, làm cơ sở cho việc nhận biết những đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề em yêu thích; -Đánh giá được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với yêu cầu của nghề truyền thống. -Biết cách làm sản phẩm của một nghề truyền thống. -Làm được sản phẩm của nghề truyền thống theo sở thích, khả năng của bản thân.	
		SHL: Kế hoạch rèn luyện của bản thân theo yêu cầu của nghề truyền thống.	102		- Lựa chọn và lập kế hoạch cho buổi liên hoan cuối năm bằng các món ăn truyền thống.	
		Tổng kết năm học	103	Tuần 35	-Đánh giá được kết quả học tập và rèn luyện của tập thể lớp, trường và bản thân. -Rèn kĩ năng tự đánh giá bản thân; bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm, cần cù.	

		HĐGD theo chủ đề: Trở tài chế biến món ăn truyền thống	104		-Củng cố nhận thức về bản thân thông qua việc thực hành chế biến món ăn truyền thống. -Chế biến được một món ăn truyền thống theo sở thích, khả năng của bản thân.	
		SHL: Tổng kết năm học. Cam kết thực hiện kì nghỉ hè vui, bổ ích, an toàn.	105		-HS tự hào về những thành tích học tập, rèn luyện đã đạt được trong năm học; -Cam kết thực hiện hè vui, bổ ích, an toàn.	

4.3.2. Hoạt động trải nghiệm 7

Tuần	Chủ đề	Số tiết	Số tiết PPCT	Nội dung/ Mạch kiến thức	Yêu cầu đạt được	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Em với nhà trường	3	1	SHDC: Khai giảng năm học mới	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được ý nghĩa của ngày khai giảng. - Thể hiện được cảm xúc vui vẻ, hào hứng, tự hào; có ấn tượng tốt đẹp về ngày khai giảng.	
			2	HĐGDCĐ: Phát triển mối quan hệ hòa đồng, hợp tác với thầy cô và các bạn.	- Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô, các bạn và hài lòng về các mối quan hệ. - Hợp tác với thầy cô, các bạn để thực hiện các nhiệm vụ chung và giải quyết vấn đề nảy sinh.	

			3	SHL: Xây dựng nội quy lớp học hạnh phúc	<ul style="list-style-type: none"> - Hs nêu được cảm xúc bản thân về ngày khai trường. - Xây dựng được tiêu chí “Lớp học hạnh phúc”. 	
2	Chủ đề 1: Em với nhà trường	3	4.	SHDC: Cam kết thực hiện nội quy nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội quy, quy định trường học, lớp học. - Hợp tác với thầy cô và các bạn để thực hiện nội quy trường lớp. 	
			5.	HĐGD theo chủ đề: Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô và các bạn (t2)	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô, các bạn và hài lòng về các mối quan hệ. - Hợp tác với thầy cô, các bạn để thực hiện các nhiệm vụ chung và giải quyết vấn đề nảy sinh. 	
			6.	SHL: Cam kết thực hiện nội quy lớp học, hướng tới xây dựng “Trường học hạnh phúc”	<ul style="list-style-type: none"> - Hs trình bày được kết quả thực hiện hoạt động vận dụng. - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của học sinh – Cam kết thực hiện nội quy lớp học, 	

					hướng tới xây dựng “Lớp học hạnh phúc”.	
3	Chủ đề 1: Em với nhà trường	3	7.	SHDC: Nghe giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Hợp tác được với các bạn để tạo ra các sản phẩm giới thiệu những nét nổi bật, tự hào về nhà trường.	
			8.	HDGD theo chủ đề: Tự hào truyền thống trường em.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội TNTP Hồ Chí Minh.	
			9.	SHL: Triển lãm sản phẩm giới thiệu truyền thống nhà trường. Đánh giá chủ đề 1	Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội TNTP Hồ Chí Minh, của nhà trường.	
4	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	3	10.	SHDC: Nghe nói chuyện về gương hoàn thiện bản thân của một số danh nhân Việt Nam và thế giới.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Học hỏi được những tấm gương tự hoàn thiện bản thân của một số danh nhân Việt Nam và thế giới. - Rèn luyện bản thân theo những tấm gương tự hoàn thiện bản thân.	
			11.	HDGD theo chủ đề: Điểm mạnh, điểm hạn chế của tôi.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Nhận diện được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. Rèn luyện kĩ năng nhận thức điểm mạnh, điểm yếu, cách khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh.	
			12.	SHL: Tranh biện về ý nghĩa của kĩ năng tự	Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Đưa ra những lí lẽ, lập luận để ủng hộ	

				nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.	hoặc phản đối khi tranh biện về ý nghĩa của việc nhận thức điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.	
5	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	3	13.	SHDC: Chứng minh điều tài giỏi	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được điểm mạnh của bản thân, tự tin và biết thể hiện điểm mạnh qua các hoạt động, sản phẩm cụ thể. - Rèn luyện tính tự tin và khả năng tự nhận thức bản thân.	
			14.	HDGD theo chủ đề: Điểm mạnh, điểm hạn chế của tôi (Tiết 2)	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Học sinh nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân. - Rèn luyện kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế để tự hoàn thiện bản thân. - Phát triển phẩm chất trách nhiệm, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực lập kế hoạch cá nhân; phẩm chất trung thực trách nhiệm.	
			15.	SHL: Chia sẻ về kết quả rèn luyện tự hoàn thiện bản thân theo kế hoạch đã xây dựng.	- Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Chia sẻ được kết quả bước đầu rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân theo kế hoạch đã xây dựng.	
	Chủ đề 2:		16.	SHDC: Chơi trò chơi:	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả	

6	Khám phá bản thân	3		“Nhìn hành động, đoán cảm xúc”	năng: - Thể hiện được cảm xúc qua ngôn ngữ cơ thể và nhận biết được cảm xúc của người khác qua ngôn ngữ cơ thể của họ.	
			17.	HĐGD theo chủ đề: Kiểm soát cảm xúc của bản thân.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Rèn luyện kỹ năng thể hiện và nhận biết cảm xúc. - Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân. - Rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân, đặc biệt là kỹ năng giải tỏa những cảm xúc tiêu cực.	
			18.	SHL: Luyện tập: “Vũ điệu mang lại niềm vui”	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - HS tập được một số điệu nhảy vui nhộn để giải tỏa cảm xúc tiêu cực.	
7	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	3	19.	SHDC: Cuộc thi: “Vũ điệu mang lại niềm vui”.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Cảm nhận được cảm xúc tích cực do các vũ điệu nhảy thể thao/dân vũ khỏe khoắn, vui nhộn, phù hợp với lứa tuổi mang lại - Rèn luyện, tham gia các điệu nhảy thể thao/dân vũ vui khỏe phù hợp với lứa tuổi THCS để có sức khỏe, tinh thần lành mạnh, vượt qua các cảm xúc tiêu cực.	
			20.	HĐGD theo chủ đề: Kiểm soát cảm xúc của bản	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm	

				thân (t2).	xúc của bản thân - Rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân, đặc biệt là kỹ năng giải tỏa những cảm xúc tiêu cực.	
			21.	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân trong một số tình huống cụ thể. Đánh giá chủ đề 2	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc được bản thân.	
8	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	22.	SHDC: Tìm hiểu về những tấm gương vượt khó	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Học hỏi được cách vượt qua khó khăn từ những tấm gương vượt khó. - Rèn kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. -Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
			23.	HĐ theo chủ đề: Vượt qua khó khăn.	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Biết cách vượt qua khó khăn trong một số tình huống cụ thể. - Rèn tính kiên trì, không ngại khó, ngại khổ; rèn luyện phẩm chất trách nhiệm.	
			24.	SHL: Chia sẻ kinh nghiệm vượt qua khó khăn của bản thân.	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Học sinh chia sẻ được những kinh nghiệm của bản thân để vượt qua một số khó khăn cụ thể.	

9	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	25.	SHDC: Phát động phong trào “Đọc sách mỗi ngày”.	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được ý nghĩa tác dụng của việc thường xuyên đọc sách. - Định hướng được kế hoạch vượt qua khó khăn để thực hiện phong trào “đọc sách mỗi ngày” do nhà trường phát động. 	
			26	<p>HĐGDTCD: Kiểm tra giữa kì I</p> <p>SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện cách vượt qua khó khăn của bản thân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và thực hiện được những việc nên làm để thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và giữ gìn được tình bạn, tình thầy trò. - Nêu và thực hiện được những việc nên làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới. - Rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, tự chủ, thích ứng với cuộc sống, phẩm chất nhân ái, trách nhiệm - Phát hiện và nêu được sở thích, khả năng của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác, thích ứng với cuộc sống; phẩm chất trung thực, nhân ái, trách nhiệm. <p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - tự bảo vệ trước những tình huống nguy hiểm của các nhóm. 	

			27			
10	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	28.	SHDC: Tìm hiểu vấn đề “Nghiện trò chơi điện tử ở lứa tuổi thiếu niên”.	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được sự nguy hiểm từ việc nghiện chơi trò chơi điện tử. - Biết cách tránh xa các cám dỗ của trò chơi điện tử. - Hình thành kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá. 	
			29.	CD: Chia sẻ kết quả rèn luyện cách vượt qua khó khăn của bản thân.	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ được kế hoạch và những việc đã làm theo kế hoạch để vượt qua một khó khăn cụ thể của bản thân. - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS. 	
			30.	SHL: Chia sẻ về việc bảo vệ bản thân trong một số tình huống nguy hiểm.	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <p>HS chia sẻ được những tình huống nguy hiểm mà bản thân hay các bạn đã gặp, hoặc những tình huống các em biết qua việc nghe kể lại hay đọc được và cách xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm.</p>	
11	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	31.	SHDC: Diễn đàn về phòng tránh xâm hại cơ thể.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được hiểu biết của mình về phòng tránh xâm hại cơ thể. - Rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. 	
			32.	HĐGD theo chủ đề: Tự	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được một số tình huống nguy 	

				bảo vệ trong tình huống nguy hiểm (Tích hợp phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ)	hiểm và biết tự bảo vệ trong các tình huống đó.	
			33.	SHL: Chia sẻ sản phẩm hướng dẫn kỹ năng tự bảo vệ.	- Học sinh chia sẻ được sản phẩm hướng dẫn kỹ năng tự bảo vệ trước các tình huống nguy hiểm (áp phích, video, tiểu phẩm, bài thơ/bài vẽ...)	
12	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	34.	SHDC: Phòng tránh bạo lực học đường	- Học hỏi được cách phòng chống bạo lực học đường. - Thể hiện được quan điểm của mình về phòng tránh bạo lực học đường.	
			35.	HDGD theo chủ đề: Tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm (t2) (Tích hợp phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ)	- Rèn luyện kỹ năng tự bảo vệ, phẩm chất trách nhiệm.	
			36.	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng bảo vệ bản thân trong các tình huống nguy hiểm. Đánh giá chủ đề 3.	- Học sinh chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng bảo vệ bản thân trong tình huống nguy hiểm. - Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của học sinh. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 3.	
13	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	37.	SHDC: Lễ phát động phong trào “Gọn nhà, đẹp trường”.	- Biết được ý nghĩa, tác dụng của thói quen gọn gàng, ngăn nắp trong gia đình, nhà trường, lớp học. - Hiểu được sự cần thiết của việc hình thành thói quen ngăn nắp, gọn gàng.	

					- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
			38.	HĐGD theo chủ đề: Rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.	- Lập và thực hiện được kế hoạch sắp xếp nhà cửa, lớp học ngăn nắp, gọn gàng. - Hình thành được thói quen ngăn nắp, gọn gàng - Phát triển được năng lực hợp tác, tổ chức hoạt động	
			39.	SHL: Chia sẻ việc thay đổi những hành động chưa tốt để rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.	- Học sinh thảo luận, chia sẻ những hành động đã làm khi thực hiện các công việc sắp xếp, vệ sinh đồ dùng trong nhà để nhà cửa ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ..	
14	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	40.	SHDC: Tọa đàm về chủ đề “ Kiên trì, chăm chỉ - Chìa khóa của thành công”.	- Học sinh thực hiện được kế hoạch rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong thực tiễn để rèn luyện các đức tính này trong học tập và trong việc thực hiện các công việc gia đình.	
			41.	HĐGD theo chủ đề: Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ.	- Xác định được những hành động, việc làm thể hiện tính kiên trì, sự chăm chỉ. - Rèn luyện được tính kiên trì, chăm chỉ trong công việc. - Phát triển năng lực hợp tác, tổ chức các hoạt động; phẩm chất chăm chỉ trách nhiệm.	
			42.	SHL: Chia sẻ bài viết về một người thành đạt trong cuộc sống nhờ tính kiên trì và sự chăm chỉ.	- Học sinh xây dựng được bài chia sẻ về tấm gương thành đạt nhờ tính kiên trì. - Thảo luận và trao đổi cùng với các bạn trong lớp để rút ra lợi ích của tính kiên trì,	

					chăm chỉ trong học tập và cuộc sống.	
15	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	43.	SHDC: Diễn đàn về chủ đề “Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ không khó”.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được quan điểm của mình khi bàn luận về vấn đề thực hiện rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ khó hay dễ. - Sử dụng được kỹ năng tranh biện để bảo vệ hoặc thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. - Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; bồi dưỡng phẩm chất kiên trì, chăm chỉ, trách nhiệm. 	
			44.	HĐGD theo chủ đề: Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ (t2).	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được những hành động, việc làm thể hiện tính kiên trì, sự chăm chỉ. - Lập và thực hiện được kế hoạch rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập và trong công việc hằng ngày. - Rèn luyện được tính kiên trì, chăm chỉ trong công việc. - Phát triển năng lực hợp tác, tổ chức các hoạt động; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm. 	
			45.	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện tính kiên trì, sự chăm chỉ trong học tập và công việc gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ những việc cụ thể đã làm và kết quả rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập và trong công việc gia đình. - GV thu thập thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS. 	
16	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	46.	SHDC: Chi tiêu hợp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Biết kiểm soát các khoản chi tiêu và biết tiết kiệm tiền. - Lập kế hoạch chi tiêu hợp lý. 	
			47.	HĐGD theo chủ đề: Theo	<ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu biết kiểm soát các khoản chi 	

				chủ đề: Quản lí chi tiêu.	tiêu và tiết kiệm tiền. - Lập được kế hoạch chi tiêu cho một số sự kiện trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.	
			48.	SHL: Chia sẻ về việc thực hiện kế hoạch chi tiêu chưa hợp lí	- HS chia sẻ được kết quả từ việc thực hiện kế hoạch chi tiêu và tiết kiệm của bản thân.	
17	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	49.	SHDC: Phát động phong trào “Hộp quà tiết kiệm”.	- Hiểu được ý nghĩa của phong trào “Hộp quà tiết kiệm” - Hiểu được sự cần thiết phải tiết kiệm chi tiêu trong cuộc sống để đề phòng những bất trắc có thể xảy ra.	
			50	HĐGD theo chủ đề: Kiểm tra cuối kì I SHL: Giới thiệu một sự kiện gia đình do em tổ chức Đánh giá chủ đề 4	- Nêu được những việc cần làm để chăm sóc bản thân về mọi mặt: thể chất, tinh thần, dáng vẻ bên ngoài; - Biết cách chăm sóc bản thân và thực hiện được các công việc chăm sóc bản thân; - Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; - Điều chỉnh được bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; - Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác, thích ứng với cuộc sống; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	

			51.			
18	Chủ đề 5: Em với gia đình	3	52.	SHDC: Biểu diễn văn nghệ về chủ đề “Gia đình”.	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và thể hiện được các tiết mục văn nghệ về chủ đề “Gia đình” - Cảm thụ được cái hay, cái đẹp qua các tiết mục văn nghệ trên cơ sở đó phát triển tình cảm gắn bó và trách nhiệm với gia đình. - Rèn kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. - Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. 	
			53.	HDGD theo chủ đề: Kỹ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được việc nên và không nên làm khi chăm sóc người thân bị mệt, ốm. - Thể hiện được kỹ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lắng nghe tích cực; phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. 	
			54.	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng chăm sóc người thân trong gia đình khi bị mệt, ốm.	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chia sẻ được những việc đã làm khi chăm sóc người thân bị mệt, ốm - Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi và kết quả thực hiện hoạt động vận dụng sau giờ học của học sinh 	
19	Chủ đề 5: Em với gia đình	3	55.	SHDC: Diễn đàn “Bổn phận, trách nhiệm của người con trong gia đình”	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được quan điểm của mình về bổn phận, trách nhiệm đối với gia đình. - Sử dụng tư duy phản biện để phản đối những quan điểm chưa phù hợp, thuyết phục người khác tham gia việc thực hiện bổn phận, trách nhiệm của người con đối với gia đình, trên cơ sở đó phát triển tình cảm gắn bó và trách nhiệm với gia đình - 	

					<p>Rèn kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá.</p> <p>- Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm</p>	
			56.	<p>HDGD theo chủ đề: Kế hoạch lao động tại gia đình.</p>	<p>- Chia sẻ được kinh nghiệm lao động tại gia đình.</p> <p>- Xây dựng được kế hoạch lao động tại gia đình.</p> <p>- Rèn luyện được kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	
			57.	<p>SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng lao động tại gia đình.</p>	<p>- Học sinh chia sẻ được việc thực hiện kế hoạch lao động tại gia đình và việc điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.</p> <p>- Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi và kết quả thực hiện hoạt động vận dụng sau giờ học của học sinh.</p>	
20	Chủ đề 5: Em với gia đình	3	58.	<p>SHDC: Tọa đàm “Lắng nghe tích cực để thấu hiểu”.</p>	<p>-Nêu được ý nghĩa và sự cần thiết của việc lắng nghe tích cực.</p> <p>-Kể được những yêu cầu cần thể hiện sự lắng nghe tích cực.</p> <p>-Có nhu cầu vận dụng các yêu cầu cần thể hiện khi lắng nghe tích cực.</p> <p>- Hình thành được kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá .</p> <p>- Phát triển được năng lực hợp tác ,tư duy phản biện, tôn trọng giá trị.</p>	
			59.	<p>HDGD theo chủ đề: Lắng nghe tích cực ý kiến</p>	<p>-Nhận biết và chia sẻ được những biểu hiện của sự lắng nghe tích cực các thành viên</p>	

				người thân trong gia đình.	trong gia đình. - Xác định được yêu cầu của việc lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. - Thể hiện được kỹ năng lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. - Rèn luyện được kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lắng nghe tích cực; phẩm chất nhân ái, tôn trọng, trách nhiệm.	
			60.	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng lắng nghe tích cực ý kiến người thân trong gia đình. Đánh giá chủ đề 5	- HS chia sẻ được việc được thay đổi để rèn luyện kỹ năng lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. - HS thu thập những thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng sau giờ học của HS.	
21	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	3	61.	SHDC: Diễn đàn “ HS THCS giao tiếp, ứng xử có văn hóa”	- Nhận thức được những hành vi giao tiếp ứng xử chưa có văn hóa như chế giễu, chê bai, kì thị và làm tổn thương người khác, không tuân theo các nguyên tắc nơi công cộng... - Biết thể hiện sự không đồng tình với những hành vi chế giễu, kì thị, làm tổn thương người khác. - Hình thành ý thức tôn trọng các quy tắc ứng xử trong cộng đồng để giữ gìn hành vi ứng xử có văn hóa.	
			62.	HDGD theo chủ đề: Giao tiếp, ứng xử có văn hóa và tôn trọng sự khác biệt.	- Xác định được các hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa. - Rèn luyện kỹ năng giao tiếp ứng xử có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Hình thành được thái độ tôn trọng và	

					chấp nhận sự khác biệt để có hành vi giao tiếp ứng xử có văn hóa.	
			63.	SHL: Phản hồi kết quả rèn luyện hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa và tôn trọng sự khác biệt trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện và lan tỏa được những giá trị của hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa và tôn trọng sự khác biệt của người khác trong các tình huống giao tiếp hàng ngày. - Học sinh hình thành ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng văn hóa cộng đồng. 	
22	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	3	64.	SHDC: Lễ phát động phong trào “Thiện nguyện – một hành động văn hóa, nghĩa tình”.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định những hoạt động thiện nguyện phù hợp mà các em có thể tham gia. - Nên tham gia với tinh thần tự giác, tự nguyện, biết vận động và cùng chung tay với mọi người làm thiện nguyện. - Phát triển phẩm chất: Nhân ái 	
			65.	HĐGD theo chủ đề: Tham gia hoạt động thiện nguyện	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo ở nhà trường và cộng đồng. - Vận động người thân, bạn bè tham gia hoạt động thiện nguyện. - Rèn luyện kĩ năng tổ chức hoạt động, giao tiếp, hợp tác. - Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, biết yêu thương chia sẻ. 	
			66.	SHL: Chia sẻ kết quả tham gia và vận động người thân, bạn bè tham gia hoạt động thiện nguyện, nhân đạo. Phối hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức các chương trình	<ul style="list-style-type: none"> - Biết đánh giá hoạt động thiện nguyện đem lại lợi ích như thế nào? Vì sao cần phải tham gia các hoạt động thiện nguyện? - Phát triển phẩm chất: Nhân ái, trách nhiệm. 	

				thiện nguyện.		
23	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	3	67.	SHDC: Tìm hiểu truyền thống quê hương.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết và chia sẻ được một vài di sản của Việt nam được thế giới công nhận. - Tìm hiểu truyền thống quê hương Hội An. - Biết về các làng nghề truyền thống tại quê hương, một số làng nghề em biết khác - Tham gia được một hoạt động mang tính dân gian tại trường: thi hát dân ca, trò chơi dân gian.... 	
			68.	HĐGD theo chủ đề: Tự hào truyền thống quê hương.	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của quê hương. - Rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tổ chức hoạt động. - Phát huy được tình yêu quê hương đất nước và tinh thần trách nhiệm. 	
			69.	SHL: Giới thiệu truyền thống đáng tự hào của quê hương. Đánh giá chủ đề 6	<ul style="list-style-type: none"> - Tập làm phóng viên phỏng vấn các bạn trong lớp để hiểu rõ hơn về lễ hội quê hương. - Phát triển phẩm chất yêu nước, yêu quê hương. 	
24	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	70.	SHDC: Văn nghệ với chủ đề: “Quê hương, đất nước tươi đẹp”	<p>Giáo dục HS: Tình yêu quê hương, đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được cảm xúc vui vẻ, hào hứng, tự hào về quê hương đất nước. 	
			71.	HĐGD theo chủ đề: Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi.	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc bản thân sau chuyến tham quan cảnh thiên nhiên. -Thực hiện được các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những 	

					nơi đến tham quan..... - Phát triển năng lực phẩm chất sáng tạo, trách nhiệm.	
			72.	SHL: Trò chơi phỏng vấn	Học sinh chia sẻ, củng cố, mở rộng hiểu biết về các cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và nói lên cảm xúc của mình về những cảnh quan thiên nhiên đó.	
25	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	73.	SHDC: Trò chơi “Nhìn hình ảnh, đoán tên cảnh quan thiên nhiên”	-HS nhận thức được một số cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước qua quan sát hình ảnh. -Khuyến khích HS tìm hiểu về các cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước. -Tự hào về quê hương, đất nước.	
			74.	HĐGD theo chủ đề: Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi. (T2)	-Tự giác thực hiện các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan. -Vận động nhắc nhở mọi người cùng thực hiện. -Phát triển năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, phẩm chất trách nhiệm.	
			75.	SHL: Triển lãm các sản phẩm đã thiết kế về cảnh quan thiên nhiên. Biểu diễn các tiết mục văn nghệ ca ngợi cảnh quan thiên của địa phương và của đất nước	HS trưng bày, giới thiệu được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân sau chuyến tham quan cảnh thiên nhiên.	
26	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên	3	76.	SHDC: Giao lưu với chuyên gia môi trường về	- HS thu nhận được một số thông tin, kiến thức về hiệu ứng nhà kính.	

	và môi trường			hiệu ứng nhà kính.	- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, phẩm chất tự tin.	
			77.	HĐGD theo chủ đề: Kiểm tra định kì giữa kì II Bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.	- HS tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên trái đất. - Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau.	
			78.	SHL: Báo cáo kết quả tìm hiểu về ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất và biện pháp giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.	- HS trình bày được kết quả tìm hiểu về ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên trái đất và biện pháp khắc phục.	
27	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	79.	SHDC: Trò chơi “Rung chuông vàng”.	- HS biết vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã có để bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính để trả lời các câu hỏi được đặt ra trong trò chơi. - Rèn luyện phẩm chất trách nhiệm.	
			80	HĐGD theo chủ đề: Bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính. SHL: Chuẩn bị truyền thông bảo vệ môi trường	- Nêu và thực hiện được những lời nói, hành động thể hiện sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình. - Nêu được những việc nhà em cần chủ động, tự giác thực hiện trong gia đình. Thể hiện được sự chủ động, tự giác làm việc nhà. - Tham gia giải quyết được một số vấn đề	

				<p>thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.</p>	<p>nảy sinh trong quan hệ gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn; - Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; - Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người; - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu; 	
			81			
28	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	82.	<p>SHDC: Truyền thông bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông được về bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính dưới các hình thức khác nhau trước toàn trường. - Phát triển cho HS năng lực giao tiếp, năng lực sáng tạo; phẩm chất tự tin. 	
			83.	<p>HĐGD theo chủ đề: Bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính (T2).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất. - Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau. 	
			84.	<p>SHL: Báo cáo kết quả thực hiện chiến dịch truyền thông bảo vệ môi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày được báo cáo về kết quả chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính 	

				trường thiên nhiên giảm thiểu hiệu ứng nhà kính. Đánh giá chủ đề 7	đã thực hiện.	
29	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	3	85.	SHDC: Giới thiệu một số nghề hiện có ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các hoạt động nghề nghiệp và một số nghề hiện có ở địa phương. - Biết được những đóng góp của hoạt động nghề nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất chăm chỉ. 	
			86.	HĐGD theo chủ đề: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được một số nghề hiện có ở địa phương. - Nêu được đặc trưng của một số nghề ở địa phương (công việc đặc trưng; trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề; những phẩm chất và năng lực cần có của người làm các nghề ở địa phương; những nguy hiểm có thể xảy ra và cách giữ an toàn khi làm một số nghề ở địa phương). - Lập và thực hiện được một dự án tìm hiểu đặc trưng của một số nghề ở địa phương. - Giới thiệu, trình bày được sản phẩm của dự án, trong đó thể hiện được các đặc trưng của nghề cụ thể ở địa phương. - Rèn luyện kĩ năng lập kế hoạch, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; phẩm chất yêu quê hương, trách nhiệm, tự chủ. 	

			87.	SHL: Chia sẻ kết quả khám phá nghề hiện có ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ được những điều đã thu nhận về hoạt động nghề nghiệp và kết quả khám phá một số nghề hiện có ở địa phương. - Nêu được cảm nhận về nghề hiện có ở địa phương. 	
30	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	3	88.	SHDC: Tìm hiểu đặc trưng của một số nghề ở địa phương qua giao lưu với người lao động giỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết đặc trưng của 1 số nghề cụ thể ở địa phương qua việc giao lưu với người lao động giỏi. - Nhận biết được sự tương quan giữa phẩm chất năng lực với vị trí công việc và sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp phẩm chất chăm chỉ. 	
			89.	HĐGD theo chủ đề: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương (T2).	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh khám phá và thực hiện hiểu biết của bản thân về một số nghề hiện có ở địa phương. - Chia sẻ được đặc trưng của một số nghề hiện có ở địa phương. 	
			90.	SHL: Chia sẻ dự án tìm hiểu đặc trưng một số nghề ở địa phương. Chuẩn bị cho ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cảm nhận và những điều học hỏi được sau buổi giao lưu với người lao động giỏi ở địa phương. - Chia sẻ được dự án tìm hiểu nghề ở địa phương. - Đưa ra được ý tưởng thiết kế bộ thời trang nghề nghiệp và nêu ra được những việc cần làm để thực hiện ý tưởng thiết kế. 	
31	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	3	91.	SHDC: Ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được hiểu biết, sở thích, khả năng của bản thân về hoạt động nghề nghiệp qua các hoạt động triển lãm, giới 	

					thiệu nghề ở địa phương và diễn biến thời trang nghề nghiệp. - Tự tin hứng thú tham gia các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp phẩm chất chăm chỉ.	
			92.	HĐGD theo chủ đề: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương (T2).	- Học sinh nêu được cá thu thập tìm kiếm thông tin nghề nghiệp khi tìm hiểu một số nghề khi tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương. - Xây dựng được kế hoạch dự án tìm hiểu nghề ở địa phương	
			93.	SHL: Chia sẻ về ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp. Chuẩn bị cho buổi giao lưu văn nghệ toàn trường.	- Trình bày được cảm nhận những điều học hỏi được qua các việc tham gia ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp. - Lựa chọn và chuẩn bị tiết mục cho buổi giao lưu văn nghệ về chủ đề nghề nghiệp.	
32	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	3	94.	SHDC: Giao lưu văn nghệ về chủ đề “ Nghề nghiệp”.	- Thể hiện được các tiết mục văn nghệ (hát, múa, kịch,...) về nghề nghiệp. - Phát huy tiềm năng văn nghệ, biết thêm bài hát, điệu múa về nghề nghiệp. - Tự tin, hứng thú tham gia các tiết mục văn nghệ về nghề nghiệp. - Rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp.	
			95.	HĐGD theo chủ đề: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương (Tiết 2).	- HS thực hiện được nhiệm vụ đã phân công trong kế hoạch dự án tìm hiểu nghề. - HS xử lý, phân loại, phân tích được các dữ	

					<p>liệu, thông tin cần thiết về nghề ở địa phương do các thành viên trong nhóm thu thập được.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được sản phẩm dự án, trong đó thể hiện rõ các đặc trưng của nghề mà nhóm tìm hiểu. - Giới thiệu, trình bày được sản phẩm dự án, tìm hiểu nghề ở địa phương. - Đánh giá được kết quả và rút kinh nghiệm sau khi thực hiện được dự án. 	
			96.	SHL: Chuẩn bị cho việc báo cáo kết quả trải nghiệm nghề.	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cảm nhận của bản thân về các tiết mục văn nghệ được trình diễn trong giờ SHDC. - Chia sẻ được báo cáo kết quả thực hiện dự án và giới thiệu sản phẩm dự án. 	
33	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	3	97.	SHDC: Định hướng nghề nghiệp với học sinh THCS	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được mục đích, ý nghĩa của việc định hướng nghề nghiệp. - Biết được những việc cần làm và cách thức thực hiện những việc cần làm để đưa ra được định hướng nghề nghiệp cho bản thân. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm. 	
			98	HDGD theo CĐ: Kiểm tra cuối học kì II	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau; - Nêu được một số nghề truyền thống ở Việt 	

				SHL : Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thực hiện dự án tìm hiểu đặc trưng một số nghề ở địa phương	<p>Nam;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống; - Nêu được yêu cầu cơ bản về an toàn khi sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống; - Rèn luyện năng lực định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác, lập và thực hiện kế hoạch; phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm. - Đánh giá được kết quả học tập và rèn luyện của tập thể lớp, trường và bản thân; - Có kế hoạch học tập và rèn luyện cho năm học tiếp theo; 	
			99.			
34	Chủ đề 9: Hiểu bản thân – Chọn đúng nghề	3	100	SHDC: Tọa đàm “Nhận thức của bản thân với việc định hướng nghề trong tương lai”	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tầm quan trọng của việc nhận thức bản thân và định hướng nghề nghiệp. - Biết được mối tương quan giữa phẩm chất, năng lực của bản thân với sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp. 	
			101	HĐGD theo chủ đề: Phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của nghề ở địa phương (Tiết 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ hơn về đặc trưng của nghề ở địa phương mà học sinh quan tâm. - củng cố, mở rộng hiểu biết về nghề ở địa phương. - Rèn kĩ năng tìm hiểu nghề qua trải 	

					nghiệm thực tế, tính tự chủ, năng lực nhận thức nghề nghiệp, phẩm chất trách nhiệm.	
			102	SHL: Phản hồi kết quả rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân theo yêu cầu của nghề	- Chia sẻ kết quả rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân theo yêu cầu của nghề ở địa phương mà mình yêu thích.	
35	Chủ đề 9: Hiểu bản thân – Chọn đúng nghề	3	103.	SHDC: Tổng kết năm học		
			104.	HĐGD theo chủ đề: Phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của nghề ở địa phương (Tiết 2)	- Hiểu rõ hơn về đặc trưng của nghề ở địa phương mà học sinh quan tâm. - củng cố, mở rộng hiểu biết về nghề ở địa phương. - Rèn kĩ năng tìm hiểu nghề qua trải nghiệm thực tế, tính tự chủ, năng lực nhận thức nghề nghiệp, phẩm chất trách nhiệm.	
			105.	SHL: Tổng kết năm học tại lớp.		

4.3.3. Hoạt động trải nghiệm 8

Stt (1)	Chủ đề (2)	Nội dung hoạt động (3)	Tiết (4)	Thời điểm tuần (5)	Yêu cầu cần đạt (6)	Ghi chú (7)
1	Chủ đề 1:	SHDC: Khai giảng năm học mới	1.	Tuần 1	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:	

	Em với nhà trường (9 tiết)				<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa và những thông tin nhà trường phổ biến - Thể hiện được cảm xúc hào hứng, tự tin; có tâm thế sẵn sàng bước vào năm học mới 	
		HĐGDCĐ: Xây dựng và giữ gìn tình bạn	2.		<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ và nêu được cách xây dựng tình bạn - Giải quyết được những khó khăn trong tình bạn như hiểu lầm, đổ kị, áp lực từ bạn hoặc nhóm bạn để giữ gìn tình bạn - Trân trọng những giá trị tốt đẹp của tình bạn, những phẩm chất của một người bạn tốt 	
		SHL: Chia sẻ kết quả của hoạt động xây dựng và giữ gìn tình bạn	3.		<p>Hs thể hiện được sự chân thành trong việc xây dựng và giữ gìn tình bạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo được bầu không khí thoải mái, tích cực ở lớp học để tình bạn của HS trong lớp thêm gắn kết - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kĩ năng xây dựng và giữ gìn tình bạn với các bạn trong lớp, trường và cộng đồng 	
		SHDC: Trao đổi về phòng, tránh bắt nạt học đường	4.	Tuần 2		
		HĐGD theo chủ đề: Phòng, tránh bắt nạt học đường	5.		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được các dấu hiệu của bắt nạt học đường. - Có kĩ năng phòng, tránh và xử lí các tình huống bị bắt nạt học đường. 	

					-Hình thành thái độ thận trọng để phòng, tránh và xử lí các tình huống bị bắt nạt học đường.	
		SHL: Triển lãm hình ảnh với chủ đề “ lớp học không có bắt nạt”	6.		-HS có ý thức về việc phòng, tránh bắt nạt học đường -Chia sẻ được những sản phẩm đã làm được về phòng, tránh bắt nạt học đường - Chia sẻ được những kết quả rèn luyện kĩ năng phòng, tránh bắt nạt học đường	
		SHDC: Phát động cuộc thi “ Em yêu trường em”	7.	Tuần 3	- Tự hào, gắn bó với mái trường và sẵn sàng thực hiện các hoạt động để xây dựng truyền thống nhà trường	
		HĐGD theo chủ đề: Xây dựng truyền thống nhà trường	8.		- Hiểu biết và tự hào hơn về truyền thống của nhà trường -Thực hiện được các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường	
		SHL: Chia sẻ kết quả cuộc thi “ Em yêu trường em” Đánh giá chủ đề 1	9.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS - HS cảm nhận được bầu không khí thoải mái, tích cực khi được tham gia vào các hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường -Chia sẻ được những việc làm cụ thể bản thân đã thực hiện để góp phần xây dựng truyền thống nhà trường - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 1	
2		SHDC: Tham gia nói chuyện về chuyên đề:	10.	Tuần 4	Sau khi tham gia hoạt động này, HS	

	Chủ đề 2: Khám phá bản thân (12 tiết)	“ Nét đẹp tuổi trăng tròn”			-Giới thiệu được một số đặc điểm của lứa tuổi HS THCS thông qua các hình thức khác nhau - Rèn luyện được tính tự tin và khả năng tự nhận thức bản thân	
		HĐGD theo chủ đề: Tính cách và cảm xúc của tôi	11.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân - Rèn luyện được kĩ năng nhận thức những nét tính cách đặc trưng của bản thân và biết điều chỉnh cảm xúc của bản thân theo hướng tích cực	
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện tính cách của bản thân	12.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện tính cách của bản thân - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả rèn luyện tính cách trong thực tiễn của HS	
		SHDC: Tham gia cuộc thi: Nghệ sĩ kịch câm tài ba	13.	Tuần 5	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Thể hiện được cảm xúc thông qua ngôn ngữ cụ thể - Rèn luyện được kĩ năng thể hiện và nhận biết cảm xúc.	
		HĐGD theo chủ đề: Tính cách và cảm xúc của tôi (tiếp theo)	14.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh cảm xúc theo hướng tích cực.	

					- Rèn luyện được kĩ năng nhận thức những nét tính cách đặc trưng của bản thân và biết điều chỉnh cảm xúc của bản thân theo hướng tích cực	
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện khả năng nhận diện cảm xúc và điều chỉnh cảm xúc của bản thân theo hướng tích cực	15.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kĩ năng điều chỉnh cảm xúc của bản thân theo hướng tích cực	
		SHDC: Tọa đàm về vai trò của tranh biện và thương thuyết trong cuộc sống hiện đại	16.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Trình bày được vai trò quan trọng của tranh biện và thương thuyết trong cuộc sống hiện đại -có ý thức rèn luyện khả năng tranh biện và thương thuyết.	
		HĐGD theo chủ đề: Khả năng tranh biện, thương thuyết của tôi	17.	Tuần 6	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được cách tranh biện, thương thuyết - Rèn luyện được kỹ năng tranh biện, thương thuyết, năng lực giao tiếp, hợp tác, phẩm chất trung thực, trách nhiệm.	
		SHL: Chia sẻ kế hoạch rèn luyện khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân	18.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - HS chia sẻ được kế hoạch rèn luyện khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân.	
		SHDC: Tham gia	19.	Tuần 7	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:	

		tranh biện về một số vấn đề liên quan đến HS THCS			- Tranh biện được về một số vấn đề liên quan đến HS THCS - Rèn luyện được tính tự tin, khả năng tranh biện để bảo vệ quan điểm của bản thân	
		HĐGD theo chủ đề: Khả năng tranh biện, thương thuyết của tôi (tt)	20.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Nêu được cách tranh biện, thương thuyết - Rèn luyện được kỹ năng tranh biện, thương thuyết, năng lực giao tiếp, hợp tác, phẩm chất trung thực, trách nhiệm.	
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân Đánh giá chủ đề 2	21.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng tranh biện, thương thuyết của bản thân. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 2	
3	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân (15 tiết)	SHDC: Nghe nói chuyện: Trách nhiệm của HS THCS	22.	Tuần 8	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Xác định được ý nghĩa của việc sống có trách nhiệm. - Biết được những việc cần làm để thể hiện là người sống có trách nhiệm - Hình thành ý thức rèn luyện để trở thành người có trách nhiệm.	
		HĐ theo chủ đề: Sống có trách nhiệm	23.		Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: -Xác định được biểu hiện của người sống có trách nhiệm.	

					<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trách nhiệm với bản thân và với mọi người xung quanh. - Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các tình huống và hoạt động cụ thể 	
		SHL: Chia sẻ những việc đã làm để thể hiện trách nhiệm với bản thân và mọi người xung quanh	24.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá được việc thực hiện trách nhiệm của bản thân. - HS chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động vận dụng với thầy cô và các bạn 	
		SHDC: Kịch tương tác thể hiện trách nhiệm của bản thân .	25.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trách nhiệm của bản thân với mọi người xung quanh. - Biết được các việc làm để thể hiện là người sống có trách nhiệm. 	
		Kiểm tra giữa kì I	26.	Tuần 9	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và thực hiện được những lời nói, hành động thể hiện sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình. - Nêu được những việc nhà em cần chủ động, tự giác thực hiện trong gia đình. Thể hiện được sự chủ động, tự giác làm việc nhà. - Tham gia giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình. - Thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn; - Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; 	
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện và thực hiện kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể (tiết 1)	27.			

		SHDC: Cuộc thi: Ai nhanh trí hơn	28.	Tuần 10	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS::</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trách nhiệm của bản thân với mọi người xung quanh. - Biết được việc làm thể hiện là người sống có trách nhiệm. 	
		HĐGD theo chủ đề: Sống có trách nhiệm (tt)	29.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được trách nhiệm của bản thân trong các tình huống và hoạt động cụ thể - Xây dựng và thực hiện được cam kết về trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động - Rèn luyện được kĩ năng giải quyết vấn đề, tự chủ, phẩm chất, trách nhiệm 	
		SHL: Chia sẻ về những trường hợp đã từ chối và cách từ chối	30.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ được cảm nhận của bản thân và những điều học được sau khi tham dự cuộc thi “ Ai nhanh trí hơn” trong tiết sinh hoạt dưới cờ - HS chia sẻ những trường hợp bản thân đã từ chối và cách từ chối 	
		SHDC: Diễn đàn kĩ năng từ chối trong cuộc sống	31.	Tuần 11	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được hiểu biết của mình về kĩ năng từ chối trong cuộc sống - Rèn luyện được kĩ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động và đánh giá 	

		HĐGD theo chủ đề: Kỹ năng từ chối	32.		Sau khi tham gia hoạt động này HS: - Nhận biết được những tình huống cần từ chối - Thực hiện được các kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể.	
		SHL: Chia sẻ kết quả sưu tầm các mẫu câu từ chối cụ thể ứng với mỗi hình thức từ chối	33.		- HS chia sẻ được cảm nhận của bản thân và những điều học hỏi được sau khi tham dự diễn đàn “ kỹ năng từ chối” trong tiết sinh hoạt dưới cờ - HS chia sẻ được kết quả sưu tầm các mẫu câu từ chối cụ thể ứng với mỗi hình thức từ chối	
		SHDC: Biểu diễn tiểu phẩm thể hiện kỹ năng từ chối trong tình huống cụ thể	34.	Tuần 12	Sau khi tham gia hoạt động này HS: - Thực hiện được kỹ năng từ chối trong tình huống cụ thể	
		HĐGD theo chủ đề: Kỹ năng từ chối (tt)	35.		- Rèn luyện được kỹ năng từ chối, phẩm chất trách nhiệm	
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện và thực hiện kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể (tiết 3) Đánh giá chủ đề 3.	36.		- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng từ chối trong các tình huống của cuộc sống hằng ngày - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 3.	
4	Chủ đề 4: Rèn	SHDC: Tọa đàm xu	37.	Tuần 13	Sau khi tham gia hoạt động này, HS:	

	luyện bản thân (15 tiết)	hướng tiêu dùng của giới trẻ hiện nay			<ul style="list-style-type: none"> -Thể hiện được ý kiến, quan điểm của mình về việc tiêu dùng trong đời sống xã hội hiện đại. -Chia sẻ được kinh nghiệm tiêu dùng của mình về các khía cạnh như: các mặt hàng thường mua sắm, các kênh bán hàng uy tín, các cách mua sắm đạt hiệu quả,... 	
		HĐGD theo chủ đề: Người tiêu dùng thông thái	38.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS liệt kê được các hình thức tiếp thị, quảng cáo thường gặp trong đời sống. - Nhận ra được một số hình thức tiếp thị, quảng cáo trong đời sống. 	
		SHL: Chia sẻ về việc chi tiêu phù hợp của bản thân trước tác động của tiếp thị, quảng cáo (tiết 1)	39.		<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ được những việc làm cụ thể để rèn luyện kĩ năng chi tiêu phù hợp của mình trước những tác động của tiếp thị, quảng cáo - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS 	
		SHDC: Diễn tiểu phẩm về tiếp thị, quảng cáo và tiêu dùng	40.	Tuần 14	<ul style="list-style-type: none"> -Nhận biết được một số cách tiếp thị, quảng cáo sản phẩm trong đời sống. -Nhận ra được ảnh hưởng, tác động của tiếp thị, quảng cáo đối với việc mua sắm, tiêu dùng trong tiểu phẩm. -Rút ra được kinh nghiệm ứng xử cho bản thân 	

					<p>trước các hình thức tiếp thị, quảng cáo đối với việc mua sắm và tiêu dùng.</p> <p>-Rèn luyện được kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất tiết kiệm, trách nhiệm.</p>	
		<p>HĐGD theo chủ đề:Người tiêu dùng thông thái (tt) .</p>	41.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị, quảng cáo đến quyết định mua sắm của cá nhân và thể hiện được kĩ năng ra quyết định chi tiêu phù hợp trước những ảnh hưởng của chúng. - Rèn luyện được năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động, phẩm chất trách nhiệm. 	
		<p>SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện chi tiêu phù hợp của bản thân trước tác động của tiếp thị, quảng cáo</p>	42.		<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ kết quả đạt được khi thực hiện hoạt động vận dụng, rèn luyện kĩ năng chi tiêu phù hợp trước tác động của tiếp thị, quảng cáo -GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS 	
		<p>SHDC: Giao lưu với những nhà kinh doanh trẻ ở địa phương</p>	43.	Tuần 15	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhận thức được rằng HS có thể kinh doanh phù hợp với khả năng của mình. -Hiểu được những việc cần làm khi bắt đầu kinh doanh. 	

					-Rèn luyện được kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất kiên trì, chăm chỉ.	
		HĐGD theo chủ đề: Nhà kinh doanh nhỏ	44.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Đưa ra được ý tưởng kinh doanh. -Nếu được những nội dung cơ bản của một bản kế hoạch kinh doanh. -Xây dựng được bản kế hoạch kinh doanh phù hợp với bản thân. -Phát triển năng lực hợp tác, năng lực tổ chức các hoạt động.	
		SHL: Chia sẻ về việc lập kế hoạch kinh doanh của bản thân phù hợp với lứa tuổi.	45.		- HS chia sẻ những việc cụ thể đã làm và kết quả rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập và trong công việc gia đình. - GV thu thập thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS.	
		SHDC: Trao đổi về sự tự chủ của giới trẻ trong các mối quan hệ trong đời sống xã hội	46.	Tuần 16	-Hiểu được thế nào là tự chủ và ý nghĩa của tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống xã hội. -Nhận thức được những biểu hiện của sự tự chủ -Hiểu được sự cần thiết và cách rèn luyện sự tự chủ trong đời sống xã hội. -Rèn luyện được kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất kiên trì, chăm chỉ.	
		HĐTN CD: Rèn luyện sự tự chủ	47.		-Xác định được những biểu hiện của sự tự chủ và thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và trên mạng xã hội.	

					<p>-Thực hiện việc rèn luyện sự tự chủ cho bản thân trong các mối quan hệ trong đời sống và trên mạng xã hội.</p> <p>-Phát triển năng lực tự chủ, hợp tác, thiết kế và tổ chức các hoạt động, phẩm chất trách nhiệm, trung thực.</p>	
		SHL: Phản hồi các kết quả rèn luyện các hành vi tự chủ trong đời sống và trên mạng xã hội (Tiết 1)	48.		<p>- HS chia sẻ được những điều đã học sau khi tham gia trao đổi về “ Sự tự chủ của giới trẻ trong các mối quan hệ trong đời sống XH” ở tiết sinh hoạt dưới cờ</p> <p>- HS chia sẻ những việc đã làm để rèn luyện sự tự chủ của bản thân trong các mối quan hệ trong đời sống và trên mạng XH</p> <p>- HS nêu được những thuận lợi và khó khăn trong quá trình rèn luyện sự tự chủ</p> <p>- GV thu thập được thông tin phản hồi về quá trình rèn luyện của HS</p>	
		SHDC: Diễn đàn tự chủ trên mạng XH	49.	Tuần 17	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <p>-Thể hiện được quan điểm của mình khi bàn luận về vấn đề tự chủ trên mạng xã hội.</p> <p>-Sử dụng được kỹ năng tranh biện để bảo vệ hoặc thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình.</p> <p>-Rèn luyện được kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất kiên trì, chăm chỉ, trách nhiệm.</p>	

		Kiểm tra cuối kì I 50.				
		SHL: Phản hồi các kết quả rèn luyện các hành vi tự chủ trong đời sống và trên mạng xã hội (Tiết 2)	51.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thể hiện được quan điểm của mình khi bàn luận về vấn đề tự chủ trên mạng xã hội. -Sử dụng được kỹ năng tranh biện để bảo vệ hoặc thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. -Rèn luyện được kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất kiên trì, chăm chỉ, trách nhiệm. 	
5	Chủ đề 5: Em với gia đình (9 tiết)	SHDC: Tọa đàm “ ứng xử khi có bất đồng ý kiến trong gia đình”	52.	Tuần 18	<p>- Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thể hiện được quan điểm và đưa ra ý kiến của bản thân về cách ứng xử khi có bất đồng ý kiến trong gia đình. -Hiểu được sự cần thiết của việc biết cách ứng xử phù hợp khi gia đình nảy sinh bất đồng ý kiến. -Rèn luyện được kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. -Phát triển được phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. 	
		HĐGD theo chủ đề:Tôn trọng, thuyết phục và ứng xử để người thân hài lòng	53.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng. 	

					-Biết tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết phục. -Rèn luyện được kỹ năng lắng nghe, thuyết phục, ứng xử để người thân hài lòng; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng thuyết phục thể hiện sự tôn trọng và ứng xử để người thân hài lòng	54.		- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng thể hiện sự tôn trọng và thuyết phục để người thân hài lòng - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS	
		SHDC: Giao lưu về cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình	55.	Tuần 19	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Nhận thức được cần phải biết tiết kiệm trong sinh hoạt hằng ngày ở gia đình. -Hiểu được những việc làm thể hiện cách sống tiết kiệm trong gia đình. -Rèn luyện được kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. -Phát triển được phẩm chất trách nhiệm.	
		HDGD theo chủ đề: Tiết kiệm và thực hiện công việc gia đình	56.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Thể hiện được cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình -Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình.	

		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình	57.		<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS 	
		SHDC: Chia sẻ kinh nghiệm: Sắp xếp hợp lý các công việc gia đình	58.	Tuần 20	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được trách nhiệm tham gia các công việc giúp đỡ gia đình. - Chia sẻ được kinh nghiệm sắp xếp hợp lý các công việc trong gia đình để kết hợp học tập và giúp đỡ gia đình. - Rèn luyện được kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. - Phát triển được phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm. 	
		HĐGD theo chủ đề: Tiết kiệm và thực hiện công việc gia đình (tt)	59.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình. - Rèn luyện được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức, thực hiện kế hoạch; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm. 	
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng sắp xếp và hoàn thành các công việc trong	60.		<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng sắp xếp và hoàn thành các công việc gia đình - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS 	

		gia đình Đánh giá chủ đề 5			- Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 5	
6	Chủ đề 6: Em với cộng đồng (9 tiết)	SHDC: Nghe nói chuyện về các hoạt động giáo dục để phát huy truyền thống ở địa phương	61.	Tuần 21	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Biết được các truyền thống và các hoạt động giáo dục để phát huy truyền thống ở địa phương - Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống ở địa phương - Rèn luyện được phẩm chất, trách nhiệm, yêu quê hương	
		HĐGD theo chủ đề: Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương	62.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Nêu được các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương - Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong việc tham gia vào các hoạt động truyền thống và phát triển cộng đồng tại địa phương	
		SHL: Chia sẻ về những khó khăn và kết quả tìm kiếm sự hỗ trợ khi tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương	63.		- HS nêu được cảm nhận và những điều học hỏi được sau khi nghe nói chuyện về các hoạt động giáo dục để phát huy truyền thống của địa phương trong tiết sinh hoạt dưới cờ - HS chia sẻ được những khó khăn và biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong quá trình tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương	
		SHDC: Trao đổi	64.	Tuần 22	Sau khi tham gia hoạt động này, HS:	

		những khó khăn, thách thức của giới trẻ trong XH hiện đại			<ul style="list-style-type: none"> - Biết được những khó khăn và thách thức của giới trẻ trong XH hiện đại -Biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn -Rèn luyện được phẩm chất trách nhiệm 	
		HĐGD theo chủ đề: Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương (tt)	65.		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các hoạt động giáo dục truyền thống mà HS có thể tham gia -Rèn luyện được kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong việc tham gia vào các hoạt động truyền thống và phát triển cộng đồng tại địa phương 	
		SHL: Chia sẻ kế hoạch và kết quả thực hiện hoạt động thiện nguyện của lớp.	66.		<ul style="list-style-type: none"> -HS chia sẻ được cảm nhận và kết quả thực hiện hoạt động kết nối sau khi tham gia trao đổi về những khó khăn, thách thức của giới trẻ trong XH hiện đại ở tiết sinh hoạt dưới cờ -HS chia sẻ được kết quả tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương -Rèn luyện được kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ. 	
		SHDC: Lễ phát động “ Hoạt động thiện nguyện”	67.	Tuần 23	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định được những việc làm phù hợp để tham gia hoạt động thiện nguyện - Tích cực, tự giác tham gia và vận động các bạn tham gia hoạt động thiện nguyện do Đoàn thanh niên cộng sản HCM phát động -Rèn luyện được phẩm chất nhân ái, trách nhiệm 	

		<p>HDGD theo chủ đề: Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động thiện nguyện</p>	68.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện - Rèn luyện được kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong quá trình tham gia thực hiện kế hoạch hoạt động thiện nguyện - Rèn luyện được phẩm chất nhân ái, trách nhiệm 	
		<p>SHL: Chia sẻ kế hoạch và kết quả thực hiện hoạt động thiện nguyện của lớp</p> <p>Đánh giá chủ đề 6</p>	69.		<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ được cảm xúc và kết quả thực hiện hoạt động kết nối sau khi tham gia lễ phát động “Hoạt động thiện nguyện” do Đoàn thanh niên cộng sản HCM tổ chức - Chia sẻ được kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động thiện nguyện của bản thân và của nhóm - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 6 	
	<p>Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường (15 tiết)</p>	<p>SHDC:Biểu diễn chương trình văn nghệ về chủ đề: Tự hào quê hương tôi</p>	70.	Tuần 24	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, Giáo dục HS: Tình yêu quê hương, đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thể hiện được sự tự hào về cảnh quan thiên nhiên ,danh lam thắng của địa phương qua việc trình diễn hoặc xem trình diễn các tiết mục văn nghệ về chủ đề “ Tự hào quê hương tôi ” -Rèn luyện được năng lực thiết và tổ chức hoạt động ,phẩm chất yêu nước . 	
		<p>HDGD theo chủ đề: Cảnh quang thiên nhiên quê hương tôi</p>	71.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa 	

					<p>phương .</p> <p>-Tổ chức được sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên , danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn .</p> <p>-Rèn luyện được năng lượng hợp tác , thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm,yêu quê hương đất nước .</p>	
		SHL: Chia sẻ sản phẩm thiết kế thể hiện vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương.	72.		<p>-Học sinh giới thiệu được sản phẩm đã thiết kế thể hiện vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên , danh lam thắng cảnh của địa phương thông qua triển lãm .</p> <p>-Giáo viên thu nhận sản phẩm thể hiện kết quả hoạt động của học sinh .</p>	
		SHDC:Triển lãm giới thiệu các sản phẩm đã thiết kế để thể hiện vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương	73.	Tuần 25	<p>Sau khi tham gia hoạt động này ,học sinh :</p> <p>-Trung bày và giới thiệu được các sản phẩm đã thiết kế thể hiện được vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên , danh lam thắng cảnh của địa phương .</p> <p>- Rèn luyện được năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động ,phẩm chất yêu nước , trách nhiệm.</p>	
		HĐGD theo chủ đề: Cảnh quang thiên nhiên quê hương tôi (tt)	74.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <p>-Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương .</p> <p>-Tổ chức được sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên , danh lam thắng cảnh của địa</p>	

					<p>phương và cách bảo tồn .</p> <p>-Rèn luyện được năng lượng hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm, yêu quê hương đất nước .</p>	
		SHL: Báo cáo kết quả tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn	75.		<p>-Học sinh chia sẻ được kết quả tổ chức sự kiện giới thiệu về đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn .</p> <p>-Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi về kết quả tổ chức sự kiện giới thiệu về đẹp cảnh quan thiên nhiên,danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn của học sinh .</p>	
		SHDC: Giao lưu với chuyên gia môi trường về tình hình thiên tai ở địa phương và trên cả nước	76.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này , học sinh :</p> <p>-Thu thập được thông tin về tình hình thiên tai ở địa phương và trên cả nước sau khi tham gia giao lưu với chuyên gia môi trường .</p> <p>-Rèn luyện được năng lực giao tiếp ,hợp tác , thích ứng với cuộc sống , phẩm chất trách nhiệm .</p>	
		HĐGD theo chủ đề: Truyền thông về biện pháp phòng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương	77.	Tuần 26	<p>Sau khi tham gia hoạt động này , học sinh:</p> <p>– Suru tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm.</p> <p>– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.</p>	

					-Rèn luyện được năng lực lập kế hoạch và tổ chức hoạt động , khả năng thích ứng với sự thay đổi , phẩm chất trách nhiệm .	
		HĐGD theo chủ đề: Kiểm tra đánh giá định kì giữa Học kì II	77		Nêu và thực hiện được những lời nói, hành động thể hiện sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình. - Nêu được những việc nhà em cần chủ động, tự giác thực hiện trong gia đình. Thể hiện được sự chủ động, tự giác làm việc nhà. - Tham gia giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.	
		SHL: Trình bày báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm	78.		-Học sinh báo cáo được về tình hình thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong 3 đến 5 năm gần đây. -Giáo viên thu nhập thông tin phản hồi về kết quả tìm hiểu của học sinh về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm.	
		SHDC: Chơi trò chơi “ Rung chuông vàng” về chủ đề thiên tai	79.	Tuần 27	Sau khi tham gia hoạt động này,học sinh: -Được củng cố thêm kiến thức về thiên tai và kĩ năng cách phòng chống thiên tai . -Rèn luyện được phẩm chất tự tin ,trách nhiệm.	
		HĐGD theo chủ đề: Truyền thông về biện pháp đề phòng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương (tt)	80.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: – Suru tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm.	

					<p>– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.</p> <p>-Rèn luyện được năng lực lập kế hoạch và tổ chức hoạt động , khả năng thích ứng với sự thay đổi , phẩm chất trách nhiệm .</p>	
		SHL: Chia sẻ kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	81.		<p>- Học sinh chia sẻ được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.</p> <p>-Giáo viên thu thập được kết quả lập kế hoạch của học sinh</p>	
		SHDC: Hội thi “Tuyên truyền viên giỏi về phòng, chống thiên tai”	82.	Tuần 28	<p>Sau khi tham gia hoạt động này , học sinh:</p> <p>- Phát triển được kĩ năng truyền thông về biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai,</p> <p>-Rèn luyện phẩm chất mạnh dạn ,tự tin,tôn trọng và lắng nghe</p>	
		HĐGD theo chủ đề: Truyền thông về biện pháp đề phòng	83.		SGK, SGK, tranh ảnh minh họa, máy chiếu, máy tính kết nối internet	

		và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương (tiết 2).				
		SHL: Báo cáo kết quả truyền thông đã thực hiện. Đánh giá chủ đề 7	84.		SGK, SGV, tranh ảnh minh họa, máy chiếu, máy tính kết nối internet	
8	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp (6 tiết)	SHDC: Nghe nói chuyện về nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.	85.	Tuần 29	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Kể tên và nhận biết được một số nghề phổ biến trong xã hội hiện đại . - Nêu được vai trò, một số đặc trưng và xu hướng phát triển của các nghề phổ biến trong xã hội hiện đại . - Rèn luyện được năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động ,định hướng nghề nghiệp;phẩm chất chăm chỉ.	
		HĐGD theo chủ đề: Nghề phổ biến trong xã hội hiện đại	86.		Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được những thách thức đối với người lao	

					<p>động trong xã hội hiện đại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện được kỹ năng tìm hiểu và định hướng nghề nghiệp ,giao tiếp và hợp tác ; phẩm chất yêu quê hương ,trách nhiệm ,tự chủ. 	
		SHL: Chia sẻ danh mục nghề phổ biến trong xã hội hiện đại	87.		<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ được những điều đã thu nhận về nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Chia sẻ được danh mục nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được cảm nhận về nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. 	
		SHDC: Tọa đàm “ tác động của khoa học công nghệ đến hoạt động nghề nghiệp trong XH hiện đại”	88.	Tuần 30	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được những tác động của khoa học công nghệ đến hoạt động nghề nghiệp trong xã hội hiện đại . - Bước đầu nhận ra được những thử thách đối với người lao động trong xã hội hiện đại do tác động của khoa học công nghệ đến hoạt động nghề nghiệp . - Rèn luyện được năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động,định hướng nghề nghiệp,phẩm chất chăm chỉ. 	
		HĐGD theo chủ đề: Nghề phổ biến trong xã hội hiện đại (tt)	89.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, 	

					<p>dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thách thức đối với người lao động trong xã hội hiện đại. - Rèn luyện được kỹ năng tìm hiểu và định hướng nghề nghiệp ,giao tiếp và hợp tác ; phẩm chất yêu quê hương ,trách nhiệm ,tự chủ. 	
		<p>SHL: Chia sẻ kết quả đặc trưng của các nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.</p> <p>Đánh giá chủ đề 8</p>	90.		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cảm nhận và những điều học hỏi được qua tiết sinh hoạt dưới cờ đầu tuần. - Chia sẻ kết quả trải nghiệm nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 8. 	
		<p>SHDC: Nghe nói chuyện chuyên đề “ Học tập với hứng thú nghề nghiệp”</p>	91.	Tuần 31	<p>Sau khi tham gia hoạt động này ,HS :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được mối tương quan giữa hứng thú nghề nghiệp với năng lực học tập của mỗi cá nhân . - Có nhu cầu tìm hiểu hứng thú nghề nghiệp để xác định con đường học tập của bản thân cho phù hợp . - Rèn luyện được năng lực định hướng nghề nghiệp ,phẩm chất trách nhiệm . Mạnh dạn , tự tin trong giao tiếp , thuyết trình . 	
		<p>HĐGD theo chủ đề: Hứng thú nghề nghiệp</p>	92.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát 	

					<p>hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các hoạt động phù hợp để phát triển hứng thú nghề nghiệp của bản thân . - Rèn luyện được kĩ năng hợp tác ,lắng nghe tích cực ;năng lực định hướng nghề nghiệp,phẩm chất trách nhiệm. 	
		SHL: Chia sẻ kết quả khảo sát hứng thú nghề nghiệp của HS trong trường	93.		<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối ,cảm nhận của bản thân về những điều học hỏi được sau khi tham gia buổi nói chuyện ,trao đổi về “học tập với hứng thú nghề nghiệp ” - Trình bày được kết quả khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường. - Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi về kết quả khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh . 	
9	Chủ đề 9: Hiểu bản thân- Chọn đúng nghề (15 tiết)	SHDC: Giao lưu với cựu HS thành đạt trong nghề nghiệp	94.	Tuần 32	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được con đường ,cách lựa chọn nghề nghiệp và rèn luyện bản thân để đến với nghề bản thân quan tâm , muốn chọn và đạt được thành công trong hoạt động nghề nghiệp . -Rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp. -Hứng thú ,tự tin tham gia các hoạt động 	
		HĐGD theo chủ đề: Rèn luyện, học tập theo định hướng nghề	95.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện được sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn 	

		nghiệp			<p>trọng đối với lao động nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại. -Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại. -Định hướng được các nhóm môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp. -Rèn luyện được kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức ,thực hiện kế hoạch ,năng lực định hướng nghề nghiệp ;phẩm chất trách nhiệm . 	
		SHL: Chia sẻ những việc đã làm để rèn luyện sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ, chuẩn bị cho diễn đàn “ Nghề nào cũng đáng được tôn trọng”	96.		<p>-Chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối, cảm nhận của bản thân và những điều học hỏi được qua giao lưu với cựu học sinh thành đạt trong nghề nghiệp ở tiết sinh hoạt dưới cờ.</p> <p>-Chia sẻ được những việc làm để rèn luyện sức khỏe, độ bền, tính kiên trì ,sự chăm chỉ trong công việc của bản thân.</p> <p>- Hiểu được mục đích,yêu cầu và nội dung cần thể hiện trong bài thơ luận để tham gia diễn đàn “Nghề nào cũng đáng được tôn trọng ” hoặc động trong hoạt động giáo dục theo chủ đề của từng kế tiếp.</p>	

		SHDC: Ngày hội tư vấn nghề nghiệp	97	Tuần 33	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hiểu được một số đặc trưng , yêu cầu của nghề mà bản thân hứng thú , muốn chọn. -Xác định được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề bản thân hứng thú. -Có định hướng học tập, rèn luyện để đến với nghề mà bản thân hứng thú. -Rèn luyện được năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, giải quyết vấn đề, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất tự tin, trách nhiệm 	
		HĐGD theo chủ đề: Kiểm tra đánh, đánh giá cuối HKII	98.			
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp của bản thân (Tiết 1)	99		<p>Chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối, cảm nhận của bản thân và những điều học hỏi được qua giao lưu với cựu học sinh thành đạt trong nghề nghiệp ở tiết sinh hoạt dưới cờ.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chia sẻ được những việc làm để rèn luyện sức khỏe, độ bền, tính kiên trì ,sự chăm chỉ trong công việc của bản thân. 	

		SHDC: Diễn đàn “ Nghề nào cũng đáng được tôn trọng”	100		<p>-Học sinh chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối ,cảm nhận và những điều học hỏi được qua tham gia ngày hội tư vấn hướng nghiệp trong tiết sinh hoạt dưới cờ.</p> <p>- Chia sẻ được kết quả tìm hiểu các môn học ở cấp Trung học phổ thông liên quan đến định hướng nghề nghiệp của bản thân.</p>	
		HĐGD theo chủ đề: Rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp (tt)	101	Tuần 34	<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS :</p> <p>-Nhận thức được nghề nào trong xã hội cũng đón được tôn trọng.</p> <p>- Có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp.</p> <p>- Rèn luyện được kĩ năng ,thuyết trình năng lực tự chủ, định hướng nghề nghiệp.</p> <p>- Hứng thú, tự tin khi tham gia hoạt động.</p>	
		SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp.	102		<p>- Sau khi tham gia hoạt động này HS:</p> <p>- Rèn luyện được sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp.</p> <p>– Nêu được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại.</p> <p>– Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại.</p>	

					<ul style="list-style-type: none"> – Định hướng được các nhóm môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. – Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp. – Rèn luyện được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức, thực hiện kế hoạch, năng lực định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm. 	
		SHDC: Tổng kết năm học	103.	Tuần 35	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối, cũng nhận và những điều học hỏi qua diễn đàn với chủ đề “nghề nào cũng đáng được tôn trọng” trong tiết sinh hoạt dưới cờ. - Chia sẻ được kết quả thực hiện kế hoạch rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp của bản thân 	
		HDGD theo chủ đề: Rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp (tt)	104.		<p>Sau khi tham gia hoạt động này HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được kết quả học tập và rèn luyện của tập thể lớp và bản thân. - Có kế hoạch học tập và rèn luyện cho năm học tiếp theo. - Rèn luyện được kỹ năng tự đánh giá bản thân, bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm. 	
		SHL: Tổng kết năm học tại lớp Đánh giá chủ đề 9	105.		<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh trong lớp đánh giá và tham gia tổng kết năm học cùng giáo viên chủ nhiệm. - Trao giấy khen, phần thưởng cho những học sinh đạt thành tích trong học tập, rèn luyện. 	

					-Biểu diễn một số tiết mục văn nghệ. -Cam kết thực hiện“ Hè vui bổ ích, an toàn”. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 9.	
--	--	--	--	--	---	--

4.3.4. Hoạt động trải nghiệm 9

TT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
HỌC KÌ I			
CHỦ ĐỀ 1: EM VỚI NHÀ TRƯỜNG (9 tiết)			
1	Nội dung 1: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT VÀ SỐNG HÀI HOÀ VỚI CÁC BẠN, THẦY CÔ	3	1.Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: -Nhận diện được biểu hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với các bạn, thầy cô. -Thể hiện được hành vi, thái độ tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với các bạn, thầy cô. -Phát triển phẩm chất nhân ái, khoan dung. 2.Năng lực: Năng lực chung: + Thích ứng với cuộc sống thông qua các hoạt động thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với bạn bè, thầy cô. + Thiết kế và tổ chức hoạt động phòng chống bắt nạt học đường, lao động công ích, làm sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường. Năng lực riêng: + Tự chủ trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô. + Giao tiếp và hợp tác khi tham gia các hoạt động trong chủ đề. 3. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu bạn bè. thầy cô giáo, trường lớp
2	Nội dung 2: PHÒNG CHỐNG BẮT NẠT HỌC	3	1.Kiến thức: -Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động phòng chống bắt nạt học đường.

	ĐƯỜNG		<p>-Tham gia thực hiện hoạt động phòng chống bắt nạt học đường và đánh giá hiệu quả của hoạt động này.</p> <p>-Thể hiện thái độ không đồng tình với hành vi bắt nạt học đường.</p> <p>2.Năng lực:</p> <p>Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thích ứng với cuộc sống thông qua các hoạt động thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với bạn bè, thầy cô. + Thiết kế và tổ chức hoạt động phòng chống bắt nạt học đường, lao động công ích, làm sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường. <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự chủ trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô. + Giao tiếp và hợp tác khi tham gia các hoạt động trong chủ đề. <p>3. Phẩm chất:</p> <p>Boi dưỡng tình yêu bạn bè. thầy cô giáo, trường lớp</p>
3	Nội dung 3: XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG VÀ LẬP KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH	3	<p>1.Kiến thức:</p> <p>Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Làm được các sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường. -Xác định được mục tiêu và xây dựng được kế hoạch cho các buổi lao động công ích ở trường. -Có ý thức đóng góp cho hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường. <p>2.Năng lực:</p> <p>Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thích ứng với cuộc sống thông qua các hoạt động thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với bạn bè, thầy cô. + Thiết kế và tổ chức hoạt động phòng chống bắt nạt học đường, lao động công ích, làm sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường. <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự chủ trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô. + Giao tiếp và hợp tác khi tham gia các hoạt động trong chủ đề. <p>3. Phẩm chất:</p> <p>Boi dưỡng tình yêu bạn bè. thầy cô giáo, trường lớp</p>
CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN (12 tiết)			

4	<p>Nội dung 1: NHẬN DIỆN ĐIỂM TÍCH CỰC VÀ CHƯA TÍCH CỰC TRONG HÀNH VI GIAO TIẾP, ỨNG XỬ CỦA BẢN THÂN</p>	6	<p>1. Về kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Nhận diện được điểm tích cực và điểm chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân. -Thực hiện được việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân trong cuộc sống hằng ngày.</p> <p>2. Năng lực * Năng lực chung: + Giao tiếp, ứng xử với người thân, bạn bè, thầy cô và mọi người phù hợp với các chuẩn mực xã hội. + Giải quyết các vấn đề trong giao tiếp, ứng xử; trong quá trình thích nghi với những thay đổi của cuộc sống.</p> <p>* Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.</p> <p>3. Phẩm chất + Có trách nhiệm với bản thân. + Kiên trì, chăm chỉ rèn luyện bản thân.</p>
5	<p>Nội dung 2: KHÁM PHÁ KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN</p>	6	<p>1. Về kiến thức -Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống. -Đề xuất và thực hiện được biện pháp rèn luyện để phát triển khả năng thích nghi của bản thân.</p> <p>2. Năng lực * Năng lực chung: - Năng lực giao tiếp, hợp tác * Năng lực riêng: - Kỹ năng tranh biện, thương thuyết</p> <p>3. Phẩm chất - HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái</p>

CHỦ ĐỀ 3: TRÁCH NHIỆM VỚI BẢN THÂN (13 tiết + 2KT)			
6	Nội dung 1: TRÁCH NHIỆM VỚI NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO (3 tiết).	7 tiết	<p>1. Kiến thức Sau chủ đề này, HS sẽ: -Thực hiện có trách nhiệm các nhiệm vụ được giao, ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống.</p> <p>2. Về năng lực Năng lực chung: + Thiết kế và tổ chức hoạt động thể hiện có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. + Thích ứng với cuộc sống qua các hoạt động ứng phó với căng thẳng trong quá trình học tập và áp lực của cuộc sống Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.</p> <p>3. Phẩm chất + Trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. + Trung thực trong việc báo cáo các sản phẩm học tập và việc thực hiện các trải nghiệm.</p>
7	Kiểm tra định kì giữa kì 2	2 tiết	<p>Kiểm tra các nội dung đã dạy và học 1. Về kiến thức: Đánh giá các năng lực sau của HS: Năng lực giải quyết vấn đề: -Lựa chọn được cách giải quyết thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với bạn bè. -Lựa chọn được cách giải quyết thể hiện có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. Năng lực giao tiếp: -Nhận diện được điểm tích cực, chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử trong các tình huống của cuộc sống. 2. Về năng lực: - Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề. 3. Về phẩm chất: - Có ý thức tự giác làm bài một cách trung thực, không sao chép bài của bạn.</p>
8	Nội dung 1: TRÁCH		1. Kiến thức

	NHIỆM VỚI NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO (4 tiết)		<p>Sau chủ đề này, HS sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hiện có trách nhiệm các nhiệm vụ được giao, ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống. <p>2. Về năng lực</p> <p>Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế và tổ chức hoạt động thể hiện có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. + Thích ứng với cuộc sống qua các hoạt động ứng phó với căng thẳng trong quá trình học tập và áp lực của cuộc sống <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. + Trung thực trong việc báo cáo các sản phẩm học tập và việc thực hiện các trải nghiệm.
9	Nội dung 2: ỨNG PHÓ VỚI CĂNG THẲNG VÀ ÁP LỰC	6	<p>1. Kiến thức</p> <p>Sau chủ đề này, HS sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định được những cách ứng phó với căng thẳng trong quá trình học tập và áp lực của cuộc sống. -Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và ước các áp lực của cuộc sống. -Hình thành ý thức rèn luyện để ứng phó với căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống. <p>2. Về năng lực</p> <p>Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế và tổ chức hoạt động thể hiện có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. + Thích ứng với cuộc sống qua các hoạt động ứng phó với căng thẳng trong quá trình học tập và áp lực của cuộc sống <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. + Trung thực trong việc báo cáo các sản phẩm học tập và việc thực hiện các trải

			nghiệm
CHỦ ĐỀ 4: RÈN LUYỆN BẢN THÂN (13 tiết +2KT)			
10	Nội dung 1: TẠO ĐỘNG LỰC CHO BẢN THÂN	6	<p>1. Về kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS -Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động. -Xây dựng được ngân sách cá nhân hợp lí, trong đó tính đến các khoản thu, chi, tiết kiệm, cho, tặng.</p> <p>2. Năng lực: * Năng lực chung: + "Thiết kế và tổ chức hoạt động: thiết kế và tổ chức chương trình tọa đàm, chương trình giao lưu, xây dựng ngân sách cá nhân hợp lí. + Tư duy phản biện về những khoản thu, chi, tiết kiệm, cho, tặng và cân đối thu chi. * Năng lực riêng: -Kĩ năng ra quyết định chi tiêu phù hợp trước những ảnh hưởng của chúng</p> <p>3. Phẩm chất: + Nhân ái: chia sẻ ngân sách cá nhân với những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống. + Tiết kiệm: biết tiết kiệm trong ngân sách cá nhân. + Trách nhiệm: có trách nhiệm trong làm việc nhóm, thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>
11	Nội dung 2: XÂY DỰNG NGÂN SÁCH CÁ NHÂN HỢP LÍ	7	<p>1. Về kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS -Xây dựng được ngân sách cá nhân hợp lí, trong đó tính đến các khoản thu, chi, tiết kiệm, cho, tặng.</p> <p>2. Năng lực: Năng lực chung: -Tự chủ và tự học, Giao tiếp và hợp tác, Giải quyết vấn đề và sáng tạo Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.</p> <p>3. Phẩm chất + Nhân ái: chia sẻ ngân sách cá nhân với những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> + Tiết kiệm: biết tiết kiệm trong ngân sách cá nhân. + Trách nhiệm: có trách nhiệm trong làm việc nhóm, thực hiện các nhiệm vụ được giao.
12	Kiểm tra cuối học kỳ I	2	<p>1. Về kiến thức: Đánh giá các năng lực sau của HS: Năng lực giải quyết vấn đề: Đề xuất được cách ứng phó với những căng thẳng trong cuộc sống. Năng lực tự chủ: Lập được ngân sách cá nhân hợp lí, trong đó tính đến các khoản thu, chi, tiết kiệm, cho, tặng.</p> <p>2. Về năng lực: - Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các câu hỏi và bài tập cụ thể.</p> <p>3. Về phẩm chất: - Có ý thức tự giác làm bài nghiêm túc.</p>
CHỦ ĐỀ 5: EM VỚI GIA ĐÌNH (9 tiết)			
13	Nội dung 1: TẠO BẦU KHÔNG KHÍ VUI VẺ, YÊU THƯƠNG VÀ GIẢI QUYẾT BẤT ĐỒNG TRONG GIA ĐÌNH	3	<p>1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Tìm hiểu cách tạo bầu không khí vui vẻ, yêu thương, cùng các thành viên xây dựng gia đình hạnh phúc và rèn luyện các kĩ năng tạo bầu không khí vui vẻ, yêu thương, cùng các thành viên xây dựng gia đình hạnh phúc. -Tạo được bầu không khí vui vẻ, yêu thương trong gia đình, cùng các thành viên xây dựng gia đình hạnh phúc. -Biết giải quyết bất đồng trong quan hệ giữa bản thân với các thành viên trong gia đình hoặc giữa các thành viên.</p> <p>2. Năng lực: Năng lực chung: -Tự chủ và tự học, Giao tiếp và hợp tác, Giải quyết vấn đề và sáng tạo Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.</p> <p>3. Phẩm chất - Yêu thương gia đình, bạn bè, thầy cô ...</p>

HỌC KỲ 2			
14	Nội dung 2: TỔ CHỨC, SẮP XẾP KHOA HỌC CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH	3	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hiểu được cách tổ chức, Sắp xếp khoa học công việc gia đình. -Tổ chức, sắp xếp được các công việc trong gia đình một cách khoa học. -Rèn luyện kỹ năng tổ chức, sắp xếp khoa học công việc gia đình. <p>2.Năng lực:</p> <p>Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tự chủ và tự học, Giao tiếp và hợp tác, Giải quyết vấn đề và sáng tạo <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu thương gia đình, bạn bè, thầy cô ...
15	Nội dung 3: BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH	3	<p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hiểu được các biện pháp phát triển kinh tế gia đình. -Đề xuất được một số biện pháp phát triển kinh tế phù hợp với gia đình mình. <p>2.Năng lực:</p> <p>Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tự chủ và tự học, Giao tiếp và hợp tác, Giải quyết vấn đề và sáng tạo <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu thương gia đình, bạn bè, thầy cô ...
CHỦ ĐỀ 6: EM VỚI CỘNG ĐỒNG (9 tiết)			
16	Nội dung 1: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	3	<p>1.Kiến thức:</p> <p>Sau chủ đề này, HS sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được hiểu biết về mạng lưới quan hệ cộng đồng. -Biết cách xây dựng mạng lưới quan hệ cộng đồng. -HS tích cực tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. <p>2.Về năng lực</p> <p>Năng lực chung:</p>

			<ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế và tổ chức thực hiện đề tài khảo sát; giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương; truyền thông trong cộng đồng về vấn đề học đường. + Thích ứng với cuộc sống qua tham gia các hoạt động xây dựng và phát triển cộng đồng. + Tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề khi tham gia các hoạt động xây dựng và phát triển cộng đồng, khảo sát thực trạng giao tiếp của HS trên mạng xã hội, truyền thông trong cộng đồng về những vấn đề học đường. <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trách nhiệm đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng ở địa phương. + Trung thực trong việc thực hiện và báo cáo kết quả khảo sát đề tài, các kế hoạch hoạt động đã xây dựng.
17	Nội dung 2: KHẢO SÁT THỰC TRẠNG GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH TRÊN MẠNG XÃ HỘI	3	<p>1.Kiến thức: Sau chủ đề này, HS sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hiện được đề tài khảo sát về thực trạng giao tiếp của HS trên mạng xã hội. -Có kĩ năng khảo sát và có cơ hội tiếp cận với những thông tin thực tế trong quá trình thực hiện khảo sát. <p>2.Về năng lực</p> <p>Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế và tổ chức thực hiện đề tài khảo sát; giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương; truyền thông trong cộng đồng về vấn đề học đường. + Thích ứng với cuộc sống qua tham gia các hoạt động xây dựng và phát triển cộng đồng. + Tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề khi tham gia các hoạt động xây dựng và phát triển cộng đồng, khảo sát thực trạng giao tiếp của HS trên mạng xã hội, truyền thông trong cộng đồng về những vấn đề học đường. <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trách nhiệm đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng ở địa phương.

			+ Trung thực trong việc thực hiện và báo cáo kết quả khảo sát đề tài, các kế hoạch hoạt động đã xây dựng.
18	Nội dung 3: TRUYỀN THÔNG TRONG CỘNG ĐỒNG VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ HỌC ĐƯỜNG	3	<p>1.Kiến thức: Sau chủ đề này, HS sẽ: -Nêu được một số vấn đề diễn ra trong môi trường học đường và xác định được những vấn đề HS có thể truyền thông trong cộng đồng. -Xây dựng được kế hoạch và thực hiện được kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về những vấn đề học đường.</p> <p>2.Về năng lực Năng lực chung: + Thiết kế và tổ chức thực hiện đề tài khảo sát; giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương; truyền thông trong cộng đồng về vấn đề học đường. + Thích ứng với cuộc sống qua tham gia các hoạt động xây dựng và phát triển cộng đồng. + Tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề khi tham gia các hoạt động xây dựng và phát triển cộng đồng, khảo sát thực trạng giao tiếp của HS trên mạng xã hội, truyền thông trong cộng đồng về những vấn đề học đường.</p> <p>Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.</p> <p>3. Phẩm chất + Trách nhiệm đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng ở địa phương. + Trung thực trong việc thực hiện và báo cáo kết quả khảo sát đề tài, các kế hoạch hoạt động đã xây dựng.</p>
CHỦ ĐỀ 7: EM VỚI THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (13 tiết +2KT)			
19	Nội dung 1: VIỆT NAM - TỔ QUỐC TÔI	6	<p>1.Kiến thức: Sau chủ đề này, HS sẽ: -Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. -Xây dựng và thực hiện được kế hoạch quảng bá về danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước.</p>

			<p>2.Năng lực: Năng lực chung: + Thiết kế và tổ chức hoạt động: -Quảng bá về danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. -Khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí,...) tại địa bàn sinh sống. -Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. + Tư duy phản biện về những nguyên nhân ô nhiễm môi trường. + Truyền thông về các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p> <p>Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.</p> <p>3. Phẩm chất + Yêu quý Tổ quốc Việt Nam tươi đẹp. + Có trách nhiệm trong việc: -Quảng bá vẻ đẹp của các danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. -Tuyên truyền đến người dân địa phương về các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p>
20	<p>Nội dung 2: PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Tiết 1).</p>	7	<p>1.Kiến thức: Sau chủ đề này, HS sẽ: -Thực hiện được đề tài khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí,...) tại địa bàn sinh sống. -Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p> <p>2.Năng lực: Năng lực chung: + Thiết kế và tổ chức hoạt động: -Quảng bá về danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. -Khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí,...) tại địa bàn sinh sống. -Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> + Tư duy phản biện về những nguyên nhân ô nhiễm môi trường. + Truyền thông về các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> + Yêu quý Tổ quốc Việt Nam tươi đẹp. + Có trách nhiệm trong việc: - Quảng bá vẻ đẹp của các danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. - Tuyên truyền đến người dân địa phương về các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.
21	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II.	2	<p>1. Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đánh giá năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động của HS sau khi tham gia các chủ đề 5, 6, 7 trong chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 9. Năng lực này được thể hiện ở các kĩ năng: + Lập và thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động nhằm tạo bầu không khí vui vẻ, yêu thương trong gia đình. + Lập và thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. + Lập và thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động quảng bá danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. -Đánh giá phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, trung thực, yêu nước thể hiện qua hành động, thái độ của ITS khi thực hành lập và thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động, viết báo cáo và thuyết trình giới thiệu sản phẩm thực hành. <p>2. Về năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề. <p>3. Về phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tự giác làm bài một cách trung thực, không quay cốp
22	Nội dung 2: PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Tiết 2,3,4,5,6,7)	7	<p>1.Kiến thức:</p> <p>Sau chủ đề này, HS sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hiện được đề tài khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí,...) tại địa bàn sinh sống.

			<p>-Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p> <p>2.Năng lực:</p> <p>Năng lực chung:</p> <p>+ Thiết kế và tổ chức hoạt động:</p> <p>-Quảng bá về danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước.</p> <p>-Khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí,...) tại địa bàn sinh sống.</p> <p>-Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p> <p>+ Tư duy phản biện về những nguyên nhân ô nhiễm môi trường.</p> <p>+ Truyền thông về các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p> <p>Năng lực riêng:</p> <p>- Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.</p> <p>3. Phẩm chất</p> <p>+ Yêu quý Tổ quốc Việt Nam tươi đẹp.</p> <p>+ Có trách nhiệm trong việc:</p> <p>-Quảng bá về đẹp của các danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước.</p> <p>-Tuyên truyền đến người dân địa phương về các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p>
CHỦ ĐỀ 8: KHÁM PHÁ THẾ GIỚI NGHỀ NGHIỆP (6 tiết)			
23	Nội dung 1: NGHỀ EM QUAN TÂM	6	<p>1.Kiến thức:</p> <p>Sau khi tham gia hoạt động này, HS:</p> <p>-HS xác định và kể được tên những nghề mình quan tâm.</p> <p>-HS chia sẻ được hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân về nghề em quan tâm và cách tìm hiểu, thu thập thông tin về nghề mình quan tâm.</p> <p>2.Năng lực:</p> <p>* Năng lực chung:</p> <p>+ Định hướng nghề nghiệp thông qua việc tìm hiểu, phân tích các hoạt động đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản, yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề mình quan tâm.</p>

			<p>+ Thiết kế và tổ chức hoạt động tìm hiểu nghề mình quan tâm.</p> <p>+ Tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ tìm hiểu nghề, giới thiệu sản phẩm và trải nghiệm nghề mình quan tâm.</p> <p>* Năng lực riêng:</p> <p>-Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại</p> <p>3. Phẩm chất</p> <p>Yêu Tổ quốc, chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm qua việc thực hiện các nhiệm vụ tìm hiểu, báo cáo kết quả tìm hiểu nghề mình quan tâm.</p>
CHỦ ĐỀ 9: HIỂU BẢN THÂN, CHỌN ĐÚNG NGHỀ (13 tiết +2 KT)			
24	Nội dung 1: HỆ THỐNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG	6	<p>1.Kiến thức:</p> <p>-Biết được những nội dung cơ bản về hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở nước ta</p> <p>-Chia sẻ được một số thông tin về hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trung ương và địa phương.</p> <p>-Trình bày được nội dung, cách thức tìm hiểu hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trung ương và địa phương.</p> <p>-Tìm hiểu và giới thiệu được các nội dung thông tin cần thiết về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trung ương và địa phương mà bản thân tìm kiếm, thu thập được qua hoạt động thực hành.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>Năng lực chung:</p> <p>+ Định hướng nghề nghiệp thông qua việc tìm hiểu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tham vấn ý kiến và ra quyết định lựa chọn con đường học tập, làm việc tiếp theo sau THCS.</p> <p>+ Thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển bản thân theo định hướng nghề nghiệp.</p> <p>+ Nhận thức sở thích, khả năng, điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.</p> <p>+ Thực hiện kế hoạch rèn luyện, phát triển các phẩm chất, năng lực cơ bản của người lao động.</p> <p>+ Tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề khi thực hiện các nhiệm vụ: tìm hiểu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham vấn ý kiến người thân, thầy cô về con đường học tập, làm việc tiếp theo sau THCS.</p> <p>Năng lực riêng:</p> <p>- Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.</p> <p>3. Phẩm chất</p>

			<p>+ Chăm chỉ, trách nhiệm trong việc tìm hiểu và báo cáo kết quả tìm hiểu hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>+ Trung thực trong việc tham vấn ý kiến và ra quyết định lựa chọn con đường học tập, làm việc tiếp theo sau THCS; tự đánh giá hiệu quả của việc rèn luyện phẩm chất, năng lực cần có của người lao động.</p>
25	KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI NĂM HỌC (2 tiết)	2	<p>1. Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kiến thức trong chủ đề 8,9 . -Đánh giá kết quả rèn luyện các năng lực và phẩm chất sau khi HS tham gia các chủ đề trong chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9. -Đánh giá năng lực năng lực định hướng nghề nghiệp, thiết kế và tổ chức hoạt động, thể hiện qua các kĩ năng: <p>+ Xác định những nghề bản thân quan tâm, muốn chọn.</p> <p>+ Lập và thực hiện kế hoạch tìm hiểu nghề em quan tâm.</p> <p>+ Thuyết trình giới thiệu sản phẩm thực hành tìm hiểu nghề em quan tâm.</p> <p>-Đánh giá phẩm chất trách nhiệm, trung thực qua việc HS thực hành tìm hiểu nghề em quan tâm, thiết kế và thuyết trình giới thiệu sản phẩm thực hành.</p> <p>2. Về năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề. <p>3. Về phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tự giác làm bài một cách trung thực, không quay cóp
26	Nội dung 2: RÈN LUYỆN, PHÁT TRIỂN BẢN THÂN THEO YÊU CẦU CỦA ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	7	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có được những hiểu biết cần thiết về các con đường tiếp theo sau THCS; bước đầu xác định được định hướng học tập, làm việc sau khi tốt nghiệp THCS. -Biết cách tham vấn và tham vấn được ý kiến của người thân, thầy cô về con đường tiếp theo sau THCS. -Ra quyết định lựa chọn con đường học tập, làm việc sau THCS. -Lập và thực hiện được kế hoạch phát triển bản thân để đạt được yêu cầu của định hướng nghề nghiệp. -Tự đánh giá được hiệu quả của việc rèn luyện phẩm chất và năng lực cần có của người lao động. <p>2. Năng lực:</p>

			<p>Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Định hướng nghề nghiệp thông qua việc tìm hiểu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tham vấn ý kiến và ra quyết định lựa chọn con đường học tập, làm việc tiếp theo sau THCS. + Thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển bản thân theo định hướng nghề nghiệp. + Nhận thức sở thích, khả năng, điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân. + Thực hiện kế hoạch rèn luyện, phát triển các phẩm chất, năng lực cơ bản của người lao động. + Tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề khi thực hiện các nhiệm vụ: tìm hiểu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham vấn ý kiến người thân, thầy cô về con đường học tập, làm việc tiếp theo sau THCS. <p>Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chăm chỉ, trách nhiệm trong việc tìm hiểu và báo cáo kết quả tìm hiểu hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp. + Trung thực trong việc tham vấn ý kiến và ra quyết định lựa chọn con đường học tập, làm việc tiếp theo sau THCS; tự đánh giá hiệu quả của việc rèn luyện phẩm chất, năng lực cần có của người lao động.
--	--	--	--

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

2.2. Môn KHTN

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
	(1)	(2)	(3)	(4)
Giữa Học kì 1	60 phút	Tuần 9	Đánh giá về kiến thức cơ bản, năng lực khoa học tự nhiên và một số phẩm chất chủ yếu của 3 nội dung kiến thức: Vật	Viết trên giấy

			lý, hóa học, sinh học từ tuần 1 – 8.	
Cuối Học kì 1	60 phút	Tuần 17	Đánh giá về kiến thức cơ bản, năng lực khoa học tự nhiên và một số phẩm chất chủ yếu của 3 nội dung kiến thức: Vật lý, hóa học, sinh học của HKI.	Viết trên giấy
Giữa Học kì 2	60 phút	Tuần 27	Đánh giá về kiến thức cơ bản, năng lực khoa học tự nhiên và một số phẩm chất chủ yếu của 3 nội dung kiến thức: Vật lý, hóa học, sinh học từ tuần 9-26.	Viết trên giấy
Cuối Học kì 2	60 phút	Tuần 33	Đánh giá về kiến thức cơ bản, năng lực khoa học tự nhiên và một số phẩm chất chủ yếu của 3 nội dung kiến thức: Vật lý, hóa học, sinh học của HKII.	Viết trên giấy

2.4. Môn Công nghệ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	9	Kiểm tra kiến thức, năng lực từ tuần 1 đến tuần 9 và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	17	Kiểm tra kiến thức, năng lực trong chương trình học kì I và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	Viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	27	Kiểm tra kiến thức, năng lực từ tuần 19 đến tuần 27 và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	33	Kiểm tra kiến thức, năng lực trong chương trình học kì II và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	Viết trên giấy

2.8. Hoạt động trải nghiệm 6,7,8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 9	Yêu cầu cần đạt của các chủ đề 1,2	Đánh giá
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 17	Yêu cầu cần đạt của các chủ đề 1,2,3,4	
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 27	Yêu cầu cần đạt các chủ đề 5,6	
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 33	Yêu cầu cần đạt của các chủ đề 5,6,7,8	

2.9. Hoạt động trải nghiệm 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 9	Yêu cầu cần đạt của các chủ đề 1,2	Đánh giá
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 17	Yêu cầu cần đạt của các chủ đề 1,2,3,4	
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 28	Yêu cầu cần đạt các chủ đề 5,6	
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 33	Yêu cầu cần đạt của các chủ đề 5,6,7,8	

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tam xuân 1, ngày 10 tháng 9 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Trúc Giang

Nguyễn Ngọc Bình

